

SỐ ĐẶC BIỆT XUÂN MẬU-TUẤT

BÁCH KHOA

SỐ 27 — NGÀY 15-2-1958

田家喜望
高適
出門無所見
春色滿平蕪
可歎無知己
高陽一酒徒

RƯỢU : — Rượu Ấu mạnh « **EAU-DE-VIE cũ** » 40° và 50°
— Rượu Tàu « **LÃO-MẠNH-TỬU** »
— Rượu Tàu « **ÍCH-THỌ-TỬU** »

SI-RÔ « **VERIGOUD** » :
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :
— Dấm « **DISTAROME** »

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**



NƯỚC HOA và DẦU THƠM

« **D. I. C.** » :
Naturelle — Fougère
D. I. C. 5 — Lavande — Stella
ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

MỌI GIAO DỊCH VỀ THƯƠNG MẠI, XIN DO :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH TÂY (S. F. D. I. C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ VÀ TIÊU CÔNG NGHỆ
(S. I. C. A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-Su' nên
Kính-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



Nhân dịp Xuân Mậu Tuất
Bách - Khoa kính - chúc các bạn
một năm hạnh phúc

BÁCH-KHOA

Số 27 — Xuân Mậu-Tuất

- HUỲNH-VĂN-LANG *Tìm hiểu một thái-độ nhân dịp
hối-xuất 1\$ VN = 12 quan.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Giáo-hội tại các Quốc-gia mới.*
- TIÊU-DÂN *Hai vấn-đề quan-yếu của thế-
giới năm 1958.*
- PHAN-KHOANG *Nguyên-nhân của thái-độ người
Việt-Nam đối với Xuân và Tết.*
- NGUYỄN-VĂN-BA *Âm-dương và mầu-thuần.*
- Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI . . *Thơ dịch (Bài thơ ngoài bìa).*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Văn-thẻ hùng-vĩ.*
- NGUYỄN-NGU-Í *Hồ-Quy-Ly.*
- PHẠM-HOÀNG-HỘ *Nguồn gốc loài người.*
- ĐÔNG-XUYỀN *Tranh xuân (thơ).*
- LÊ-VĂN *Lòng nghèo rộng mở đón
Xuân sang.*
- HOÀNG-NGỌC-LIÊN *Xuân ca sáng-tạo (thơ).*
- MẶC-THU *Gái bãi lau.*
- VÕ-PHIẾN *Đêm xuân trăng sáng.*
- DIỄN-NGHỊ *Về xuôi (thơ).*
- HƯ-CHU *Tình-sử.*
- VLHUYỀN-ĐẮC *Khói lửa kinh-thành.*

Họa-sĩ PHẠM-TĂNG *Trình bày và minh-họa.*

NHƠN DỊP ĐỊNH LẠI HỐI-XUẤT

1 \$ VN = 12 QUAN PHÁP

HUỲNH-VĂN-LANG

Ở đây tác giả bài này không muốn phân tách chính sự định giá \$ VN = phạt lãng để xem ảnh hưởng lợi hại của nó thế nào, vì một khi mà đồng phạt lãng bị hạ giá 20% và đồng bạc V. N. vẫn giữ giá cũ với các ngoại tệ khác thì trước sau đồng bạc V. N. đối với đồng phạt lãng cũng phải lên giá 20 % theo kỹ thuật tài chánh quốc tế. Sự quyết định sửa lại hối xuất \$ VN = phạt lãng là một việc phải làm và đã làm rồi, dù lợi hại thế nào đi nữa. Hiện giờ không ai dám quả quyết đo lường lợi hại bao nhiêu mà không sợ lầm lẫn. Chỉ có thời gian mới trả lời xác thực được mà thôi. Tuy nhiên, một biện pháp được áp dụng mà không có biện pháp nào sửa chữa thì tất nhiên sẽ có tất cả những hiệu quả lợi hại của nó, điều ấy không cần phải bàn đến.

Tác giả chỉ có một nhận xét nhỏ mọn về mối liên quan tài chánh Pháp, Việt qua biện pháp định lại hối xuất \$ VN = phạt lãng. Nước Pháp vẫn tiếp tục chiến tranh ở Algérie. Chiến tranh ấy phải, hay không phải, điều ấy cũng không cần nói, vì cái đó tùy theo vị trí của người nhận xét mà chính ngay người Pháp với nhau cũng không đồng một ý kiến. Nhưng ai ai cũng công nhận rằng chính chiến tranh ở Algérie đã gây cho nước Pháp nhiều khó khăn tài chánh tiền tệ, ảnh hưởng nặng nề trên cân cán chi phó của Pháp, làm tiêu mòn dự trữ ngoại tệ của Pháp một cách quá nhanh chóng theo một đà chiến sự ở Algérie. Cho nên biện pháp Gaillard, phá giá đồng phạt lãng 20% là một việc phải làm để tạm thời đối phó, tránh cho nền tiền tệ Pháp khỏi bị sụp đổ. Mục đích của biện pháp Gaillard là mục đích cổ điển, là để bớt nhập cảng vì nhờ đó mà hàng hóa ngoại quốc đắt hơn 20% và thêm xuất cảng vì nhờ đó mà hàng hóa của Pháp rẻ hơn được 20%.

Sau khi Pháp phá giá đồng phật lạng (tháng 8, 1957) 20% thì các ngoại tệ khác lần lần cũng đã định lại giá thêm 20% hay trên nữa. Cũng có một ít ngoại tệ lại chần chừ định giá lại hay chỉ định giá lại từng phần (secteur) thôi. Tức nhiên là bị bắt buộc phải làm chớ không nước nào hăng hái sốt sắng định giá chỉ tệ mình lại, vì đó chỉ có lợi cho Pháp và hại cho mình.

Cũng vì thế mà Việt-Nam ta đến ngày gần đây (18-1-1958) bắt buộc phải định lại $1 \$ VN = 12$ phật lạng. Nhưng trường hợp của Việt-Nam lại đau thương hơn các nước khác vì hai lẽ này :

1 — Ai ai cũng biết là giá chánh thức $1 \$ VN = 10$ phật lạng đã là quá giá (surévaluée) lắm rồi và giá tự do $1 \$ VN = 6$ phật lạng là gần giá thực tế hơn ;

2 — Chánh sách đưa giá đồng bạc VN lên trong hai, ba năm nay chỉ có kết quả được một điểm, nghĩa là đưa từ 5 phật lạng lên 6 phật lạng, gần đến giá chánh thức được có một nấc. Sự định giá lại $1 \$ VN = 12$ phật lạng chẳng những thủ tiêu kết quả đã được mà còn làm cho khoản cách trước kia là 5 bây giờ thành 6. Nhưng ngoài ý muốn của Việt-Nam, sự liên đới tiền tệ quốc tế bắt buộc ta phải định lại cho hợp lý (!), khi ta giữ $1 \$ VN = 1/35$ Mỹ kim hay $1 \$ VN = 1/98$ Anh kim, để tránh hối xuất gãy (taux brisé) là định giá đồng bạc VN với đồng phật lạng riêng biệt không liên quan với các ngoại tệ khác. Hơn nữa, Việt-Nam phải định lại để chứng tỏ rằng mình nhất định giữ giá đồng bạc VN chánh thức như trước, dù thế nào đi nữa.

Dù thế nào đi nữa, trong trường hợp này là hàng hóa VN, xuất cảng qua Pháp sẽ đắt hơn 20% và hàng hóa Pháp nhập cảng vào Việt-Nam sẽ rẻ hơn 20%. Và nếu Ngân-hàng Quốc-gia có một số phật lạng dự trữ là 20 tỷ, thì quyết định của Chánh-phủ định giá $1 \$ VN = 12$ phật lạng là bắt Ngân-kho phải trả cho Ngân-hàng Quốc-gia số tiền lỗ lỗ hối đoái là 400 triệu \$ VN (mua vào $1 \$ VN = 10$ phật lạng bán ra $1 \$ VN = 12$ phật lạng thì tất nhiên là lỗ 20%). Cho nên nếu hàng hóa Pháp rẻ hơn là lợi cho Việt-Nam được phần nào, thì khi hàng hóa VN xuất cảng qua Pháp đắt hơn, nghĩa là kỹ nghệ sản xuất hàng hóa ấy sẽ kém huê lợi \$ VN hơn và khi ngân khố mắc thêm nợ, nghĩa là quốc dân phải chịu, thì 2 cái hại sau này vượt hẳn cái lợi nhỏ nhen kia. Đó là không nói đến cái ảnh hưởng kinh tế do số hơn (multiplicateur) gây ra mà kỹ thuật đo lường một cách khoa học không phải là không dự tính được. Nhưng mục đích chánh của bài này là muốn tìm hiểu cái thái độ của 2 Chánh phủ Pháp, Việt trong một mối liên hệ tài chánh giữa hai nước hơn.

Từ ngày 17 tháng 8-1955, Pháp, Việt đã ký kết với nhau một Hiệp-ước Ngân-khố. Theo Hiệp-ước này thì Pháp chỉ cho Việt-Nam ở Pháp và Việt-Nam chỉ cho Pháp ở Việt-Nam để rồi thanh toán kết sổ với nhau bằng chỉ tệ của nước chủ nợ hoặc bằng chỉ tệ của nước mắc nợ, nếu nước mắc nợ xin điều ấy. Cho nên Việt-Nam đòi Pháp trả bằng phạt lãng nếu Pháp nợ và Việt-Nam trả cho Pháp bằng bạc V.N. nếu Việt-Nam nợ Pháp, lẽ tất nhiên là theo hối xuất chánh thức $1 \$ VN = 10$ phạt lãng. Từ 30 tháng 6-1956, Việt-Nam mở thị trường tự do, thì cách thanh toán theo Hiệp-ước Ngân-khố làm cho Pháp mất lợi gần 50% số tiền Việt-Nam chỉ cho Pháp ở Việt-Nam, nếu lấy hối xuất ở thị trường tự do là $1 \$ VN = 5$ phạt lãng. Nói mất lợi chớ không phải là thiệt hại, vì nếu Pháp được phép mua bạc V.N. ở thị trường tự do là một đặc ân của Chánh-phủ Việt-Nam hơn là một quyền hành.

Vì một mặt có thị trường tự do, một mặt bị Hiệp-ước Ngân-khố ràng buộc, hằng năm Chánh-phủ Pháp mất lợi ở Việt-Nam lối 150 triệu bạc V.N. Vì mất lợi ấy mà ngày 31 tháng 10-1957, Chánh phủ Pháp cáo bãi Hiệp-ước Ngân-khố 17 tháng 8-1955. Đứng về mặt pháp lý và quyền lợi của Pháp thì Chánh phủ Pháp cáo bãi hiệp ước ngân khố là một việc hợp lý. Nhưng đứng về phương diện hữu nghị Pháp, Việt và nhất là đứng về mặt liên hệ tài chánh toàn diện giữa hai nước thì cái thái độ của Pháp, một nước lớn, đáng làm cho ta, một dân tộc nhỏ, phải suy nghĩ. Tại sao? Nếu ngoài khuôn khổ Hiệp-ước Ngân-khố Pháp còn phải chi tiêu ở Việt-Nam hằng năm lối 400 triệu VN\$, thì cái đặc ân mua \$ VN trên thị trường tự do tiết kiệm được cho ngân khố Pháp 2.000 triệu phạt lãng, nghĩa là thay vì phải trả chi tiêu 4.000 triệu phạt lãng như trước, chánh phủ Pháp chỉ phải đem bán ra có phân nửa thôi là đủ. Cho nên sự thành lập thị trường tự do và Viện Hối Đoái cho phép chánh phủ Pháp mua bạc V.N. trên thị trường tự do, hay là cách phá giá \$ VN như thế đã đem lợi cho chánh phủ Pháp hằng năm những 200 triệu \$ VN, đang khi đó Hiệp-ước Ngân-khố làm cho Pháp mất lợi lối 150 triệu \$ VN mà thôi. Pháp cũng biết rõ như thế lắm, nhưng vì 150 triệu \$ VN sau này mà cáo bãi Hiệp-ước Ngân-khố, một mối liên hệ tài chánh sau hết giữa hai nước.

Tóm lại, sự phá giá \$ VN trên thị trường tự do đã đem lợi cho Chánh phủ Pháp thật nhiều. Ở đây tôi không muốn nói đến người Pháp và tài sản của người Pháp ở Việt-Nam, vì thị trường tự do cũng chỉ có lợi cho họ mà thôi. Trái lại Ngân khố Việt-Nam hay dân tộc Việt-Nam bị thiệt: Hiệp-ước Ngân-khố bị cáo bãi thì từ rày Việt-

Nam chẳng những phải tốn ngoại tệ để trang trải chi phí ở Pháp mà còn phải tốn công để tổ chức sự trang trải ấy mà trước kia hai nước có thể giúp lẫn nhau được.

Đến khi đồng phát lừng phà giá mà Chánh phủ Việt-Nam vì phải giữ giá \$VN với ngoại tệ khác đã định lại giá \$VN = phát lừng Pháp thì lại một lần nữa : lợi cho Pháp và hại cho Việt-Nam như trên đã nói.

Phải chăng, khi đồng bạc VN\$ phà giá trên kia, Việt-Nam phải thiệt là trả giá (payer) chiến tranh của Pháp ở Việt-Nam và khi đồng phát lừng phà giá, Việt-Nam cũng phải thiệt nữa là để trả giá chiến tranh của Pháp ở Algérie ? Cái giá ấy đã hẳn là đắt, nhưng không ai biết nó đắt đến ngần nào. Buồn thay là phải trả nợ cho ai đâu đâu đã không được ích lợi gì, thêm thiệt hại nặng nề mà còn thêm tủi phận cho một nước nhỏ yếu.

Hay là ta, người dân Việt, tự an ủi :
Hoan nghinh tình hữu nghị Pháp, Việt ! ?

HUỲNH-VĂN-LANG

Đính chánh

— Trong bài : **Chế-độ kiểm-soát hối-đoái** của ông Huỳnh-văn-Lang đăng trên Bách Khoa số 24 ngày 1-1-58 ở trang 2 dòng thứ 6 (dưới biểu đồ số 1) đã in nhầm là :

« tăng lên từ D'D' đến D D
nay xin sửa lại là :

« tăng lên từ D D đến D'D' »

— Trong bài : **Một chánh sách hối-đoái ở Việt-Nam** cũng của ông Huỳnh-văn-Lang đăng trong Bách-Khoa số 25-26 (số đặc-biệt) ngày 15-1-58 có đề nhiều nhầm lẫn :

Trang 17, cột 2, dòng 39, thiếu dấu ngoặc đơn đóng vào sau câu :

(kể viết bài này... lớn bé sang nghèo đủ hạng)

Trang 20, cột 2, dòng 27 đã in « **trợ cấp trực cấp** » nay xin sửa lại là : « **trợ cấp trực tiếp** »

Ngoài ra cũng trong bài đó chữ « **kiểm soát** » nhiều chỗ đã in nhầm là « **kiểm sát** »

Trân trọng xin cáo lỗi cùng các bạn đọc và mong các bạn sửa giúp lại cho.

BÁCH-KHOA.



GIÁO HỘI

TẠI CÁC QUỐC GIA MỚI

TRONG số trước và trong số này, chúng tôi muốn trình bày một số bản văn chính của Đức Giáo Hoàng Piô XII, nói về hai vấn đề quan trọng được Giáo Hội lưu ý nhất từ sau cuộc đại chiến thứ hai, đó là cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa Cộng sản vô thần, và các cuộc thiết lập Giáo Hội tại các quốc gia mới giành được độc lập, bằng cách đưa lên hàng giáo phẩm một số giáo sĩ thuộc những nước từ trước vốn đặt dưới quyền các vị thừa sai, mà đa số là người Âu-châu.

Các bản văn nói về « Giáo Hội trầm lặng » (chỉ Giáo hội trong những nước đang sống im hơi lặng tiếng dưới quyền uy Cộng sản), có một tính chất quan trọng khác với các bản văn nói về « Giáo hội tại các quốc gia mới ». Đối với chủ nghĩa Cộng-sản vô thần và duy vật, Giáo Hội Công

Giáo vẫn lên án thường xuyên và quyết liệt, xưa cũng như nay. Các vấn đề quan trọng nhất mà chủ nghĩa Cộng sản đặt ra trước Giáo hội phần nhiều gây nên bởi những cuộc bách hại ráo riết tại các nước theo chủ nghĩa Cộng sản chống lại Giáo hội, nên đa số chỉ là những vấn đề có tính chất thiên về thực hành, và như vậy thì thuộc phạm vi lịch sử « Giáo hội trăm lạng » nhiều hơn.

Tại những xứ hiện nay không còn phải là thuộc địa nữa, Giáo hội cảm thấy mình ở trên một địa hạt gần như mới mẻ, và phận sự Giáo hội ở những nơi đó là phải làm sao đưa những dân tộc còn thiếu thốn ấy tiến tới chỗ có thể phát huy đầy đủ năng lực thiêng liêng của họ.

Cuộc viện trợ của các nước tiến hóa hơn thế hiện ra trong Giáo hội dưới hình thức những cuộc truyền giáo do các linh mục thừa sai phụ trách, không thể để nó mưu lợi cho « chính quốc » này hay « chính quốc » nọ. Điều cốt thiết là phải làm sao lập nên tại những nước bị trị trước đây một Giáo hội bản quốc tự trị.

Ở đây chúng tôi chỉ xin trích lục trong số các bản văn của Đức Giáo Hoàng, những đoạn chủ yếu, và ở dưới mỗi đoạn, đều có ghi chú xuất xứ rõ ràng, để những vị nào muốn truy nguyên hoặc xem rộng thêm, có thể tìm thấy dễ dàng.



GIÁO HỘI TẠI CÁC QUỐC GIA MỚI

Muốn ghi vào lòng trí giáo dân sự ích lợi và sự quan trọng của công cuộc truyền giáo, không gì bằng nhắc nhở họ tín điều : « chư thánh đồng thông công ».

Piô XII.

Những quốc gia được thiên nhiên ưu đãi cần phải có lòng ưu-ái đối với các nước kém may mắn khác.

Những dân tộc nhờ được thiên nhiên ưu đãi hoặc được văn minh tiến bộ hơn người, nếu ngay từ bây giờ không nỗ lực giúp đỡ cho các dân tộc kém may mắn những phương tiện sinh hoạt xứng đáng với kẻ làm người để mở mang mây mịt, có thể ngày kia phải giác ngộ một cách đau đớn

ê chề. Thức tỉnh một số đông người và một số lớn quốc gia cho họ ý thức tình thần trách nhiệm chung, đó chính là một công cuộc cao cả và trọng đại; trong cái thời đại hiềm nghi, chia rẽ, phản loạn này, ảnh hưởng tinh thần của công cuộc trên sẽ còn đi xa hơn ảnh hưởng vật chất rất nhiều.

Ta còn nhận thấy công cuộc trên thực hiện trong cả thế gian, không phải với mục đích làm lợi cho một thiểu số giàu sang dư thừa mà cho đa số dân nghèo hèn yếu, không hề được ai bênh vực. Đó chính là một phương diện trong đức nhân ái của Chúa Kitô đã được tô điểm bằng cuộc đời và cái chết của Người và chính Người đã nói sẽ lấy đây làm dấu hiệu dạng phân biệt kẻ nào thật là môn đệ Người.

(Diễn văn cho Tổ chức lương nông quốc tế, nhân dịp kỷ niệm đệ thập chu niên).

Một giáo hội bản quốc tự trị

Như ai nấy đều biết mục đích của mọi công cuộc thừa sai truyền giáo, trước hết là lấy ánh sáng chân lý trong Đạo thánh Chúa mà chiếu rọi trên các dân tộc mới và kích động cho người ta theo Đạo. — Nhưng còn có mục đích cuối cùng mà mọi công cuộc truyền giáo đều phải nhằm tới và không bao giờ được lãng quên là Giáo Hội phải được thiết lập tại các quốc gia mới một cách vững chắc và dứt khoát, với hàng giáo phẩm của họ, lựa trong số giáo dân tại chỗ.

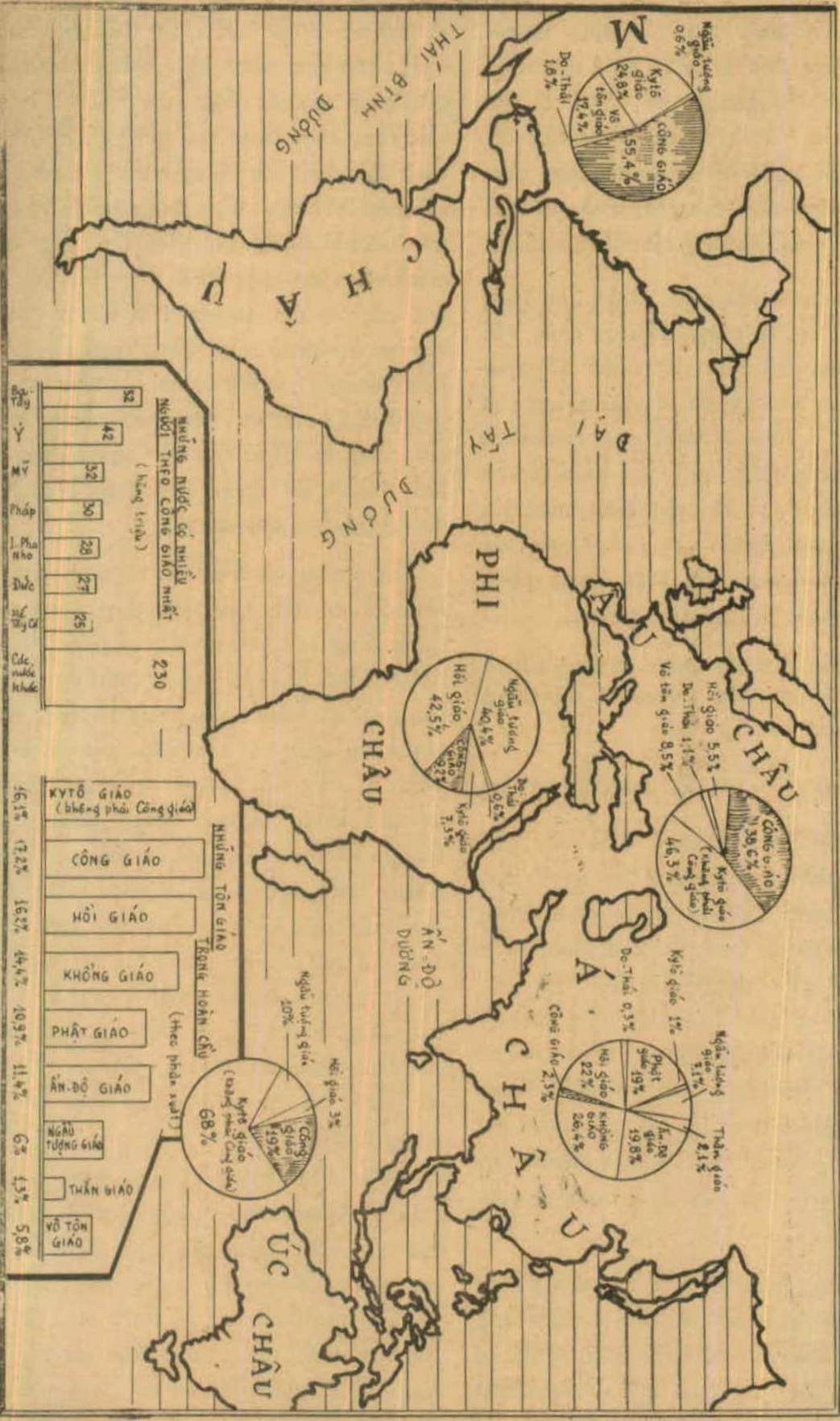
« Ý hướng của các vị rao truyền Phúc âm khi can đảm và hào hiệp nhận lãnh chức vụ là triển dương Giáo Hội tại những xứ sở mới, làm sao cho gốc rễ bám chặt và một ngày một ăn sâu xuống, để sau khi

đã nảy nở có thể tự sống và sinh hoa kết trái, càng sớm càng hay, không cần tới sự giúp giập của các công cuộc thừa sai nữa. Các công cuộc thừa sai này, không được theo đuổi lợi ích riêng mình mà phải hết sức tiến tới mục đích cao siêu Ta vừa nói trên, và khi đã đạt rồi, phải sẵn sàng dâng mình vào công cuộc khác » — Bởi vậy cho nên các vị rao truyền Phúc Âm không lưu lại ở những cánh đồng truyền giáo đã trồng tía rồi, và không coi đó như nơi ăn đời ở kiếp; thiên chức của các vị ấy là lấy chân lý Phúc âm mà chiếu sáng cho thế gian và lấy thánh đức trong Đạo Kitô mà thánh hóa trái đất này.

Tuy nhiên, có điều rất rõ ràng là Giáo Hội chỉ có thể thiết lập được một cách thích đáng tại những xứ sở mới khi nào đã xếp đặt hẳn hoi được những cơ sở cần thiết và huấn luyện cùng tổ chức được một hàng giáo sĩ bản quốc cần thiết cho nhu cầu. Ta xin mượn lời rất thiết tha, và rất khôn ngoan trong thông điệp Rerum Ecclesiae mà nhắc lại rằng : « Chẳng những mỗi người các con phải cố gắng chiêu tập một số học sinh bản quốc đông đảo, mà các con lại còn phải ra sức huấn luyện họ gìn giữ đức hạnh xứng hợp với đời sống thánh thiện của bậc linh mục, với tinh thần truyền giáo ước ao cho anh em được ơn cứu rỗi, dù có phải bỏ tính mạng mình.

« Các con hãy giả thiết như có một cuộc chiến tranh hoặc một biến cố chính trị nào xảy đến biến đổi cục diện một xứ truyền giáo khiến cho xứ ấy yêu cầu hoặc hạ lệnh xua đuổi các vị thừa sai; các con hãy giả thiết, tuy sự này khó xảy ra, như người bản quốc đã tiến tới một trình độ văn hóa nào đó, hoặc đã đạt tới chỗ thành

SỐ NGƯỜI CÔNG GIÁO TRONG HOÀN CẦU



thực về phương diện chính trị, muốn trục xuất khỏi xứ sở họ những công chức, quân đội và giáo sĩ thừa sai của nước đang cai trị họ dựng thù hồi độc lập, và phải dùng tới bạo lực mới thi hành nổi. — Ta thử hỏi các con : bây giờ Giáo Hội trong những nơi ấy sẽ phải thiệt hại biết bao, nếu chưa kịp thời chuẩn bị một số linh mục bản quốc cần thiết cho nhu cầu của những giáo dân mới trên toàn lãnh thổ ? ».

Tôn trọng tinh thần đặc thù của các dân tộc.

Còn một vấn đề nữa Ta cần đề cập tới và Ta mong rằng mọi người sẽ hiểu thấu lời Ta căn dặn — Giáo Hội từ nguyên thủy cho tới ngày nay, luôn luôn noi theo cái tôn chỉ rất mực khôn ngoan là rao truyền Phúc Âm mà không hề phá hoại những đặc tính tốt, lành, đẹp trong tinh thần của các dân tộc khi tiếp nhận Phúc âm. — Thật vậy, khi Giáo-Hội mời gọi các dân tộc, theo sự hướng dẫn của Công giáo, vươn mình lên hấp thụ một thể thức văn hóa và nhân văn cao đẳng, Giáo Hội không hề có hành vi, cử chỉ của kẻ phủ phàng chặt gãy, phá phách, làm hỏng cả một khu rừng tốt tươi. Trái lại, Giáo Hội bắt chước người làm vườn, tháp một thân cây lành mạnh vào những cây mọc tự nhiên trong rừng để cho những cây này trở sinh bông trái thơm ngọt.

Bản chất con người, dù còn tàn tích của tội nguyên tổ, vẫn giữ được một thiên tính tốt lành theo tinh thần Đạo Ki-tô. — Bản chất ấy nếu nhờ được ánh sáng siêu nhiên soi tới và ân sủng Thiên Chúa nuôi dưỡng, có thể đạt tới đức độ cao siêu chân chính và cõi sống thiêng

liêng. — Vì lẽ đó, Giáo-Hội không bao giờ miệt thị những chủ thuyết ngoại đạo, trái lại Giáo-Hội gột rửa các chủ thuyết ấy cho khỏi những điều lầm lạc, dơ đục, rồi dùng chủ thuyết Kitô giáo mà hoàn thành và làm cho nên toàn hảo.

— Nghệ thuật và văn hóa của các nước ngoại đạo nhiều khi đã đạt tới những độ cao hiếm có, Giáo-Hội rất niềm nở mỗi khi tiếp nhận được và Giáo-Hội hằng nỗ lực vun trồng cho trở nên tươi đẹp đến mức từ xưa nay chưa từng đạt tới.

— Cả đến những phong tục đặc thù và những định chế cổ truyền của các dân tộc, Giáo Hội không tuyệt đối lên án mà chỉ tìm cách thánh hóa. — Những lễ tiết, hội hè của họ, Giáo-Hội cũng chỉ sửa đổi tinh thần và hình thức, và vẫn dùng làm dịp để tưởng niệm các đấng tử đạo và biểu dương các sự màu nhiệm trong Đạo Kitô. Như thánh Basiliô đã viết rất hay và rất đúng rằng : « Cũng như người thợ nhuộm phải sửa soạn cẩn thận tấm vải rồi mới nhuộm màu đỏ hay màu gì khác, nếu ta muốn cho ánh sáng của điều thiện tồn tại ở nơi ta và không bao giờ phai nhạt, ta phải học các khoa học phàm tục trước, rồi mới học các khoa học về Thiên khai và tôn giáo sau. Có quen nhìn mặt trời trên làn nước, ta mới có thể nhìn Ánh sáng thật mà không lóa mắt. — Sinh hoạt của cây là ở chỗ tới kỳ thì khai hoa kết quả, nhưng chòm lá sum sê, qua cành rủ rỉ, không phải là không thêm phần mỹ lệ cho cây. Linh hồn người ta cũng vậy, hoa trái tốt lành của nó, nằm trong Chân lý, nhưng khoa học trần thế khác nào một tấm áo tơi, một chòm lá xanh bao bọc xung quanh, làm cho nó thêm tươi, thêm mát. Người

ta bảo đó là con đường của ông Mai-Sen, (trong Cựu - Ước) một người thông thái nổi tiếng khắp nơi, vì ông đã thụ giáo các danh sư Ai-Cập trước khi dâng mình lên chiếm ngưỡng Đấng hằng hữu — Người ta cũng bảo sau này tiên tri Đa-ni-en, một nhà hiền triết hữu danh, chỉ khi đã lâu thông kinh sử của người Can-dê ở Ba-ly-lon, mới khởi sự nghiên cứu Thánh-giáo mà thôi. »

Năm 1944, trong bài diễn văn đọc cho các vị giám đốc các tổ chức thừa sai giáo hoàng, Ta đã có nói những lời sau đây: « Tổng đồ là sứ giả Phúc Âm và là tiền hô Chúa Giêsu Kitô. — Công việc của họ không phải là mang trồng tại các xứ truyền giáo xa lạ văn hóa của các dân tộc Âu-Châu, như trồng một cái cây. — Đối với các quốc gia mới thường tự hào là những nước ngàn năm văn hiến, việc giáo hóa họ phải nhằm mục đích làm cho họ khát khao, hăm hở tiếp nhận những qui tắc và tập quán của cuộc sinh hoạt công giáo — Các qui tắc này có thể hòa hợp với mọi nền văn hóa thể tục, miễn là lành mạnh, thanh cao và tác động cho những nền văn hóa ấy có năng lực bảo vệ được nhân phẩm và đạt tới hạnh phúc. — Người công giáo nước nào cũng vậy, họ là công dân trong đại gia đình Thiên Chúa và nước Người trước đã, nhưng không phải vì thế mà họ không còn là công dân của tổ quốc họ trên trái đất nữa.

(Thông điệp « *Evangelii Praecones* » về các tổ chức truyền giáo, 2 tháng 6 năm 1951).

TIẾN TRIỂN TRONG HÀNG GIÁO SĨ
BẢN QUỐC

Năm	Á-Châu	Phi-Châu
1923	4.261	159
1929	5.062	275
1939	5.323	338
1949	6.751	1.096
1954	7.590	1.446

Phải hòa đồng với dân chúng

Chớ bao giờ các con tìm cách nào, dù là cách khôn ngoan, khiến cho các dân tộc tông giáo đổi thay lễ tiết, cựu lệ hay tập quán của họ, trừ khi các đặc điểm ấy tuyệt đối tương phản với Kitô giáo và thuần phong mỹ tục. Thật thế, còn gì phi lý cho bằng đem vào nước Trung-Hoa những đặc điểm của nước Pháp, của nước Tây-Ban-Nha hay của nước Ý-Đại-Lợi ? Đó không phải những điều các con phải rao truyền. — Điều các con phải rao truyền là Đức tin, mà Đức tin thì không những không xung khắc với lễ tiết hay phong tục lành tốt xứng hợp, trái lại, còn ra sức bảo tồn nữa... Vậy các con đừng tìm cách thay thế tập quán của các nước này bằng tập quán của các nước Âu-Châu và các con phải cố gắng làm sao hòa đồng với họ nữa mới được.

(Huấn từ Truyền Giáo 1659).

HOÀNG-MINH-TUYNH phụng dịch

Danh ngôn, danh lý trong số này gồm những

« CÂU NÓI HIỀN NGANG »

đề cao « **nhân phẩm** »

★ Không lấy bậy của ai gọi là giàu ; không bị nhục với ai, gọi là sang.

HAI VẤN - ĐỀ QUAN - YẾU

CỦA THẾ - GIỚI NĂM 1958

của Tiểu-Dân



Năm 1957 chấm dứt giữa một tình hình thế giới khá đặc biệt.

Người ta có thể bảo rằng có nhiều sự kiện mới cho phép nhân loại tin tưởng mạnh mẽ hơn ở nền hòa bình chung.

Người ta cũng lại không thiếu lý lẽ và bằng chứng để nhận rằng một hiểm họa đang đe dọa hòa bình của nhân loại, hơn cả bao giờ.

Hai cách nhận định tình hình này rõ ràng mâu thuẫn với nhau. Theo sự suy luận thông thường, người ta chỉ có thể cho là đúng cách này hoặc cách kia.

Thật ra, như trên đã nói, tình hình quốc tế 1957, cụ thể là vào Thu-Đông, khiến người ta có những ý kiến về thời cuộc vừa thiết thực, lại vừa trái ngược với nhau như vậy.

Ta hãy nhìn lại năm cũ để có ý niệm rõ rệt hơn về sự thật ấy.

Những tiếng đàn dạo của bản hợp tấu hòa bình.

Kể từ hội nghị cấp quốc trưởng tại Giơ-ne năm 1955 mà các giới Tây Phương thường gọi là « Trò đại bịp », nhân dân thế giới vẫn sống trong tình trạng « yên ổn được một ngày, mừng một ngày ». Nói là đã có hòa bình thì chưa đúng mà bảo rằng nhân loại đang ở miệng vực chiến tranh cũng không phải.

Trong điều kiện tình hình thế giới ngày nay, nói chiến tranh, ta phải nghĩ đến sự xung đột vô trang giữa Nga, Mỹ, lôi cuốn vào vòng cả hai khối đối lập. Mà trong thời gian ấy, cả Mỹ lẫn Nga luôn luôn đối đầu với nhau trong mọi vấn đề quốc tế nhưng cũng lại luôn luôn bày tỏ thiện chí và kêu gọi đối phương của mình hợp tác cùng cố hòa bình.

Các vấn đề trọng đại của thế giới như tài bình, cấm sử dụng vũ khí nguyên tử, nói rộng tiếp xúc Đông Tây, thống nhất nước Đức và các nước bị phân chia khác v. v., vẫn bị kéo dài, nhiều phen bị đưa vào ngã bí nhưng không hẳn là hoàn toàn bế tắc vì... không lẽ phải có sự giải quyết bằng chiến tranh.

« *Giữ nguyên hiện trạng* » đó là xu hướng đậm đà nhất của hai phe khi họ đã cùng nhận thức rằng không thể nào thỏa hiệp với nhau, cũng như không thể nào đơn phương giải quyết vấn đề hòa bình thế giới.

Tình trạng « *không có chiến tranh chứ chưa phải là hòa bình* » này kéo dài đến cuối năm qua.

Cuối năm 1957, nhân dân thế giới ghi nhận lại sự kiện đặc biệt quan trọng :

a) *Cuộc vận động cho hòa bình của Cơ-rút-sét, Bun-ga-nin, sau khi Nga-xô thành công trong việc phóng vệ tinh nhân tạo lên thượng tầng không khí.*

b) *Lập trường hòa bình của thế giới tự do qua những quyết nghị của Đại hội đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương vừa rồi.*

Trước đây, dư luận quốc tế còn chưa thống nhất với nhau trong việc nhận định lập trường đối với hòa bình của Nga-xô.

Dần dần, nhờ sự soi sáng của những biến cố chính trị xảy ra ở Nga, người ta đã đi đến kết luận rằng « *hiện nay Nga-xô không muốn có chiến tranh* ».

Lời kết luận này có một ý nghĩa phức tạp. Người ta nhận rằng Nga-xô « *hiện nay muốn được hòa bình nhưng không phải muốn hòa bình vì thành thật yêu chuộng hòa bình* ».

Kết luận như vậy dựa vào những biến cố chính trị ở Nga kể từ Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng-sản Nga.

Nga đang phải đương đầu với những khó khăn nội bộ lớn lao, vốn là hậu quả của phong trào « *Dân chủ hóa tổ chức*,

sinh hoạt » được phát động sau khi Nga đã phá « *Chủ nghĩa tôn sùng cá nhân kiểu Xít-ta-lin* ». Những khó khăn ấy là :

— *Sự khủng hoảng của ý thức hệ Cộng sản (idéologie communiste) được biểu lộ qua việc các nước Cộng-sản chur hầu tự ấn định con đường đi riêng biệt của mình, tự nói lỏng sự kềm chế của điện Cầm-linh nhất là về mặt tư tưởng.*

— *Sự lúng túng của các nhà lãnh-tụ điện Cầm-linh trong việc lãnh đạo chính sách, chủ trương trước tình thế mới.*

Tình thế mới này tức là áp lực của dân chúng các nước chur hầu thúc đẩy các đảng Cộng-sản trong nước cụ-thể hóa đường lối kiến thiết xã hội chủ nghĩa riêng biệt được công bố. « *Lấy gậy ông đập lưng ông* » dân chúng đang buộc các đảng Cộng-sản làm một việc mà ảnh hưởng không thể tránh được là sự tách rời với quyền lực chi phối của Nga-sô hơn nữa.

Tình thế mới này còn là phong trào tranh đấu của nhân dân Nga-sô, hàng đầu là các nhà trí thức và đặc biệt là quần chúng đảng viên Cộng-sản, buộc Đảng Cộng-sản Nga thay đổi sâu xa tất cả lẽ lối tư tưởng, sinh hoạt, tổ chức được áp dụng từ trước đến nay.

Trước những hậu quả vượt quá tầm dự đoán của Đảng Cộng-sản Nga-sô khi Đảng chủ trương « *đả phá chủ nghĩa tôn sùng cá nhân* », « *trở lại với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lê-nin* », « *hiện nay con đường kiến thiết xã hội chủ nghĩa* » « *dân chủ hóa tổ chức, sinh hoạt* », hiện nhiên các lãnh tụ điện Cầm-linh phải lúng túng.

Siết chặt lại hay buông lỏng hơn nữa ?
Hoặc nói cách khác : *Trở lại với chế độ*

*độc tài Xít-ta-lin hay đề cho tình thế mới
ấy phát triển mạnh mẽ thêm ?*

Đó là những câu hỏi mà Đảng Cộng-sản Nga phải giải đáp cho đúng nếu muốn tồn tại.

Chính hai khó khăn căn bản nói trên, *khủng hoảng về ý thức hệ và khủng hoảng về đường lối lãnh đạo chính trị*, buộc Nga-sô phải hòa hoãn bên ngoài (thế giới tự do) để tập trung năng lực đối phó bên trong (dân chúng Nga và các nước, các đảng chư hầu).

Nga-sô không muốn có chiến tranh là vì như vậy.

Cho nên gần đây, việc Nga phóng được hai vệ tinh nhân tạo sau khi tuyên bố hoàn thành chế tạo hỏa tiễn liên lục địa, làm cho thế giới tự do hết sức lo âu.

Điều mà người ta e ngại nhất là Nga có thể dựa vào những thắng lợi ấy về khoa học thuần túy và khoa học quân sự mà hòa hoãn được mâu thuẫn bên trong để quay ra đối đầu quyết liệt hơn với bên ngoài. Thì hòa bình thế giới sẽ đổ vỡ vậy.

Nhưng qua những lời tuyên bố của ông Cơ-rút-sét, bí thư Đảng Cộng-sản Nga, người ta nhận rằng mặc dù bắt đầu có giọng lưỡn của kẻ mạnh, (hoặc tự cho là mạnh), lãnh tụ Nga-sô vẫn bày tỏ ý muốn cùng thế giới tự do giải quyết những vấn đề tranh chấp quan hệ đến nền hòa bình chung.

Trước kỳ họp cuối 1957 của Đại Hội Đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương, chủ tịch hội đồng bộ trưởng Nga, ông Bun-ga-nin, lại gởi cho một số nước như Mỹ, Anh, Pháp, Ấn Độ v. v., những bản thông điệp trong đó chính phủ Nga-sô

đề nghị những biện pháp (chẳng hạn sự tiếp xúc giữa Tây Phương và Nga ở cấp bậc cao) mà Nga cho rằng có tác dụng làm cho tình hình thế giới được hòa dịu.

Thái độ ấy của Nga, trong khi hai tiểu nguyệt « đỏ » xoay quanh trái đất, khiến nhân dân thế giới phải suy nghĩ, tìm hiểu.

Theo nhận định của một số nhân vật thuộc giới am hiểu thời cuộc, sở dĩ Nga-sô vẫn giữ thái độ hòa hoãn với bên ngoài là vì :

— Những khó khăn nội bộ nghiêm trọng của Cộng-sản quốc tế chưa được giải quyết thanh thỏa.

— Trong điều kiện tình hình như vậy, thêm vào đó yếu tố mới là những thành công về khoa học, Nga-sô vẫn còn thấy lợi ích của đường lối tranh thủ chính trị với chiến lược « sống chung hòa bình ».

Bây giờ cũng như bao giờ và mãi mãi về sau, bản chất của Cộng-sản vẫn là một. Không ai chờ đợi ở Cộng-sản một lập trường hòa bình chân chính.

Nhưng về mặt chính trị, nếu ta thừa nhận rằng giữa hai đối phương có lúc căng, có lúc hòa hoãn, thái độ của Nga-sô đối với vấn đề hòa bình thế giới cần được xét một cách khách quan như vậy.

Theo tinh thần nhận hiểu nói trên, dư luận của thế giới tự do cho rằng những lời tuyên bố của Cơ-rút-sét, các thông điệp của Bun-ga-nin, nói chung lập trường của Nga-sô hiện nay, không có tính cách đầy nhân loại đến chiến tranh.

Hiệu Cộng-sản, biết vì sao Nga không muốn có chiến tranh, nhớ rằng mục phiêu cuối cùng của Cộng-sản bao giờ cũng là thống trị thế giới, ta vẫn nhận định thái độ

của Nga-sô là một yếu tố có thể có lợi cho việc làm giảm bớt tình hình căng thẳng trên thế giới, nếu thế giới tự do biết khai thác.

Ta bước sang lập trường hòa bình của thế giới tự do qua những quyết nghị của Đại Hội Đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương.

Có thể nói rằng từ trước đến nay, khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương chưa có một cuộc họp nào có sự quan trọng như cuộc họp vừa rồi.

Không phải chỉ vì đại diện 15 quốc gia dự hội nghị là 15 thủ tướng chính phủ.

Không phải chỉ vì cuộc họp diễn ra đúng vào lúc mà nhân dân thế giới tự do mong đợi.

Mà nhất là vì tầm quan trọng đặc biệt của những quyết nghị của Đại hội đồng.

Cho đến nay, ngay trong nội bộ của thế giới tự do, có những dư luận phiến trách về nhận thức và đường lối chính trị của khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương, nói riêng của một số cường-quốc dân chủ.

Những dư luận ấy cho rằng :

— Sự liên minh giữa các quốc gia dân chủ có tính cách phiến diện, nặng quân-sự, nhẹ chính trị.

Do chỗ thiếu một chính sách chung đối với các vấn đề quốc tế và các vấn đề liên hệ giữa nước này với nước khác mà thế giới tự do thường gặp những khó khăn bất ngờ như vụ Suy-e, vụ cung cấp vũ-khí cho Tuy-ni-di v. v.

— Thế giới tự do chưa ấn định được một chiến lược chung chống Cộng thích thời và hữu nghiệm.

Dư luận chứng minh nhận định trên bằng cách nhắc rằng thế giới tự do chỉ nặng về vạch trần luận điệu tuyên truyền hòa bình bịp bợm, tổ cáo chiến lược sống chung hòa bình sâu độc của Cộng sản quốc tế mà ít quan tâm đến những sáng kiến chủ động tranh đấu cho hòa bình.

Do đó ta không đầy được đối phương đến cái thế phải chọn 1 trong hai con đường : để rơi mạt nạ hòa bình hay thỏa hiệp. Một sự trạng khác được nhắc nhở là việc chưa thống nhất ý kiến giữa một số quốc gia dân chủ về lợi ích của chiến lược tranh thủ chính trị bằng chính sách viện trợ kinh tế kỹ thuật cho các nước bạn, nhất là các quốc gia hậu tiến. Mặc dù tại Hội nghị Liên-Phòng Đông-Nam Á họp ở Ca-ra-si năm rồi, ngoại trưởng Pháp Pi-nô đã lên tiếng đầu tiên đòi Tây Phương duyệt xét lại chính sách chung của thế giới tự do và chiến lược chống Cộng, người ta vẫn chứng kiến ở một vài cường quốc một thái độ gần như lúng túng trong việc qui định thứ tự quan trọng của hai đường lối : chống Cộng bằng tranh thủ chánh trị và chống Cộng bằng phòng thủ quân sự.

Những dư luận nói trên có thể được tóm tắt là :

— Thế giới tự do mạnh vì bản chất chế độ, mạnh vì lý tưởng dân chủ nhưng chưa phát huy được thuận lợi sức mạnh tất thắng của mình.

— Nguyên nhân của khuyết điểm ấy là sự thiếu chính sách, đường lối chung của thế giới tự do đối với những vấn đề nội bộ, sự thiếu sáng kiến chủ động trong chiến lược chống Cộng.

Sau khi Nga-sô đạt được những thành tích về hỏa tiễn và vệ tinh nhân tạo, dư luận ấy càng sôi nổi, đòi hỏi một sự vùng dậy mạnh mẽ của thể giới tự do để đối phó với tình hình quốc tế mới trong đó hiềm họa Cộng sản tăng phần nghiêm trọng.

Thì Đại hội đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương đã họp, giải đáp đúng nguyện vọng của mọi người.

Bản thông cáo chung của Đại hội đồng cho ta thấy rằng khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương đã quyết định được nhiều việc quan trọng, có giá trị những thành quả tốt đẹp của khối, nói chung của thể giới tự do, trên bước đường trách vụ mới, trước tình hình thế giới mới.

Sau đây, những quyết nghị quan trọng nhất trong bản thông cáo :

a) *Thực hiện Liên minh.* « Lực lượng của sự liên minh giữa chúng tôi do sự đoàn kết của chúng tôi, trước mỗi nguy cơ đang đe dọa chúng tôi. Nhờ sự đoàn kết căn bản ấy, chúng tôi có thể thắng nổi những sự khó khăn của chúng tôi và làm cho chúng tôi dung hòa được những sự khác biệt trong những quan điểm của chúng tôi... »

Đề cụ thể hóa ý chí đoàn kết nói trên, Đại hội đồng M. Ư. B. Đ. T. D. đặt thành tiền lệ (préalable) cho các quốc gia hội viên đề hỏi han ý kiến của nhau, dung hòa những ý kiến dị đồng của nhau, trong các vấn đề thuộc nội bộ của khối Minh Ước hoặc thuộc phạm vi thế giới.

b) *Tài giảm binh bị* « Minh Ước Bắc Đại Tây Dương sẽ không bỏ qua một dịp nào để giảm vũ-trang, trong giới hạn cần có bảo đảm an ninh. Chúng tôi muốn có

thề thương thuyết với Nga-sô, trong khuôn khổ Liên-hiệp-Quốc thì hơn, để đi đến sự thực hiện những đề nghị giảm vũ trang.

Nếu chính phủ Nga-sô từ chối không chịu tham gia vào một ủy ban giảm vũ trang mới của Liên-hiệp-Quốc, chúng tôi cũng sẽ hoan nghênh một hội nghị giữa các ngoại trưởng để giải quyết những sự bế tắc về vấn đề này.

c) *Phòng thủ của Minh Ước.* M. Ư. B. Đ. T. D. đã quyết định lập những căn cứ chứa các khí giới hạch tâm có thể sử dụng ngay được, nếu cần đến. Vì chánh sách của Nga-sô hiện tại trong khu vực vũ khí mới, Hội Đồng của Minh Ước cũng đã quyết định giao những hỏa tiễn trung bình cho vị Tổng Tư lệnh quân đội của M. Ư. ở Âu Châu. Việc sử dụng các vũ khí này phải được quyết định theo đúng chương trình phòng thủ của M. Ư. và sau khi đã thỏa thuận, với các nước có trực tiếp liên quan đến M. Ư.

Chỉ có một sự cố gắng mạnh mẽ chung mới có thể bảo đảm các dân tộc cùng những tự do của chúng ta. Cùng chung sức với nhau, chúng ta, trong tự do, có thừa năng lực để bảo vệ tự do của chúng ta ».

Đại hội đồng M.Ư.B.Đ.T.D. còn đạt được một thành quả quan trọng nữa là sự quyết định tăng cường hợp tác trong hàng ngũ thế giới tự do trên địa hạt khoa học, theo đề nghị của Pháp (Pool des cerveaux), để bảo đảm cho thế giới tự do địa vị ưu thế trong kỷ nguyên mới của khoa học.

Những quyết nghị trên chứng tỏ những gì và ý nghĩa thắng lợi của thể giới tự do ra sao ?

Chúng ta thấy :

a) Một sự biểu dương mạnh mẽ của thể giới tự do về ý thức trách nhiệm trước tình thế mới và về quyết tâm tranh đấu bảo vệ Độc lập, Dân chủ, Hòa bình cho các dân tộc.

b) Những phương hướng tranh đấu thực hiện mục tiêu Độc lập, Dân chủ, Hòa bình thực tiễn và hữu nghiệm.

Giờ đây, thế giới tự do đã nhận thức rõ rệt hơn cả bao giờ về sức mạnh vô song của mình và ấn định được những đường lối, phương sách phát huy sức mạnh ấy, vì lợi ích của nhân loại.

Phản ứng đầu tiên của nhân dân thế giới đối với những thành quả của Đại hội đồng M. U. rất là tốt đẹp : *Tin tưởng mạnh mẽ hơn ở tương lai*. Sự tin tưởng này dựa nhiều nhất vào lập trường hòa bình của thế giới tự do, một lập trường chân thành vì hòa bình, cương quyết mà không khiêu khích, mềm dẻo mà không nhu nhược, một lập trường hòa bình trong đó yếu tố chủ động chiếm một chỗ đặc biệt, có tác dụng đưa Cộng sản quốc tế đến cái thế phải, hoặc thỏa hiệp để giữ vững hòa bình nhân loại, hoặc tự đánh rơi mặt nạ hòa bình, rước lấy sự kết án của loài người.

Đến đây, ta đã lần lượt đi qua hai sự kiện : cuộc vận động hòa bình của Nga-sô và lập trường hòa bình của thế giới tự do qua những quyết nghị của Đại hội đồng Minh Ước B. Đ. T. D.

Những sự kiện này làm cho nhân loại tự hỏi : Phải chăng ước vọng hòa bình sẽ thành sự thật vào năm 1958 ?

Ài cũng hiểu rằng những chông gai trên bước đường tranh đấu bảo vệ hòa bình còn nhiều. Cần có tinh thần cảnh giác sắc

bén đối với Cộng-sản Quốc-tế dù khi họ không muốn có chiến tranh, cũng như cần chờ đợi thế giới tự do bắt tay vào việc, nối tiếp và phát triển những thắng lợi chính trị của Đại hội đồng M. U. B. Đ. T. D. bằng những thắng lợi cụ thể khác, trong mọi lãnh vực.

Tuy nhiên người ta tự thấy có quyền, có căn cứ, để hi vọng.

Trong khi chờ đợi bản hợp tấu hòa bình, nhân loại không thể không chào mừng những tiếng đàn dạo yên lành, gieo không khí vui tin ở ngưỡng cửa năm mới.

(Còn tiếp)

Giới thiệu sách mới

Chúng tôi có nhận được:

PHỤ-HUYNH NÊN BIẾT KHI CHO CON EM ĐI HỌC — NGƯỜI MẸ SÁNG SUỐT » của **Thiên - Giang** và **Vân-Trang**, trong tủ sách « **Tân giáo dục** » do **Thiên-Giang** chủ biên và do nhà **Nguyễn-Hiến-Lê** xuất bản (giá : 28\$).

Ông **Thiên-Giang** vốn là một người hết lòng thiết tha với giáo dục mới (Ông đã giới thiệu với chúng ta phương pháp **Decroly**, và mới đây : phương pháp **Freinet**, và có lẽ ông dừng chân trên « thế giới mới » này).

Trong cuốn sách mới trên đây, ông đã cố gắng trình bày một vấn đề vốn quá trừu tượng, khô khan, và khó mà tránh khỏi được cái « giọng dạy đời » bằng một hình thức hấp dẫn, với những thí dụ cụ thể và giọng văn linh hoạt.

Sách lại có kèm thêm một chuyện giáo dục nhi đồng, của **Vân-Trang**, cùng nhiều ảnh trẻ em chơi học làm thêm tươi quyền sách, mặc dù câu chuyện đem ra bản là một chuyện nghiêm trang.

Tóm lại, đây là một cuốn sách giáo dục mới mẻ mà chúng tôi thiết nghĩ phụ huynh nào cũng cần có. **Bách Khoa** ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

Hộp-thư Bách-Khoa

- Ô. VŨNG-ĐÀN: Đã nhận được thư và thơ của ông. Xin cho biết tên và địa-chỉ để gửi thư trả lời và gửi báo.
- Linh-mục NGUYỄN-TRÍ-THỨC: Xin cho biết địa chỉ mới để gửi báo.
- Ô. THANH-BÌNH, Saigon: Đã nhận được thư của ông. Xin ông cho người lại Tòa soạn để nhận một thư riêng của ông Huỳnh-văn-Lang trả lời ông.
- Ô. TRẦN-ĐỨC-HUYỀN Roma: Đã nhận được bài: « Đạo không với óc khoa-học ».
- Ô. N. T., sinh viên Mỹ thuật: Đã nhận được bài: « Corot nhà danh họa của thế kỷ XIX » Đương xem. Xin cho biết tên thực.
- Ô. MẠC-LY-CHÂU: Đã nhận được « Đêm Tokyo ». Sẽ đăng trong số tới.
- Ô. HOÀI-KHANH: Đã nhận được thơ. Sẽ đăng dần.
- Ô. LAM-VIỆT: Đã nhận được thư, bài, và thơ của ông. Sẽ có thư trả lời riêng.
- Ô. NGUYỄN-ĐỒNG, Cần-thơ: « Toán Học lược khảo » xin sửa lại cho dễ hiểu hơn.
- Ô. NGUYỄN-ANH-TRIẾT, Quảng-Ngãi: Đã nhận được « Thử xét lại các tổ chức binh chế của một vài triều đại trước ». Xin gửi tiếp cho trọn bài và nếu có các hình vẽ và bản-đồ xin vẽ bằng mực đen để dễ làm bản kẽm.
- Ô. THÁI-BẠCH: Đã nhận được 3 bài. Sẽ đăng trong những số tới.
- Ô. CAO-LANG: Đã nhận được « Hùng Đông », Đương xem,

Các bạn đọc thân mến,

Thề theo ý muốn của các bạn, sang năm thứ hai này, Bách-Khoa sẽ tăng thêm số trang và sửa đổi cả phần nội dung lẫn hình thức. Bởi vậy bắt buộc Bách-Khoa phải tăng giá báo từ 8\$ lên 10\$.

Mong rằng các bạn đọc thông cảm những khó khăn và cố gắng của Bách-Khoa hiện nay mà chấp nhận cho sự tăng giá này.

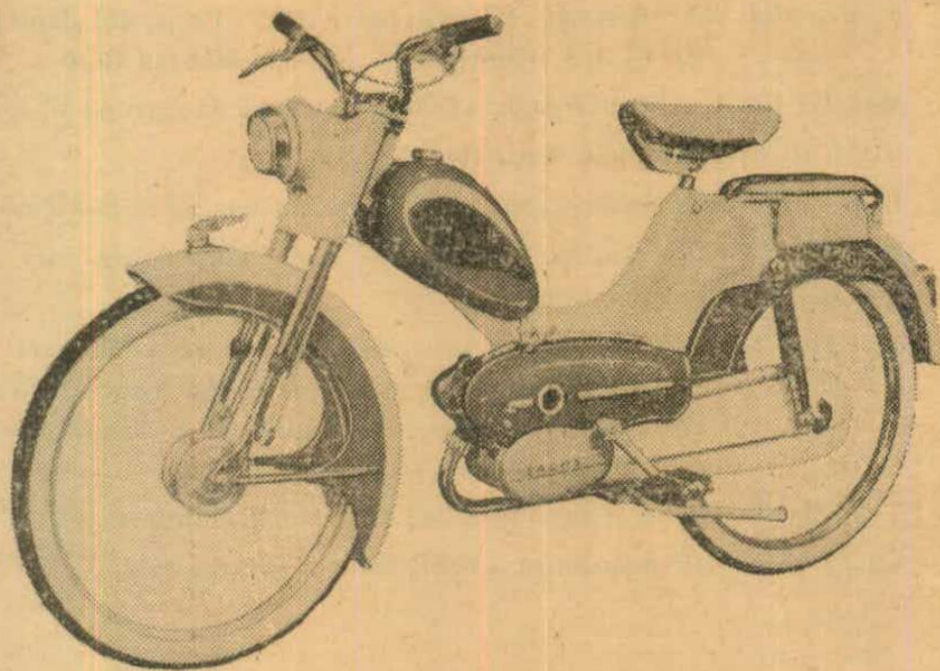
Riêng đối với các bạn mua báo dài hạn, Bách-khoa đặc biệt sẽ giữ nguyên giá cũ (180\$ một năm — 90\$ sáu tháng) để đáp lại lòng tin yêu mà các bạn đã dành cho Bách-Khoa trong hơn một năm nay.

NAM-VIỆT - CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập cảng

Văn-phòng : 37, Thái - Lập - Thành
(Amiral Dupré) SAIGON

Điện-thoại : 22.992



Đại-lý độc-quyền :

Xe gắn máy NAVICO

Xưởng ráp :

Tại đường Trương-minh-Giảng (Tân-sơn-nhút)

Chi-ngánh tại Nam-vang :

179/7, đường Vithei Youkangthor

NGUYÊN-NHÂN CỦA THÁI-ĐỘ NGƯỜI VIỆT-NAM đối với Xuân và Tết

Phan-Khoang



TRONG một năm, không lúc nào người Việt-Nam cảm thấy khoan khoái trong tâm hồn, thư thái ở xác thể bằng mùa Xuân.

Vì thế, Xuân rất kêu gọi cảm hứng, hình như ấy là một nguồn văn, thơ vô tận của trời đất dành riêng cho mặc khách, tao nhân. Thi nhân, Văn sĩ Việt, Tàu xưa nay đã sản xuất biết bao giai phẩm trong dịp tiết Xuân, hoặc tả Xuân, Cảm Xuân, thương Xuân, mừng Xuân, hoặc tiếc Xuân, sầu Xuân

v. v...

Trong chúng ta ai lại không thuộc năm, ba câu thơ về Xuân, và đã ngâm nga trong lúc nhàn rỗi:

*Rèm liễu lú lo oanh hót gió,
Dậu hoa phấp phới bướm chầm hương.
(khuyết danh)*

Hoặc :

*Xuân đào, đào mai tân cảnh-sắc,
Khách lai, trà tửu cựu phong-lưu.*

(khuyết danh)

Hoặc :

*Oanh, én đầu cành, hoa cười Xuân,
Cỏ rợn chân trời, én lộng nước,
Vạn vật đắc ý, người thanh-tân.*

(Nguyễn-Khắc-Hiếu)

Hoặc :

*Lắng nghe chim rộn trên cành.
Gió về khua động trời thanh dịu-dàng.
Lòng tôi rộng đón không gian,*

*Muôn màu tươi thắm, trăm ngàn ước mơ.
Xuân về chứa cả lời thơ,
Tô thêm nét đẹp bên bờ cây non.
Xuân về đẹp quá ai ơi!
Hồn tôi ấm lại với hơi say nồng.*

(Ngọc Sanh)

Cái thời gian mà « Xuân tiêu nhất khắc tri thiên kim » ấy, người ta gặp nó thì vui mừng, sung sướng, nên cố tận hưởng nó, và lo sợ nó đi mất đi:

Chơi Xuân kẻo hết Xuân đi.

Hoặc :

*Xuân xanh, xuân mãi đâu mà, hỡi ai!
Gặp Xuân ta hãy làm vui,
Kéo nay Xuân đến, ngày mai Xuân về.*

(Nguyễn-Khắc-Hiếu)

Hoặc :

*Thương thay! Xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay! Xưa những hừng hờ với xuân,
Trăm nghìn giờ lay Đông-Quán,
Hãy khoan-khoan tới, hãy dần dần lui.*

(Nguyễn-Khắc-Hiếu)

Hoặc :

*Ăn chơi lấy kẻo thanh-xuân bắt tái
Cũng có lúc tiếc Xuân mà ngoảnh lại
Trông ra thờ lửa lựu đã bay lờ
Thôi thôi, xuân đã sang hè.*

T. H.

Vì thế « Xuân » là tiếng rất được người Việt-Nam và người Tàu trọng vọng. Hễ cái gì mới mẻ, tốt đẹp, tươi tắn, trẻ mớ thì dùng tiếng Xuân để hình dung. Thí dụ: giấc ngủ ngon lành gọi là giấc Xuân, giấc chiêm bao đẹp dễ gọi là mộng Xuân, mặc dầu ngủ, chiêm bao trong mùa hạ, mùa đông; nhà cao lớn gọi là Xuân-đài, ánh sáng đẹp tốt gọi là Xuân-quang, dung-mạo tươi tốt gọi là Xuân-dung v... v...

Rồi dùng rộng ra, sự giao tế giữa trai gái, là việc vui vẻ, trẻ trung, nếu không dùng tiếng tục để chỉ rõ thì cũng lấy tiếng « Xuân » để thay thế cho kín đáo. Như nói tình giữa trai gái, gọi là Xuân tình, lòng nghĩ đến dục tình trai gái gọi là Xuân-tâm, việc đi lại giữa trai gái gọi là Xuân-sự; lúc tình trai gái phát động gọi Xuân-kỳ; phòng ngủ của trai gái gọi Xuân-phòng. Lại như để nói tình dục trai gái phát động thì nói một cách bóng bẩy, thì vị là « Xuân-cơ phát động »; chỉ người con gái hoặc quả phụ giữ gìn trinh bạch thì gọi « Khóa Xuân » (xuân tỏa) v. v...

Đến nỗi, người ta thần thánh hóa mùa xuân, tưởng chừng đâu có một bàn tay màu nhiệm của một đấng thiêng liêng làm chủ động cả cái « giai tiết », « lương thần » ấy, và mệnh danh đấng ấy là Chúa Xuân hoặc Đông quân.

Trong dịp những ngày đầu Xuân, tức Tết, là lễ thiêng liêng long trọng nhất trong một năm. Vì tính cách ấy, dần dần phát sinh ra biết bao tập quán, phong tục về Tết mà người Việt-Nam cho là rất quan hệ. Sau Tết, còn các hội hè, đình đám rải rắc khắp ba tháng mùa Xuân.

Mỗi lần Tết đến, toàn thể nhân dân, không kể thuộc tôn giáo gì, giai cấp nào, đều đình chỉ mọi công việc làm ăn để ăn Tết, mừng Xuân cho xứng đáng.

Người ta lo Tết, sắm tết, sửa soạn Tết, trước Tết hàng tháng.

Vì :

*Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết
Kiết cú như ai vẫn rượu chè.*

và :

*Chi-cha, chi chát khua giày dép
Đen thúi, đen thui cũng lượt là,*

(Tú-Xương)

Kia mà !

Kể nào, Tết đến mà túng thiếu, không đủ phương tiện tiền tài để ăn tết như ai thì ấy là một sự bất hạnh, đáng buồn tủi. Muốn rõ khổ tâm của hạng người ấy, xin hãy đọc hai bài thơ đối thoại sau đây của hai nhà nho nghèo khóc Tết :

*Ngoảnh đi, ngoảnh lại, lại đến Tết,
Ông đến độ này lại thật chết !
Trời cao, đất thấp, vợ chưa về,
Tháng tận, năm cùng, gạo cũng hết
Cổ bàn duy có ba ông Công,
Xu kêm cũng không một vầy hến.*

Ông kia họa lại, tả một tình cảnh còn khốn khổ hơn :

*Trời ơi ! Ơi tết ơ là tết !
Bác hãy còn hơn, tôi mới chết !
Gạo tẻ dong chịu, nếp thời không,
Áo vợ rách tan, chồng cũng hết,
Con theo cạnh nách, mếu môi xò,
Nợ rêu âm tai, cam miệng hến,
Trời còn để sống đến trăm năm,
Lại mấy mươi bài thơ khóc Tết.*

(khuyết danh)



Vì đầu Xuân có cái uy lực đối với người Việt-Nam như thế ?

Ai cũng biết rằng vì mùa Xuân khí trời ấm dịu, không lạnh, không nóng, cảnh trí tốt tươi, cây cối nảy chồi, nở lộc, vạn vật cảm thấy một sự phục sinh trong tâm hồn và xác thịt, do đó mà có những

cảm tình và liên tưởng như trên. Đó là sự nhận xét bề ngoài. Chúng ta hãy nhìn đến những nguyên lý sâu xa hơn.

Đứng trước cái quang-cảnh phục sinh của vạn vật và sự sinh sôi nảy nở tung bừng của cây cối, cỏ hoa, người Việt-Nam cũng như người Tàu vốn sinh sống về nông-nghiep và chuộng lễ thiên-nhiên, bất giác cảm thấy cái đức « sinh » của tạo hóa lớn lao là dường nào và đáng khâm phục biết bao ! Kia đâu đâu cũng đầy dẫy sinh-khí và sinh-ý, nhờ đó mà vạn vật phồn thịnh, thật là hợp với lẽ tự nhiên của trời đất. Đạo trời đất đã chủ ở sự sinh vạn vật, cho nên sự « sinh » là cái đức đầu của trời đất. Kinh dịch nói : « Thiên địa chi đại đức viết sinh » (đức lớn của trời đất là sự sinh). Và, lẽ



âm-dương của đạo trời là sự biến hóa vô cùng, sinh tử, tử sinh, thì trong hai điều ấy, người ta ắt tìm kiếm sự sinh mà xa tránh sự tử. Cho nên, theo người Việt và người Tàu, cái gì hợp với sự sinh là thiện, cái gì trái với sự sinh là ác. Cái quan niệm về thiện, ác của Khổng-giáo cũng gốc ở đó. Vì vậy, trong đạo đức, đức « Nhân » đứng đầu các điều thiện, vì nó bồi dưỡng đức sinh của trời đất.

Mùa Xuân sở dĩ được ưa chuộng, tôn quý, xem là thiêng liêng, vì nó là thời gian gây ra và bồi dưỡng sự sinh. Danh từ « Xuân khí » cũng gần đồng nghĩa với danh từ « Sinh-ý ». Tết là ngày đầu mùa Xuân, người nào cũng phải nhớ đến tổ-tiên là những kẻ đã sinh ra mình, làm lễ cúng bái và cầu khẩn mọi sự tốt lành cho mình và gia-đình mình.

Nhà cầm quyền trị nước, cũng có bổn phận như thế đối với dân tòi cao chủ động sự sinh, đề cầu khẩn mọi sự tốt lành cho quốc-dân.

Xưa kia, ở Việt-Nam và Trung-Quốc, mùa Xuân, nhà cầm quyền đặt ra các lễ cúng tế với mục đích ấy, và ban hành những chính lệnh để khuyến-kích, đôn đốc sự sinh sống và cấm đoán những hành-vi làm tổn hại nó.

Theo kinh Lễ, tháng giêng, trước ngày Lập Xuân, vua và các quan đại-thần làm lễ nghênh Xuân đề tế chúa Xuân ở ngoài kinh-dô, rồi quan Tể-tướng ban bố chính-lệnh, ra ân huệ cho nhân dân. Tháng ấy, chọn ngày làm lễ Tịch-diễn, vua và các quan đích thân đầy cày để tỏ ý trọng nông và khuyến-kích sự sản xuất. Rồi sai quan coi việc giáo-dục khai trường dạy học. Lại đắp diêm cho người chết, cấm dùng binh-đạo, cấm đập

thành quách, cấm dẫn cây, cấm phá tổ chim, cấm lấy trứng, giết trứng và sâu non, cấm bắt chim non, thú non v.v...

Điều đáng đề ý nữa là trong ba tháng mùa Xuân, không được hành hình; những tội nhân đã bị xử tội chết mà gặp mùa Xuân thì phải hoãn sự thi hành án lại. Ở nước ta, xưa kia (đời Lê) nhờ chính sách ấy mà thời gian khám phá ra sự thật cho nhiều án tử-hình oan-uổng nên tội nhân được thân oan.

★

Nhưng chuộng Xuân, quý Xuân, không chỉ vì nó hiển hiện cái đức sinh của trời đất và đôn đốc sự sinh sống của vạn vật như vừa nói, mà còn một lý do sâu xa khác nữa : mùa Xuân là thời-gian biểu thị sự quân-bình là một lễ mà người Việt-Nam và người Trung-Hoa rất tha thiết.

Thật vậy, thâm nhiễm đạo Trung-lão của Khổng-giáo, hai dân này rất chuộng sự cân đối, sự thích-trung, nên không ưa cái gì là thái quá hoặc bất cập.

Ví dụ trong con người phần tình và phần lý, tính cương và tính nhu, phải tùy lúc mà cân nhắc : nên nặng bên nào, nhẹ bên nào ; sự đối xử với kẻ sơ, người thân nên tùy trường hợp mà hậu chùng nào, bạc chùng nào ; bên nợ nước, bên tình nhà phải tùy hoàn-cảnh mà thi hành bổn phận cho thích nghi, khỏi thiên, khỏi lệch ; cho đến cách phục sức, sự ăn ở cũng phải làm sao cho xứng hợp với địa vị và gia tư mình v.v... Ấy là những điều mà người Việt-Nam cho là rất quan trọng, và bao giờ cũng lo giải quyết với sự quân bình, lễ trung-hòa.

Mà trong một năm, có lúc nào họ trông thấy được sự quân bình, lễ trung hòa, lý tưởng của họ, rõ rệt bằng mùa Xuân ? Không lạnh quá, mưa quá như mùa đông ;

không nóng quá, nắng quá như mùa Hạ; không buồn bã, hiu hắt như mùa Thu; ngày đêm cũng vừa vặn, không phải ngày ngắn đêm dài như mùa Đông, hay ngày dài đêm ngắn như mùa Hạ. Và chính nhờ sự quân bình, lẽ trung hòa ấy mới có được sự sinh sống phồn thịnh của vạn vật, và cái đức « sinh » của trời đất mới có thể có hiệu lực đầy đủ.

Nhà triết học thì giảng giải rằng theo Kinh-Dịch, tháng mười là tháng thuận âm, 3 hào đều là hào âm, gọi là quẻ Khôn, tháng 11 thì bắt đầu sinh một hào dương dưới cùng gọi là quẻ Địa lôi phục; tháng chạp đã có hai hào dương gọi là quẻ Địa trạch Lâm, tháng giêng có 3 âm 3 dương, gọi là Địa thiên thái là quẻ rất tốt.

Vì thế, ngày tết, người ta thường viết 4 chữ « Tam Dương Khai Thái » mà dán ngoài cửa. Ba âm, ba dương là sự quân bình rất mực.

Tóm lại, thái độ vui sướng, hoan nghênh mùa Xuân một cách đặc biệt của người Việt-Nam bày tỏ một tâm lý sâu xa của dân tộc này trong cuộc sinh hoạt. Ấy là cái lòng quý chuộng sự sinh sống, quý chuộng lẽ Trung hòa trong mọi việc.

Nghĩ kỹ lại, nếu hai mối tâm tình ấy cứ tự nhiên mà phát huy, không bị những lý thuyết bạc ác hoặc bạo lực gì tóa chiết, uốn nắn đi, thì nó phải làm cho dân tộc Việt-Nam là một dân tộc rất ưa muốn hòa bình và trở nên một phần tử rất ích lợi trong mọi công cuộc gìn giữ, xây dựng hòa bình cho nhân loại.

Quý chuộng sự sinh sống thì ắt ghét những cảnh tượng giết hại, chết chóc. Quý chuộng lẽ Trung hòa thì thực hiện được sự quân bình giữa vật chất và tinh thần, giữa lý trí và tình cảm, giữa nội tâm và ngoại giới, sự quân bình quyền lợi giữa cá nhân và đoàn thể, giữa đoàn thể và quốc gia, giữa quốc gia và quốc tế. Mà phải chăng việc trên thế gian này tuy phồn tạp, trăm nghìn mối, nhưng rút lại cũng chỉ cần một lẽ quân bình là duy trì ổn thỏa được mà thôi; người xưa đã nói: « Thiên hạ sự, thể nhi dĩ hỹ » (việc trong thiên hạ, chỉ là thể quân bình mà thôi); và lịch sử nhân loại chỉ là lịch sử cuộc điều hòa giữa cá nhân và đoàn thể?

Trong những giai đoạn lịch sử thể giới mà thể quân bình đã mất hẳn, làm cho ai nấy luôn luôn nơm nớp lo sợ những biến cố phũ phàng như giai đoạn này, dân tộc Việt-Nam với tâm lý truyền thống từ ngàn xưa là ưa chuộng lẽ quân bình, thật đáng tự hào mình có một cái gì mà thiên hạ đương tìm kiếm. Chúng tôi trộm nghĩ rằng nếu cái tâm lý kia được san sẻ giữa các dân tộc, các quốc gia, khiến dân tộc nào, quốc gia nào cũng biết quý cái tình lý, vi ý của « Xuân » như người Việt-Nam, thì trên thế gian này « Xuân sắc » đã hiển hiện nhiều hơn, lâu bền hơn như là đã trông thấy trong lịch sử.

PHAN-KHOANG

☆ Liêm sỉ là việc lớn, tử sinh là việc nhỏ.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hỏi - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

ÂM - ĐU'ỜNG VÀ MÂU - THUẦN

NGUYỄN-VĂN-BA



TA thứ mở nắp sau của cái đồng hồ ra xem. Tic-tắc, Tic-tắc, Tic-tắc... bánh xe giấy gió xoay tròn bên trái, rồi xoay tròn bên phải, trở lại xoay bên trái rồi xoay bên phải nữa, cứ xoay qua xoay lại không ngừng, đun đầy các bánh xe khác chạy vòng tròn, hoàn thành một cái máy chỉ ngày giờ không sai.

Con người ta cũng sống trong cảnh nhịp nhàng như thế. Thở ra rồi lại hít vào, rồi lại thở ra hít vào không phút nào ngơi, đun đầy dưỡng khí vào châu thân để bài tiết thân khí ra ngoài.

Mặt trời và quả đất không đun lẫn đầy nhau, thì làm sao có bốn mùa, tám tiết. Ánh sáng và bóng tối phải đun đầy lẫn nhau mới có sớm tối, trưa chiều. Có sinh, lão, bệnh, tử là do đun đầy của sự tử và sự sinh. Một vật gì cũng có nửa sống nửa chết trong lòng mình hết.

Cho đến ánh sáng, âm thanh, điện khí, đất trời là việc lớn, còn việc nhỏ như một thoi từ thạch, một hạt cát, một nguyên tử cũng có hai phần đun đầy lẫn nhau mà tồn tại.

Kìa xem con sáu đo, nó cong mình lại là lấy sức để giãn ra; con trùng mà có nắp ẩn dưới đất là để có khi phải trồi lên! Sự co giãn, ẩn hiện, đun đầy, vắng lại có nhịp nhàng của hai phần trong mọi vật, đang diễn một cách êm lặng, điều hòa, cảm thông và tồn tại trong mọi quá trình phát triển, suốt từ đầu chí cuối của vạn vật không phút nào ngừng.

Sự đun đầy vắng lại có nhịp nhàng là căn bản sự sống còn của vũ trụ, là hơi thở của vũ trụ vậy.

Ta thử ngưng hơi thở ấy thì vũ trụ liệu còn tồn tại được chăng? Hai phần tương đối, độn đầy lẫn nhau trong mọi vật, là nòng cốt của sự vật: Ta thử rút một phần trong hai phần ấy, thì liệu sự vật còn đứng vững được không?

Hai phần tương đối độn đầy lẫn nhau để cho vạn vật sinh tồn, thật là rõ rệt, không ai chối cãi được. Nhưng gọi nó là gì? Thượng cổ gọi là Âm Dương, cận đại gọi là Mâu Thuần.

Vậy, **Mâu Thuần là gì?** Hồi xưa hồi xưa, có anh chàng bán mầu ở giữa chợ, hò hét quảng cáo mầu mình là bền nhọn đâm vật gì cũng thủng, không có vật gì chịu nổi. Ít lâu, anh chàng ấy dẹp nghề bán mầu mà lại làm nghề bán thuần. Anh cũng hò hét quảng cáo rằng thuần mình bền và chắc, không có vật gì đâm thủng, ở thế gian dầu vật gì bền và chắc đến đâu cũng không sao đâm cho thủng được. Có người biết chuyện, hỏi rằng: « Lấy cái mầu của anh mà đâm cái thuần của anh, thì có thủng được không? ». Chàng ta không sao đáp được. Đó là anh nói mầu thuần với lời anh đã nói trước; anh đã đưa ra hai lẽ, mà hai lẽ đó chọi với nhau, tranh đấu với nhau không sao thống nhất được. Gần một trăm năm nay, khoa học cơ giới phát triển trong mọi ngành, đem thuyết điện nóng (+), điện nguội (—) áp dụng trong số học, hình học, lực học, vật lý học, hóa

học, xã hội học, chiến tranh học. Càng học và càng suy luận, các nhà tiến bộ càng nhìn nhận mầu thuần phổ biến tất cả, mọi vật dầu dầu cũng có hai phần, tranh đấu với nhau khiến cho mọi vật tiến hóa và tồn tại. Có người, đến nỗi phải nói: « Không có mầu thuần, không có thế giới ». Có người cũng nói: « Mầu thuần là cơ sở của hình thức vận động đơn giản nhất mà cũng là hình thức vận động phức tạp nhất ». Có người cũng nói: « Mầu thuần chẳng những ở thế giới vật chất mà thôi, lại còn ở thế giới tư tưởng nữa: Mầu thuần khách quan phản ảnh vào tư tưởng « chủ quan », tổ hợp thành vận động mầu thuần về khái niệm làm cho tư tưởng phát triển ». Có người cũng nói: « Mầu thuần phải có hai bên, mất đi một bên (hoặc mầu, hoặc thuần), thì bên kia không có nữa ». Nói tóm tắt: Mầu thuần có một tính thứ nhất là: *Phổ biến tính*. Tính phổ biến ấy vừa cần yếu vừa tuyệt đối.

Tính thứ nhì của mầu thuần là *Đặc thù tính*. Mầu thuần trong hình thức vận động của vật chất đều có mang tính đặc thù. Tính đặc thù là tính riêng biệt cho mỗi mầu thuần. Ví dụ: trong cục đá và hột gà cũng đều có mầu thuần (phổ biến tính) nhưng mầu thuần của hột gà và mầu thuần của cục đá khác nhau: hột gà ấp thì nở được gà con, cục đá ấp không nở được gà con (đặc thù tính). Các đặc thù

mâu thuẫn cấu thành bản chất đặc thù giữa sự vật đề khu biệt một vật này với một vật khác. Tính đặc thù là nguyên nhân nội-tại, khiến cho mọi việc trong vũ trụ đều ngàn muôn sai biệt với nhau.

Việc chia loại trong sự nghiên cứu về khoa học vốn căn cứ vào tính cách mâu thuẫn đặc thù có sẵn trong đối tượng khoa học. Do đó, đối với một lãnh vực hiện tượng nào, là có riêng một sự nghiên cứu về một thứ mâu thuẫn đặc thù ấy, để cấu thành đối tượng của môn khoa học muốn nghiên cứu. Vì có mâu thuẫn đặc thù và bản chất đặc thù, mới cấu thành đối tượng nghiên cứu không đồng nhau của các môn khoa học. Nhận thức của loài người xuyên qua hai quá trình: một quá trình từ chỗ đặc thù đến chỗ tổng quát, và một quá trình từ chỗ tổng quát đến chỗ đặc thù. Do sự nhận thức tới và lui như thế của nhân loại mà làm cho sự nhận thức của nhân loại càng được cao lên mãi.

Trong vấn đề đặc thù tính của mâu thuẫn, có vấn đề mâu thuẫn chủ yếu. Sự vật ít khi đơn giản, mà là rất phức tạp nên có tồn tại rất nhiều mâu thuẫn đặc thù; và cũng vì sự vật phải trải qua những quá trình phát triển, nên các mâu thuẫn đặc thù phát triển không đồng đều nhau. Có lúc mâu thuẫn đặc thù này trở thành mâu thuẫn chủ yếu, chi phối ảnh hưởng hoặc qui định sự tồn tại và phát triển

của các mâu thuẫn khác. Có khi mâu thuẫn đặc thù khác, tùy nơi, mà thay đổi địa vị, từ địa vị phụ chuyển thành địa vị chủ yếu.

Vậy nên, ta có thể tóm tắt hai tính của mâu thuẫn như thế này: *Phổ biến tính* vừa là căn yếu, vừa là tuyệt đối. Còn *Đặc thù tính* vừa là có chủ yếu vừa là tương đối.

Các học giả cận đại khi khảo sát xong hai tính phổ biến và đặc thù của mâu thuẫn lại còn học nghiệm đến hai phương diện biến chuyển của mâu thuẫn. Trong một sự thể, mâu thuẫn này lấy mâu thuẫn kia làm điều kiện để tồn tại, hai mâu thuẫn cùng ở trong một thể, ở trong một thống nhất thể. Hai mâu thuẫn cùng ở trong một thống nhất thể, biến chuyển trên hai phương diện khác nhau:

a) — Phương diện Đồng nhất

b) — Phương diện Đấu tranh.

Về *phương diện Đồng nhất*, thì hai mâu thuẫn căn cứ trên điều kiện nhất định nào để lo chuyển hóa cho nhau. Ví dụ: Chiến tranh và hòa bình cùng hỗ tương chuyển hóa. Nếu chuyển hóa được, thì có thể hợp tác được, liên kết được, ý lại được, quán thông được, nhất trí được và thống nhất được.

Về *phương diện Đấu tranh*, hai mâu thuẫn không căn cứ trên một điều kiện nào, tương hại tàn sát lẫn nhau. Trong vấn đề mâu thuẫn đấu tranh có bao hàm hình thức đối kháng. Đối kháng là một trong nhiều hình thức mâu thuẫn đấu

tranh chớ không phải là tất cả hình thức mâu thuẫn đấu tranh. Trong lịch sử đấu tranh loài người, nhiều mâu thuẫn đã được giải quyết, nhưng trong mâu thuẫn đấu tranh, còn có một vài biểu hiện đặc thù như sự mâu thuẫn giữa số người bị bóc lột và số người bóc lột vậy. Không luận ở xã hội nào, hình thức đối kháng ấy vẫn còn và cứ phát triển mãi, cho đến lúc gặp điều kiện thuận thích, là lúc được chín mùi, thì hai mâu thuẫn giải quyết nhau bằng hình thức đối kháng.

Trong khi các mâu thuẫn biến chuyển trên hai phương diện Đồng Nhất và Đấu Tranh, thì sự vật trải qua ba giai đoạn :

1 — Giai đoạn sát

1 — Giai đoạn sinh

1 — Giai đoạn giải quyết cục bộ hoặc tạm thời.

Giai đoạn *sát* là những giai đoạn hai mâu thuẫn đấu tranh tàn sát lẫn hại nhau mà tự diệt.

Giai đoạn *sinh* là những giai đoạn hai mâu thuẫn biến chuyển trên phương diện Đồng Nhất, hợp tác, tương trợ, thống nhất.

Giai đoạn *giải quyết* cục bộ hoặc tạm thời, là những giai đoạn mà trong khi chưa sát, chưa sinh, nảy sinh ra giai đoạn thứ ba là giai đoạn được giải quyết mặc dù bằng cục bộ hoặc tạm thời.

Nhưng, muốn giải quyết mâu thuẫn phải làm sao, trên nguyên tắc

nào ? Với phương pháp nào ? Trên hai nguyên tắc :

a) - Mâu thuẫn không đồng chất chỉ dùng phương pháp không đồng chất mới có thể giải quyết được.

b) - Quá trình cũ thì mâu thuẫn cũ đã tiêu diệt ; quá trình mới thì mâu thuẫn mới phát sinh ra. Do đó mà phương pháp giải quyết mâu thuẫn cũng phải tùy theo quá trình phát triển.

Phương pháp giải quyết mâu thuẫn là làm thế nào bóc lột được mâu thuẫn trong quá trình phát triển của sự vật ở nơi tình đặc thù trên tổng thể, căn-cứ ở sự hỗ tương liên kết của nó, tức là bóc lột bản chất trong quá trình phát triển của sự vật, cũng tức là bóc lột tính đặc thù của mâu thuẫn trong quá trình tiến triển của sự vật ấy trên mọi phương diện.

Tổng kết :

1 — Những học giả cận đại tin tưởng ở sự phát minh Mâu Thuần của họ ;

2 — Vì mỗi mâu thuẫn đều có tính đặc thù của nó, nên mỗi mâu thuẫn đều phải giải quyết riêng biệt và phù hợp với nó ;

3 — Phép tắc giải quyết mâu thuẫn là phép tắc thống nhất mâu thuẫn, căn-cứ trên sự biến chuyển mâu thuẫn theo phương diện Đồng Nhất

4 — Do đó, ở xã hội tương lai không còn mâu thuẫn Đấu Tranh

dầu dưới hình thức Đối Kháng, mà chỉ còn tồn tại Mậu Thuần Đồng Nhất, đem hợp nhất và hòa bình cho nhân loại.

✱

Đó là ý kiến của học giả cận đại, đương cố gắng thực hành lập trường của họ. Còn những bậc cao minh thượng cổ đã đặt vấn đề ra sao ?

Các bậc cao minh thượng cổ bắt đầu từ Phục-Hi, rồi đến Văn-Vương, Chu-Công, Khổng-Tử, Chu-Tử, Trình-Tử đặt vấn đề trên Dịch-Lý, khởi điểm bằng Âm-Dương, giải quyết vấn đề lấy Trí-Trung-Hòa làm đích, lấy Thuận-Lý, Ứng-Vật, Tùy-Thời làm phương châm, lấy 64 quẻ, 384 hào làm luật pháp biến chuyển, lấy Khắc-Sinh-Chế làm 3 giai đoạn cấu thành sinh hóa của vạn vật, xem vạn vật biến chuyển không nghịch thù, không tương tàn, mà trọng Hòa, Lạc.

Vậy, **Âm Dương là gì ?** Như ta đã thấy, vũ trụ này đầy mâu thuẫn không có mâu thuẫn biến chuyển thì không có vũ trụ. Nhưng mâu thuẫn là sự thể, là một sự gì, một vật gì, một thể gì, có đặc thù tính. Vì mâu thuẫn có đặc thù tính nên nó có cá tính, có bao nhiêu mâu thuẫn thì có bấy nhiêu cá tính. Vì mâu thuẫn có đặc thù tính và cá tính, nên trên vũ trụ này có hàng triệu mâu và hàng triệu thuận khác nhau, nếu ta có thể phân biệt được. Âm là biểu tượng cho hàng triệu mâu

ấy, và Dương là biểu tượng cho hàng triệu Thuận ấy. Mâu Thuần có phổ biến tính, và đặc thù tính, Âm Dương có phổ biến tính mà không có đặc thù tính. Âm Dương là Lý của mâu thuẫn, Mâu Thuần là Thể của Âm Dương. Mâu Thuần là số-học, Âm Dương là đại-số học. Dịch-lý luận và giải quyết trên lý chứ không trên thể, nên Hệ-Từ có câu : « Phạm vi thiên địa chi hóa nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri ; cổ thần vô phương, nhi Dịch vô thể ». Nghĩa là : Dịch bao gồm hết sự biến hóa của thiên địa mà không thừa, uốn chuyển theo vạn vật mà không sót, thông hiểu được đạo biến chuyển của ngày và đêm thì cũng thông hiểu được Dịch vậy ; cho nên người ta nói thần (cái gì kỳ diệu không đo lường được) không phương hướng, còn Dịch thì không thể chất ». Dịch không thể chất vì Âm Dương là lý của vạn vật, và Dịch là lý biến chuyển của vạn vật.

Bởi vậy các bậc tiên hiền Á-Đông không lấy mâu thuẫn làm khởi điểm mà lùi lại thêm một tí nữa, **Thuần của Mâu lấy cái lý làm khởi điểm** vì mâu thuẫn là số nhiều mà Âm Dương là số đơn.

Ở đời này, không ai chối cãi rằng đời là không phức tạp. Có biết bao nhiêu sự thể xảy ra hằng ngày, hằng giờ, mà mỗi sự thể phải giải quyết bằng một cách và

phương pháp khác nhau. Hình như ta sống ở trên trần này là để giải quyết sự thể, giải quyết được là thành công, không giải quyết được là thất bại, mà sự giải quyết biến đổi vô cùng, mỗi lần mỗi cách khác nhau.

Con người ta không thể mỗi lần mỗi bắt lại từ đầu, mỗi sự thể mỗi công phu, mỗi sự thể mỗi gay go, mỗi sự thể mỗi bài toán đồ nát đầu nát óc. Các bậc tiền nho ta nói: « Không thể lấy vạn biến mà ứng vạn biến, phải lấy bất biến mà ứng vạn biến mới được ». Âm Dương tất là bất biến, còn vạn biến tức là muôn nghìn sự thể ở đời.

Tuy muôn nghìn vấn đề có muôn nghìn cách giải quyết, nhưng cái đích của muôn nghìn cách giải quyết ấy không ngoài sự đi đến chỗ Tri-Trung-Hòa. Tri-Trung-Hòa là chỗ rất trung và rất hòa. Trung là giữ được thăng bằng để tồn tại, còn hòa là để điều hòa với vũ trụ để hanh thông. Giữ thăng bằng để tồn tại, và điều hòa để hanh thông mới « lợi, trinh » được, nghĩa là mới toại mãn và thành đạt được, theo chữ của Dịch-Kinh. Tuy muôn nghìn sự thể nhưng giải quyết để đi đến một mối mà thôi. Trong Hệ-Từ, Khổng-Tử nói: « Thiên hạ hà tư hà lự, thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhứt trí nhi bách lự ». Nghĩa là: Thiên hạ nghĩ gì, lo gì? Thiên hạ qui về một chỗ tuy con đường thì khác, trăm lo

về một mối ». Mối ấy là Tri-Trung-Hòa là con đường duy nhất để tồn tại và thành đạt, điều hòa theo vũ trụ.

Giải quyết vấn đề đến chỗ Tri-Trung-Hòa đã đành, nhưng lấy gì làm phương châm trong khi giải quyết? Lấy Thuận-Lý, Ứng-Vật, Tùy-Thời làm phương châm vậy. Trong khi giải quyết vấn đề, không nên lấy đa số thắng thiểu số mà làm phương châm, vì như thế không sao tránh khỏi những sự mưu mô áp đảo. Phải thuận theo Lý của vũ trụ, ứng theo sự thể của sự vật, và bao giờ cũng tùy theo cho đúng lúc đúng Thời mới thi hành một việc mới được. Thi hành được việc mới, tức là đã giải quyết việc cũ vậy. Cho nên trong quẻ Càn, Trinh-Tử có nói khi thuận lý, ứng vật, tùy thời được rồi, thì « làm trước trời, trời cũng đồng lòng; mà làm sau trời, trời cũng ưng thuận, bởi chẳng qua cái lẽ hợp với lý đương nhiên mà thôi. »

Nhưng lẽ hợp với lý đương nhiên là như thế nào? Tiên bối ta sở dĩ tìm được 64 luật biến chuyển của vũ trụ và 384 hào chỉ thời cơ biến chuyển trong 64 luật ấy là cũng vì tiên bối ta vô tư mà « cực thâm nhi nghiên cơ » nghĩa là rất sâu sắc mà nghiên cứu nguyên nhân biến chuyển của sự vật. Nghiên cứu vì muốn tìm lẽ phải để lại cho đời, chứ không vì muốn binh vực phe nào, phái nào, hoặc lập luận cho tư tưởng hay cho thị dục của mình. 64 luật biến chuyển ấy là định luật

của vũ trụ và con người, không gian và thời gian. Trước kia có 8 quái, sau tìm được 64 quẻ, sau chia làm 384 hào. Ngày nay, các bậc cao minh hiện đại, sau khi « cực thâm nhi nghiên cơ », có thể làm giàu thêm cho Dịch bằng những quẻ và hào mới.

Luật Vũ trụ là sinh sinh, hóa hóa để thành đạt. Phục-Hi nhìn Hà-Đồ mà vạch 8 quái và định luật sinh thành của vũ trụ :

Thiên nhất sinh thủy, địa lục thành chi;

Địa nhị sinh hỏa, thiên thất thành chi;

Thiên tam Sinh mộc, địa bát thành chi;

Địa tứ sinh kim, thiên cửu thành chi;

Thiên ngũ sinh thổ, địa thập thành chi.

(Xin nhớ : Thủy, hỏa, mộc, kim, thổ là những danh từ biểu tượng). Sự Sinh-Thành ấy trải qua ba giai đoạn Khắc-Sinh-Chế. Vì như mộc khắc thổ, thổ chưa bị hại thì trong khi bị kích-thích lại Sinh ra Kim ; kim mới nảy sanh trong trường hợp đặc biệt ấy trở lại chế mộc để mộc không khắc thổ nữa.

Sự khắc rồi lại không khắc, rồi lại khắc rồi lại không khắc cứ liên tiếp như vậy với một tốc lực mau hay chậm tùy sự vật. Hành mộc đã khắc-sinh-chế và sinh-hóa đạt-thành

như thế, mấy hành khác cũng đều như thế cả. Mỗi hành sinh hóa thành đạt sự vật của hành mình ; và sự vật của mỗi hành lại cũng theo luật khắc-sinh-chế ấy mà sinh-hóa thành-đạt riêng theo phương diện mình nữa, tạo thành một vũ-trụ biến chuyển phức-tạp vô cùng.

Âm-Dương, trong khi khắc-sinh-chế, mà hóa thành sự vật, không phải xung đột nhau mà khắc-sinh-chế, cũng không phải thù nghịch nhau mà khắc-sinh-chế. Mới khởi sự khắc (tức là kích-thích) thì đã có sinh, mới vừa sinh thì đã có chế, chế được rồi mới sinh sinh hóa hóa được. Trong quẻ Đại Tráng, Trình Tử có nói : Dịch là hòa dịch, lạc dịch chứ không phải nan dịch, » nghĩa là hòa thuận mà biến chuyển, vui-vẻ mà biến chuyển, chứ không phải khổ sở mà biến-chuyển, không phải thù nhau mà biến-chuyển. Trong Hệ-Tử, Khổng tử nói : Dịch không suy nghĩ, không làm gì, yên lặng tự nhiên, chỉ tương cảm mà hanh thông với nhau (Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông). Muốn được tương cảm với nhau thì phải có thuận rồi mới động được, phải hòa thuận rồi mới tiến hành được (Động nhi dĩ thuận hành). Trình-Tử có nói thêm rằng : « Hóa dục chi công sở dĩ bất tức giả, cương chính hòa thuận nhi dĩ ». Nghĩa là : Công đức của Hóa-Dục sở dĩ không ngưng nghỉ, là chỉ vì

luật vũ-trụ lập trên Cương, Chính và Hòa Thuận vậy.

Suy luận khởi điểm từ Âm-dương là lý của các hiện tượng mâu thuẫn, dùng những 64 luật của Âm-dương bao quát cho muôn sự thể, để giải quyết muôn sự thể trên tính cách điều hòa cho đến trạng-thái Trĩ-Trung-Hòa, « dĩ bất biến (Âm Dương) ứng vạn biến (muôn sự

thể) » chứ không « dĩ vạn biến (Mâu Thuần) ứng vạn biến », (muôn sự thể) « nhất Bản nhi vạn thù » dùng một gốc mà trị được muôn mối khác nhau, đó là những đặc điểm của Dịch-lý. Khổng Tử nói : « Suy nghĩ kỹ càng về Dịch-lý, đem ra thì hành lợi ích cho dân, đó là SỰ NGHIỆP của CON NGƯỜI vậy ». Chắc độc giả cũng đồng ý.

NGUYỄN-VĂN-BA

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số kỷ-niệm 25-26 ngày 15-1-58, bài « Âm-nhạc Việt-Nam » của ông Trần-văn-Khê những chỗ in lầm như sau :

Trang 87, cột 2, dòng 24.

Đã in là : « loại **giấy tờ** », nay xin sửa lại là : « loại *dây tơ* »

Trang 86, hình 1

Xang và *Pélog* xin đổi qua bên phải của *Fa*, vì *xang* và *Pélog* Cao hơn *Fa* một chút.

✱ « Bài Trường-hận ca » của *Yã-Hạc* và *Trình-Nguyên*..

Trang 133, dòng 6. — Toại linh, xin sửa : *Toại* linh.

— 135, dòng chót bài thơ. — 772 — 864, xin sửa : 772 — 846.

— 139, dòng 1. — Ngậm sầu, xin sửa : *Ngậm* sầu.

— —, — 3. — Trong diện, xin sửa : *Trong* diện.

— —, — 11. — Lòng sao, xin sửa : *Lòng* son.

✱ Bách-khoa, số kỷ-niệm, Bài « Bà Phan-Bội-Châu » của *Cô Thoại-Nguyên*.

Trang 75, cột một, dòng 26. — Cụ Mich-Viên, xin sửa : Cụ *Minh*-Viên.

✱ Bài « Hồ - Qui - Ly » của *Nguyễn-Ngu-Í*.

Trang 61 cột 2, dòng 19. — cất đèn, xin sửa : *cất* đèn.

— 63, cột 1, — 10. — 1397, Trần-Thuận-Tông, xin thêm : 1397, đời Trần-Thuận-Tông.

— —, — 1, — 11. — Đòi, xin sửa : *Đòi*.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

. 87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãg Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BÀI THƠ NGOÀI BÌA

ĐIỀN GIA XUÂN VỌNG

Xuất môn vô sở kiến

Xuân sắc mãn bình vu

Khả thân vô tri-kỳ

Cao-dương nhất tưu-đồ.

CAO-THÍCH

CHÚ GIẢI

Gặp buổi ngày xuân, một mình bước chân ra cửa, ngẩng trước trông sau, tình không thấy một chút gì là khiến cho mình chú ý. Có chăng, chỉ thấy những vẻ xuân quang êm dịu, tràn khắp một vùng nội cỏ phẳng lặng thênh thang, bày ra trước mắt.

Với thời gian đó, lòng riêng không khỏi than tiếc bản khoả, ngán thay cho cuộc đời trơ trọi, không ai xứng đáng là mặt tri âm. Vậy cho biết ta đây đứng giữa chốn này, cũng không khác anh chàng Ly-Thương ở đất Cao-dương ngày trước, đối với Bái-Công nhà Hán mà cũng phải tự xưng ta đây chỉ là một hạng tưu đồ, không cần đến ai biết hay không biết.

Lời chú thích — Cao-Thích là một văn nhân nổi tiếng về đời vua Huyền-Tôn nhà

Đường, tuy mãi tới 50 tuổi mới biết làm thơ song cũng lưu truyền được một số tác phẩm khá nhiều.

Cao-dương là tên một huyện hạt. Ngày xưa khi Hán-Cao-tổ mới khởi binh ở đất Bái, có anh chàng Ly-Thương ở Cao-dương tìm đến định giúp, nhưng khi đến nơi thì bọn thủ hạ của Bái-Công (tức Hán-Cao-tổ) ngăn lại không cho vào. Ly-Thương cầu tiết quát mắng tên lính: « Ta đây là một tưu đồ (bạn say) ở đất Cao-dương, làm sao không cho ta gặp ? ». Vì thế Bái-Công cho mời vào, và sau giúp Bái-Công lập nhiều công nghiệp cho nhà Hán.

BÁCH - KHOA SỐ XUÂN

Nhà quê trông xuân

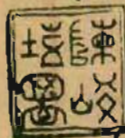
Ra cửa, chỉ chẳng thấy :
Nơi cỏ về xuân đã.

Đáng tiếc không tri-kỷ !

Cao-dương một bạn say...

Ngày xuân năm Mậu-tuất
Dịch bài "Diễn gia xuân vọng"
của Cao-bỉnh và Việt, tại khu
nhà-là Trại Bình-Thời, để tặng
số xuân Bách-Khoa Bán-nguyệt.
san

A-Nam



K

★ Vẫn tâm không có điều gì đáng thẹn, thì lo gì, sợ gì.

A. C. LANGLIET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

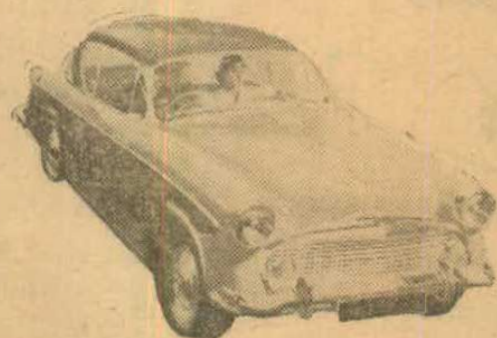
Export : Caoutchouc - Céréales
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIE

XE DU LỊCH

DANH TIẾNG KHẮP
HOÀN CẦU

ĐẸP BỀN



SUNBEAM RAPIER



SINGER *Gazelle*

do Hãng ROOTES Anh-cát-Lợi
sản xuất

ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT-NAM
HÃNG

VIỆT-HÀ

69, đường Tự-Do — SAIGON

Giấy nói : 23.070



MỘT VĂN - THỂ CHƯA
PHÁT - ĐẠT Ở NƯỚC NHÀ

VĂN-THỂ HÙNG-VĨ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Tiếp theo)

Trước hết tôi hãy giới-thiệu một đoạn của Ossian. Ossian chính là tên một thi-sĩ trong truyện truyền-kỳ của Anh ở thế-kỷ thứ ba. Tôi thế-kỷ 18; Macpherson mượn tên đó để ký một tập thơ bất hủ ảnh-hưởng rất lớn đến văn-học Châu Âu. Tôi xin trích và dịch một đoạn trong tập đó. Vì chưa tìm được nguyên văn tôi tạm dùng bản pháp văn trong bộ *Cours de Rhétorique* của H. Blair.

*Tels de noirs orages s'élancent
de deux montagnes retentissantes ;
ainsi s'avancent les deux héros.
Tels deux torrents écumeux se
précipitent du haut des rochers, se
rencontrent, se mêlent et roulent
ensemble dans la plaine leurs ondes
bouillonnantes; ainsi à la tête de leurs
bataillons, se heurtent Lochlin et
Inisfail, tous deux farouches, tous
deux terribles, et faisant retentir les
airs du choc de leur armure ; les
chefs cherchent les chefs, les*

Tựa hai cơn dông đen ngòm từ hai
ngọn núi vang động xung ra, hai vị
anh-hùng tiến tới. Tựa hai dòng thác
tung bọt, từ đỉnh đá đổ xuống, rồi
gặp nhau, hỗn nhập với nhau và
cùng cuốn nước cuộn-cuộn xuống
cánh đồng ; Lochlin và Inisfail mỗi
người dẫn đầu bộ đội của mình,
xung đột nhau như vậy ; cả hai đều
dữ tợn ; cả hai đều ghê gớm và làm
cho không khí vang lên tiếng binh
giáp chạm nhau ; chủ tướng tìm chủ
tướng, quân sĩ kiếm quân sĩ, sắt

soldats joignent les soldats, l'acier résonne sur l'acier, les casques volent en éclats, le sang coule à grands flots et fume sur la terre. Le fracas de la bataille est semblable à celui des vagues de l'océan furieux, ou au dernier éclat de la foudre. Les clameurs des combattants s'élèvent jusqu'au sommet des monts, comme le tonnerre gronde pendant la nuit, lorsqu'une nuée éclate sur les flancs du Cona, et que les voix de mille génies retentissent au milieu des tourbillons de Vents.

đập vang trên sắt, nồn bay tan tành, máu chảy thành suối và bốc hơi trên mặt đất. Tiếng ầm-ầm của trận đánh tựa tiếng sóng của biển trong cơn thịnh nộ, hoặc tiếng nổ cuối cùng của sét. Tiếng hò hét của chiến sĩ đưa lên tới ngọn núi như tiếng sấm gầm ban đêm, trong khi một đám mây nổ trên sườn núi Cona, mà tiếng của cả ngàn vị thần linh vang lên giữa cơn gió cuốn.



Chỉ là một cảnh chiến-trường mà Nguyễn-Du đã gọi trong sáu chữ : *tiếng sắt tiếng vàng chen nhau*. Macpherson dùng một bút-pháp khác hẳn, đã tả tỉ-mỉ và ghi đủ những chi tiết rừng-rợn :

Sắt đập vang trên sắt, nồn bay tan-tành, máu chảy thành suối và bốc hơi trên mặt đất ; rồi ông lại trông-trợng, tìm những hình ảnh đập mạnh vào óc ta : hai cơn dông đen ngòm, hai ngọn núi vang động, hai dòng thác tung bọt, nước cuốn cuộn, tiếng sóng của biển trong cơn thịnh nộ, tiếng nổ cuối cùng của sét, sấm gầm, mây nổ, nhất là : Tiếng của ngàn vị thần linh vang lên giữa cơn gió cuốn.

Bạn đề ý : cả đoạn chỉ có bốn câu, câu thứ nhì và câu cuối hơi

văn đều dài, riêng câu cuối văn khi kéo một hơi không ngừng, càng về sau càng mạnh.

Đoạn dưới đây của Virgile do Defille dịch ra tiếng Pháp, về văn khí tuy kém, song hình ảnh cực rừng-rợn :

Le roi des dieux s'assied sur le trône des airs ;

La terre tremble au loin sous son maître qui tonne ;

Les animaux ont fui : l'homme éperdu frissonne ;

*L'univers ébranlé s'épouvante...
Le dieu*

De Rhodope et d'Orthos réduit la cime en feu.

(Chúa các vị thần ngự trên ngai vàng trên trời,

Ở xa, trái đất rung động dưới
(chân) vị chúa tể đương gầm;

Loài vật đã trốn; loài người
cuống quít, run lên;

Vũ-trụ chấn-động hoảng-hốt...
Vị thần

Núi Rhodope và Orthos làm ngọn
núi tan ra lửa.)

Có khi chỉ một tiếng cười hay
một hình ảnh đẹp cũng gọi được
một cảm tưởng hùng-vĩ, như trong
bài *O soldats de l'an II* của Victor
Hugo. Toàn bài chín đoạn, mỗi
đoạn sáu câu, đều dùng một giọng
lời cuốn như thác chảy để tả
một đội hùng binh băng ngàn
vượt suối không sức gì cản nổi.
Bài dài quá, tôi chỉ xin trích ba
đoạn:

*Oh! que vous étiez grands au mi-
lieu des mêlées,*

*Soldats! L'oeil plein d'éclairs, faces
échevelées,*

*Dans le noir tourbillon,
Ils rayonnaient, debout, ardents,
dressant la tête,*

*Et comme les lions aspirent la tem-
pête,*

*Quand souffle l'aiglon,
Eux, dans l'emportement de leurs
luttres épiques,*

*lores, ils savouraient tous les bruits
héroïques,*

*Le fer heurtant le fer,
La « Marseillaise » ailée et volant
dans les balles,*

*Les tambours, les obus, les bombes,
les cymbales,*

Et ton rire, ô Kléber!
(Ồ! Giữa đám hỗn chiến, các
người vĩ đại làm sao,

*Hỡi sĩ tốt! Mặt sáng quắc, mặt
cuồng nhiệt,*

*Trong cơn lốc mịt mù,
Họ chói lợi, đứng thẳng, hăng hái,
ngừng đầu,*

*Và như những con sư tử hít bão
Khi gió bắc thổi,*

*Họ say sưa trong sự phấn khích
của chiến đấu anh dũng,*

*Họ khoái chá nghe những tiếng
động hùng tráng,*

*Tiếng sắt chạm sắt,
Tiếng quốc ca « Marseillaise » nhẹ
nhàng vui vẻ bay giữa mưa đạn,*

*Tiếng chống, tiếng tạc đạn,
tiếng bom, tiếng thanh la,*

*Và tiếng cười của người nữa,
ôi Kléber!) (1)*

Hơi văn đi suốt mười hai câu,
như dồn dập, như xò đầy.

Hình ảnh những con sư tử hít gió,
nhất là tiếng cười của Kléber giữa
tiếng súng nổ, đạn bay, rừng rợn
làm sao!

Và đây là đoạn cuối, đoạn chứa
một hình ảnh cao đẹp, kích thích
lạ lùng:

*La tristesse et la peur leur étaient
inconnues,*

(1) Một danh tướng thời đó.

*Ils eussent, sans nul doute, escaladé
les nues,*

Si ces audacieux,

*En retournant les yeux dans leur
course olympique,*

*Avaient vu derrière eux la
Grande République*

Montrer du doigt les cieux
(Họ không biết gì là buồn và sợ ;

Chắc chắn họ đã leo lên chín
lưng mây,

Nếu những con người táo bạo
ấy,

Trong cuộc chạy đua tới Vinh-
quang, quay lại,

Mà ngó thấy ở sau lưng họ,
Thần Đại Cộng-Hòa

Chỉ tay lên trời ra hiệu).



Đọc những thi-dụ trên, bạn đã nhận thấy rằng văn muốn cho hùng vĩ thì ngoài cái hơi sôi nổi, dồn dập ra, phải chứa nhiều hình ảnh rừng rợn, kỳ dị. Kỳ dị nhưng phải tự nhiên. Đó là điều kiện thứ nhất. Đừng có tìm hình ảnh, mà phải để tự nó tới. Tất nhiên là ta phải tưởng tượng, nhưng phải cảm xúc mạnh rồi mới tưởng tượng. Không cảm xúc mạnh mà cố nặn óc ra để có giọng hùng thì văn sẽ giả tạo, nhạt nhẽo. Addison đã mắc lỗi đó, và khi đọc ông, ai không sánh văn, cũng thấy tác giả như con ếch trong

muốn lớn bằng con bò, đã hồn-
hèn phờng hơi, mà kết quả chỉ làm
cho người đọc nực cười :

*Mais, ô ma muse, quels accents
pourrais-tu trouver pour chanter
ces troupes furieuses au milieu des
combats ?*

*Je crois entendre le bruit des tambours,
les acclamations des vainqueurs se
mêlant aux cris douloureux des
mourants,*

(Nhưng, nàng thơ của tôi ơi,
nàng có thể kiếm được những
giọng xào để ca ngợi những đội
bình dữ tợn đó trong giữa cơn
chiến đấu ? Tôi tưởng như nghe
thấy tiếng trống, tiếng hoan hô
của kẻ thắng lẫn với tiếng kêu đau
đớn của kẻ hấp-hối.)

Câu cứu với Nàng thơ làm chi ?
Nàng thơ làm sao kiếm được giọng
hùng cho ông khi cảm xúc ông hơi
hợt ? Tại sao lại « Tôi tưởng như
nghe thấy » ? Nếu chính ông chỉ
tưởng thôi thì làm sao chúng tôi
cảm được ? Tiếng hoan hô lẫn với
tiếng kêu đau đớn ; tả cảnh chiến-
trường mà chỉ được như vậy thì
nèn gác bút cho rồi !



Nếu tưởng tượng không ra, hình
ảnh không tự nó tới, thì bạn nên
nhớ rằng sự giản dị, sự gọn gàng
cũng có thể hùng vĩ. Homère không
hề tô điểm khi ông viết :

*Cependant les habitants de
l'Olympe descendent au milieu des*

combattants : la fureur des discordes se réveille. Pallas fait retentir sa voix. Mars semblable à la tempête, pousse les troyens au combat. Ainsi les dieux abandonnant leur fortuné séjour, excitent les deux partis, et se confondent dans les mêlées. Cependant le père des dieux et des hommes fait entendre le bruit formidable de son tonnerre ; Neptune frappe la terre ; le mont Ida, et Troie, et les vaisseaux des Grecs ont tremblé. Le roi des enfers épouvanté s'élance de son trône ; il s'écrie et croit que Neptune, sous les coups de son trident, va découvrir aux hommes et aux immortels ses secrètes demeures, demeures effroyables que les dieux mêmes ne pourraient voir sans horreur.

(Bản dịch của J. Q. Quénot)

(Trong khi đó, những vị thần ở trên núi Olympe hạ san xuống giữa đám chiến sĩ : sự nhiệt cuồng của chiến đấu lại bùng lên. Thần Pallas (1) hét vang. Thần Mars (2) như đồng tỗ, thúc dân thành Troie chiến đấu. Thành thử các vị thần bỏ cảnh vui thú trên trời để xuống cõ vũ hai bên và lẫn lộn trong hỗn chiến. Trong khi đó, vị chúa tể của thần và người (3) làm sét nổ ghê gớm ; thần Neptune (4) đập trái đất ; cả núi Ida lẫn thành Troie và chiến thuyền của người Hi-Lạp đều rung chuyển. Diêm - Vương hoảng sợ, xuống ngay, chạy, la, tưởng chừng thần Neptune, đập phá bằng cây đinh ba, sắp làm cho người và thần

thấy những cõ bị mất ở Âm-tì, những cõ rừng rợn mà ngay các vị thần cũng không thể trông thấy mà không kinh khủng).



Điều thứ nhì là phải bỏ những chi tiết nhảm để óc độc giả không lúc nào không bị kích thích mạnh.

Như câu :

Il dit, et abaissant ses noirs sourcils, il fait un mouvement terrible, qui agite les célestes cheveux de sa tête immortelle, le vaste Olympe en est ébranlé.

Của Homère, chính nghĩa là :

Vị thần ấy nói, và cúi cặp chân mày đen sì xuống, lắc một cõi ghê gớm làm rung mớ tóc thần trên cái đầu bất tử ; núi Olympe mệnh mông cũng chấn động.

Vì vậy mà Pope dịch là :

Vị thần ấy nói, và cúi cặp chân mày đen sì, uy nghiêm, rung mớ tóc thần và ra dấu hiệu — tức dấu hiệu của định mạng và hình phạt của thần thánh — một dấu hiệu ghê gớm đã làm cho cả núi Olympe rung chuyển tới gốc.

Thì chi tiết ông thêm vô : dấu hiệu của định mạng và hình phạt của thần thánh, quả là nhảm, chỉ làm câu văn gián đoạn và yếu ớt.

(1) Nữ thần chiến tranh. (2) Thần chiến tranh.
(3) Tức thần Jupiter. (4) Thần biển.

Điều thứ ba là văn hùng vĩ tối kỵ những cái lỗi bịch. Chính Virgile, một thiên tài, cũng mắc cái lỗi dùng một hình ảnh không hợp chỗ làm cho giọng văn đương hùng tráng hóa ra khôi hài.

L'Etna et tous les volcans se sentent dévorés par le feu des tempêtes qui grondent et bouillonnent dans leur sein. Des tranchées et des douleurs violentes les déchirent, ils exhalent leur peine en gémissements terribles, et répandent autour d'eux leurs effroyables gémissements, ils couvrent la terre de leurs entrailles fondues.

(Bản dịch của J.Q.Quénoix)

(Núi Etna và tất cả các núi lửa tự thấy bị thiêu hủy vì ngọn lửa của dòng tố gầm lên và sùng sục trong bụng. Chúng thấy đau bụng dữ dội như xé ruột ra; chúng rên rỉ ghê gớm cho nỗi đau tiết ra ngoài, và chúng ụa mửa kinh khủng ở chung quanh, làm cho mặt đất đầy những khúc ruột tan thành nước của chúng.)

Vì một ngọn núi phun lửa với một con vật đau bụng rồi ụa mửa, ruột nhớt đầy đất thì còn gì là hùng vĩ nữa! Ta chỉ thấy tởm và kỳ cục.

Nhưng ta cũng phải nhận rằng nhiều khi ranh giới giữa sự hùng-vĩ và sự lỗi bịch quá tế nhị, khó định rõ được, nên kể ít tài mà muốn dùng những hình ảnh hùng-vĩ thường làm trò cười cho độc giả.

Milton, tả sự chiến đấu giữa các vị tiên, viết:

Aussi prompts que la foudre, ils volent et leurs bras.

Des monts déracinés emportent les éclats.

Torrents, fleuves, rochers, forêt majestueuse,

Arment de leurs débris leur rage impétueuse.

Juges de leur terreur, quand, des monts et des bois.

Emportant dans nos mains l'épouvantable poids,

Nous fondimes sur eux...

(Bản dịch của Delille)

(Nhanh như sét, họ bay và cánh tay họ,

Ôm những mảnh của các trái núi bị nhổ gốc.

Mảnh vụn của suối, sông, đá, rừng uy nghiêm

Làm khi giới cho cơn lôi đình mãnh liệt của họ,

Chúng ta thấy chúng hoảng sợ, khi, nằm trong tay chúng ta.

Sức nặng kinh khủng của núi, của rừng,

(Chúng ta xống tới chúng...)

Không một chi tiết nào không hùng tráng và ta tưởng tượng được cảnh rừng rợn khi các vị tiên nhổ núi để đánh nhau. Nhưng khi thi sĩ Claudian mượn hình ảnh đó của Milton sửa đổi chút ít, cho một tên khổng lồ khiêng trên vai trái núi

Ida và một dòng suối của trái núi chảy dòng-dòng trên lưng y, thì không hiểu tại sao, ta thấy hình ảnh hóa lở-bịch.

Tóm lại, thành công hay không một phần lớn do sự dùng hình ảnh đúng chỗ cũng không. Nếu đúng chỗ, thì một sự hỗn độn cũng có thể có tính cách hùng-vĩ, tức như đoạn tả thần Bại-tầu (La Déroute) trong trận Waterloo của Victor Hugo.



Cổ kim đều nhận cuốn *Paradise lost* là một tác phẩm hùng vĩ bậc nhất của nhân loại. Tập thư đó tả cảnh quỷ Satan bị giáng-truất để ám chỉ sự sa đọa của loài người. Thi sĩ Milton tốn công viết chín năm mới xong, thì ít ra ta cũng nên bỏ ra vài phút đọc một đoạn thường được trích dẫn nhất để biết qua thiên tài của ông. Đây, ông tả Satan sau khi bị giáng truất, hiện lên với đám quân quỷ sứ của y :

He, above the rest,

In shap and gesture proudly eminent,

Stook like a tower : his form had not yet lost

All her original brightness, nor appeared

Less than archangel ruined ; and the excess

Of glory obscured : as when the sun, new risen,

Look through the horizontal misty air,

Shorn of his beams ; or from behind the moon,

In dim eclipse, disastrous twilight sheds

On half the nations, and with fear of change

Perplex monarchs. Darken'd so, yet shone

Above them all th'archangel...

Tôi chỉ xin dịch nghĩa và mong đợi một thi sĩ nào đã dịch thành thơ :

*Y, trên cả những thiên sứ khác,
Hình dáng và cử chỉ kiêu hùng,
siêu quần,*

*Đứng thẳng như cái tháp :
thân thể y chưa mất*

Hết cái rực rỡ cổ hữu, mà cũng không mất cái vẻ

Một thiên thần bị giáng truất ; và sự hào quang

Quá sáng của y mờ đi : như mặt trời, khi mới mọc,

Mà tia sáng chiếu qua lớp không khí đầy sương ở chân trời,

Cơ hồ bị thu ngắn lại ; hoặc như (mặt trời) ở đằng sau mặt trăng,

Trong lúc nhật thực tối tăm, tỏa ra một ánh hoàng hôn thể thảm, tranh sáng tranh tối

Lên nửa thế giới và làm cho các vua chúa lo ngại

Có sự thay đổi chẳng lành. Tuy bị mờ tối như vậy, Satan vẫn còn chiếu hào quang

Lên tất cả các thiên sứ khác...

Hình ảnh mạnh mẽ mà linh động; lời văn gọn, hơi văn nhanh. Bóng bầy mà không cầu kỳ. Hình ảnh mặt trời mới mọc hơi thừa. Mặc dầu vậy, đoạn đó cũng đáng là một thượng phẩm.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ



HỒ - QUÍ - LY

(1.336 — ?)

Một gương thất bại vĩ đại và đau thương

(tiếp theo và hết)

NGUYỄN-NGU-Ĩ

Xin gọi là để kết luận

Hỡi người thất bại họ Hồ,



GUỒI ra đời năm nào,
sách có ghi, Người
mất nước lúc nào, sử
có chép, nhưng kẻ đến
sau muốn biết Người

lìa khỏi cõi thế khi mô, đành chịu, còn
nói chỉ đến việc tìm xem nơi Người
bị « vùi nông một năm » !

Chỉ chắc rằng Người chôn mối hận
ở một nơi nào đó của nước Tàu quá
rộng, chỉ phỏng đoán rằng Người kéo
cuộc đời tù đầy trên đất kẻ thù phương
Bắc chẳng bao lâu.

Người mang kiếp tù binh năm 1407.
Bảy mươi một tuổi chất nặng hai vai
gánh vác của Người. Mà đời Người đến đó
đâu phải đời trên rạch nhỏ. Đã ôm ấp
những hoài bão khác thường, đã mơ
những dựng xây to tát, thì toan tính,
tìm tòi, xét nét, nghĩ ngợi, đắn đo, âm
mưu, sắp đặt : chiếc thuyền ai giữa nơi
trời nước chẳng hiền, đó là chưa kể

đến những phen lăn lộn giữa chốn ba
quân, những lúc đối phó dịu mềm hay
cứng xẵng với biết bao kẻ quyết chặn
đứng Người, không cho Người đi tới
chiếc ngai vàng, biểu hiệu cho uy quyền
tuyệt đối, không cho Người thực hiện
chương trình cải tạo xã hội, giải phóng
tư tưởng, những lẽ sống của Người.
Mà cả đến khi Người đoạt được ngai
vàng rồi, Người nào có ngồi l đó như ai
mà hưởng, mà tiêu, mà phá. Nhường ngôi
lại cho con, để rảnh trí mà nghĩ thêm,
mà làm nữa. Rồi mộng vỡ chóng nhanh :
quân dân bỏ Người, chỉ ba trận lớn :
Đa-bang, Mộc-phàm-giang, Hàm-từ-
quan, cơ đồ gây dựng trót ba mươi
năm tan tành không thể tưởng ; rồi
bám víu vào đôi tia hi vọng chót,
cũng chẳng được nào : xiềng xích
tù binh khóa lại cuộc đời ngoại bang.
Trên khoảng đường dài từ cửa Kì-la
đến ải Nam-quan, đồng bào « ném
đá », quân thù nghiêng dẫy, mớ tóc bạc,

đôi chân già và trái tim nát ngấu của Người hẳn đã rút ngắn lại những ngày tàn mà người Tàu quyết « trị » ai, dành cho Người trên đất chúng.

Tăng tổ Người rời đất Hán, hẳn không với nụ cười, định cư tại nước non Việt, hẳn là chẳng phải không mong một ngày trở lại, một ngày trở lại, đành rằng xa xôi, nhưng phải có, một ngày trở lại nó phải thế nào. Ra đi mà có hẹn ngày về. Ngày về của Người, lại như thế đó.

Có xót chưa nào xót hơn ?

Có thất bại nào vĩ đại bằng ?

Giờ đây, to nhỏ với Người, tôi chẳng cho Người biết gì mới, lạ khi lặp lại những danh từ : *đồ nghịch tặc ! quân thoán đoạt ! đứơc gian tham ! phường ích kỷ !*

Nhưng, Người ạ, cũng có kẻ nhìn khác, nghĩ khác, và hiểu Người không giống thế.

Người có tài, tài gần đủ mặt, Người có chí, chí làm dân mạnh, nước hùng, Người quyết không nô lệ ai, dù ai đó giàu, to, thịnh cường cách mấy, Người không nô lệ gì, dù gì đó là những tư tưởng đã từng soi sáng một phần trái đất này đây.

Thì nhà Trần tron hèn kia cần phải thay thế, là lẽ đương nhiên, nếu được bên ngoại thế thay cũng như trước kia bên ngoại nhà Lý — nhà Trần — đã thay thế nhà Lý, thì có gì là lạ ?

Người chiêm ngai vàng, bởi vì có nó, Người mới yên tâm mà cải tạo hẳn nước nhà, mà kiến thiết xã hội theo chương trình quá mới, quá đẹp, quá bạo của Người. Cái lợi của Người, hay của dòng họ Người chìm lìm trong cái lợi mệnh mông của dân tộc. Huống chi, gương những công thần bị diệt vì chút lỗ lăm, vì lời sàm tấu, triều đại nào không có, và sờ sờ cả trước mắt Người;

lại gương một Vương-An-Thạch bị mất chức vụ, làm những cải cách tiến bộ của vị Tề tướng có một không hai của nước Trung-hoa quân chủ ấy không còn thấy được ngày mai; mà lòng tín nhiệm của các ông vua hèn, yếu, bê tha, khờ dại cuối thời Trần, có cái gì bảo đảm ?

Thì đứng lên chín bề đề mà chịu trách nhiệm trước lịch sử, thì gạt phăng hay đập nát những ai cản, ai ngăn, vốn là điều quá thông thường.

Mà xét lại lịch-sử loài người, từ thuở rất xa xưa cho đến tận ngày nay, mấy ai nắm trong tay một quyền thế tối thượng mà chẳng tàn-nhân chút nào, gian lận phần nao, mưu-mô chút ít, cong queo một vài ? Rất ít. Chính họ Trần đã nêu gương chẳng ngay chẳng thẳng, có phải thế không, hỡi Người đã nhẫn-nại đợi chờ trái chín mùi mới sẽ rung cây ?

Điều đáng kể — đứng về mặt dân tộc mà nói — là khi trong tay đã sẵn quyền, sẵn tiền, kẻ cầm đầu quốc-gia đã làm gì với quyền ấy, với tiền ấy, làm là chẳng phải làm cho thân họ, cho dòng họ họ, cho phe đảng họ, mà làm chung cho cả muôn dân, và nhất là làm cho lớp người đáng thương nhất, chịu thiệt thòi nhất. Định công hay luận tội, tưởng nên căn cứ ở điều này, chắc Người đồng ý.

Riêng Người, Người đã hối hả đến đáng thương.

Dân Việt này phải được đời đời an vui, một niềm an vui to lớn. Nước Đại-Ngu (11) xuất hiện cạnh bờ Việt-hải.

(11) 大 虞, Ngu, danh từ riêng, là tên một triều đại hoàng kim của nước Tàu thời thượng cổ dưới đời vua Thuấn; Ngu, động-từ, có nghĩa: an out.

Người đã già lắm rồi : sáu mươi bốn tuổi ; mà quân Minh cứ toan thôn tính nước mình, mà quan chẳng hiểu hết những cái cách của Người, mà dân không thi hành đúng những luật những lệ canh tân như ý Người muốn. Người vượt trên người đồng thời cao quá, thành chẳng có ai là bậc thầy Người, còn bạn ngang hàng, tài trí cỡ Người, cũng không có, lại con của Người hẳn chẳng thể tiếp tục một cách đặc lực những ý, những việc của Người, nếu một mai Người không còn nữa.

Chẳng ai đề bàn, đề xét, đề phê phán, đề bắt bẻ, nếu cần, Người sao khỏi mắc bệnh chủ quan, tự phụ, tự tin, quá tự tin, quá tự phụ, quá chủ quan. Dân cúi đầu, dân nhàn mặt, Người chẳng được thấy ; dân thờ dài, dân thờ thễ, Người chẳng được nghe.

Người còn nhớ chẳng bài thơ Người ban cho tuyên-phủ-sứ kiêm chể-sứ trấn Tân-ninh, Nguyễn-Ngạn-Quang ?



*Biên quận thù : tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên liệt chể hữu vi du.
Thanh tòng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cổ tru.
Huấn sức binh nông giai tựu chứ,
Giải đình trấn thú thị hà thu ?
Cần lao vật vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi lệ vãn lưu.*



Có người đã dịch (12) :

*Yên ửi cốt ngoài nhờ chí giỏi,
Ngàn năm trấn lớn có tài hay.
Tùng xanh mảy gần đương mùa rét,*

*Tộc bạc ta nguôi gió cõi tây.
Dạy bảo binh nông cho được việc,
Tha về lĩnh thú buổi nào đây ?
Nhọc nhàn chớ bảo không ai biết,
Dãi mủ khôn che bốn mắt này.*



Vấn tức là người. Nếu chẳng phải người trọn vẹn, thì cũng một phần nào. Lòng tự tin pha với tự phụ của Người, người ta thấy rõ trong tám câu bảy chữ trên đây. Người đã nói :

« Tứ mục nguyên phi lệ vãn lưu ».

(*Dãi mủ khôn che bốn mắt này*).

Người cho mình có tới bốn mắt, dãi mủ không che được, bốn mắt Người thấy tất cả, không chi giấu được. Song quá tự tin, quá tự phụ, quá chủ quan, quá say sưa vì Lí-tướng đẹp cao, bao cái quá ấy đã che không cho Người thấy rõ lòng dân, đối với việc lên ngôi của Người, đối với cuộc cách mạng của Người về kinh tế, xã hội, chánh trị, tôn giáo, giáo dục, tư tưởng... Có phải vì thế giờ Người quý quá, còn chẳng bao nhiêu, họa xâm lăng từ phương Bắc tới càng rõ rệt, mà Người tự thúc lấy Người :

« Mau với chớ ! Vội vàng đi với chớ !

« Mau với chớ ! Thời gian không đứng đợi. » (13)

Hắn giờ đây, xét lại, Người không nổi trách dân Việt thời ấy

(12) Nguyễn-Lợi, tạp chí « Nam phong », Nguyễn-Đổng-Chi đăng lại trong quyển « Việt-nam cổ văn học sử »

(13) Xuân Diệu.

Hẹp hòi quá, chẳng hiểu nước là của chung, chớ chẳng của riêng một người nào, một họ nào, một đảng nào ;

Ngu ngốc quá, không hiểu những ích lợi rộng lớn của bao sáng kiến, bao cải cách, bao thực hiện của Người ;

Cạn gần quá, nên bức tức, hoang mang, nghi ngại, có khi oán hờn nữa, vì thói quen xảo trộn, nếp sống đồi thay, quyền lợi thiệt thòi, chỉ thấy phiền hà riêng trước mắt mà chẳng nghĩ ích lợi chung về sau ;

Nhệ dạ quá, tin lời gạt gẫm của bọn Tàu xảo ác, bỏ rơi kẻ quyết tâm phụng sự quê hương để dẫn nẻo chỉ đường cho phường cướp nước.

Nhân dân lúc bấy giờ như đám trẻ thơ, yếu khờ non dại. Mà Người thì mang hia ngàn dặm, nắm chặt tay chúng, quyết vượt không gian và cả thời gian. Đám trẻ kinh hoàng, đám trẻ rên than, Người mãi nhắm định Vinh quang lướt tới, có nghe có thấy gì đâu. Rồi chúng trì, thì Người kéo. Đều người hướng đạo rơi xuống vực sâu, để đám trẻ thơ sa vào địa ngục.

Tức nhân dân ? Giận Người ?

Chúng tôi chỉ cảm có thương, thương Người, thương đồng bào lúc ấy, thương cho vận nước chẳng may.

Ai nữ nào bảo Người là ích-kỷ ?

Ích-kỷ thì Trần-Thiểm-Bình và những kẻ sĩ vụng tính cạn suy quì lụy, nài nỉ, dút lót vua quan Tàu, Người lại — nếu quả Người ích kỷ — chẳng thể quì lụy, nài nỉ, dút lót nhiều hơn, bắt dân chịu khổ, buộc nước chịu thiệt, dặng thân yên, trí khoẻ, như sau này một Mạc-Đặng-Dung.

Ai đành mắng Người là hèn nhát ?

Vịn vào việc tướng Ngụy-Thức thấy thế nguy, bảo Người tự dốt để tránh cái nhục bị bắt sống, Người tức giận, chém. Chúng tôi hiểu tâm trạng và hành động Người lúc ấy. Người nào ngờ lớp sĩ phu chỉ nghĩ đến nhà Trần mà quên dân tộc Việt, Người nào dè nhân dân ghét bỏ Người đến nỗi mở cửa, giơ tay đón giặc Người tề tái thấy bao tâm huyết, bao trí não Người trong mấy mươi năm hóa công dã tràng đi mất ! Song Người còn Tây-dô phòng bị sẵn, Người còn hi vọng kẻ sĩ cũng như thường dân, mở mắt. Người còn mong con trưởng mình (14) hoàn thành sứ mệnh thần cơ (có khác gì sau này Quốc trưởng nước Đức, Hitler, mong ở các nhà bác học hoàn thành bom nguyên tử). Người lúc đó chưa tuyệt vọng, mà có kẻ lại dạy Người làm một việc thế kia ! Con người như Người không thể hèn trước cái chết. Kinh đô thất thủ có một, nước còn phân nửa trong tay, chưa rán hết sức mình, chưa chi đã tự giết, thế mới là **hèn** ; ra đầu hàng giặc để mong được sống, thế mới là **nhục**. Còn tìm phương chống cự đến cùng, bị giặc bắt, có gì là hèn, là nhục.

Và chết lúc ấy có lẽ dễ hơn là sống dè hàng ngày chịu nhục đến phút cuối cùng.

Có ai chê người dụng việc binh,
cứ dùng trận địa-chiến, đánh những trận đại
qui-mô mà không tổ-chức du-kích chiến,

(14) Chính các sách Tàu đời Minh chép rằng Hồ-Nguyên-Trung sáng chế súng thần cơ trong thời bị giam giữ ở Trung-hoa. Sáng chế này, sau người Tàu nhận là của họ.

không trường kỳ và tiêu thổ kháng chiến, ai ấy quên rằng dù dùng chiến lược, chiến thuật gì đi nữa, thì nước ta cũng không thoát khỏi móng vuốt nhà Minh : Có lợi dụng triệt-để thiên-thời, địa lợi, có noi theo gương Trần-Hưng-Đạo chống Nguyên, có lấy mềm chống cứng, lấy ngắn chống dài..., Người cũng sẽ là người chiến bại. Bởi lẽ : **yếu tố căn bản và quyết-định là nhân-dân**, rõ ràng hơn, là **lòng dân**, không ở trong tay người. Thì chiến lược đúng, vũ khí nhiều, đồn ải chắc, binh lính đông, mưu thần chước thánh mà làm chi !

« *Hỡi Quý-Ly ! tội dễ mất sơn hà,
« Người phải chịu, không làm sao chối
được ! » (15)*

Không, người có chối có cãi gì đâu. Người chịu xác thân già tui nhục, người để tâm hồn đau chà xát. Người lê kiếp sống thừa cho hối hận dày vò. Người im lặng, đợi người sau xét, hiểu.

Và hơn một người sau chẳng trách, chẳng mắng, chẳng buộc, chẳng chê. Trước tấm lòng vì dân vì nước hóa ra thiệt nước hại dân, trước sự thất bại quá đau thương và vĩ đại của Người, trước hối hận dài dằng dặc của Người, trước cơ hội ngàn năm một thuở lỡ trôi qua, hơn một người sau chỉ ngậm ngùi, thương...

*Rằng : Tài nên trọng, mà tình nên
thương.*

Càng thương người khi khắp Thủ-đô nước Việt, tìm đâu cho thấy tên Người.



Hỡi người đi trước họ Hồ,

Tài Người về kinh tế, sáng kiến Người về xã hội, cải cách Người về chính trị,

không ai mà chẳng nhận. Riêng kể đến sau hôm nay nâng bút nhắc Người lại chỉ đặc biệt trọng và thương Người ở điểm : cả gan về Văn-hóa. Chúng tôi trước hãy xin đọc lại người nghe vài lời phê phán, nghĩ suy của người Việt của thế-kỷ XX về việc của Người :

— « Phàm lúc nào học thuật của đời đã thịnh thì tất sinh ra cái tư tưởng tự giác và tự tín. Nghĩa là tự giác tự tín rằng mình có tư cách. Học thuật nước ta đến Lý, Trần là cực thịnh, nào hai cái học Nho, Phật, nào chữ quốc âm cùng văn Nôm và các nghệ thuật đều đã theo cái tư tưởng « thiên thư định phận » mà biệt lập ra ngoài khuôn sáo của Chi-na cả rồi. Lúc ấy Hồ-Quý-Ly lại thực hành chủ nghĩa Hoa-Việt-Nho - học thì biết cái tư tưởng tự giác tự tín của người Việt-nam bấy giờ đã đạt tới cao độ vậy. Tội vạ họ Hồ thế nào đã có nhà lịch sử, ta bàn học văn, ta không nên vì người mà bỏ mất cái tư tưởng hay... » (Nguyễn-Trọng-Thuật. — *Điều đình cái án quốc học*).

— « Xem Quý-Ly đương buổi Tây-lịch 1401, khi ấy các nước Âu-châu chưa đến trình độ bán khai mà nước ta đã có Quý-Ly bày đặt các việc, trước đã kêu đèn văn minh, phỏng Bá-Kì chẳng đưa quân Minh về trở ngại để cho Quý-Ly hết sức kinh lí giang sơn, trùng tân nhật nguyệt, nước ta hẳn kéo cờ văn minh, thủ xuất trước các nước ở bên Đông-Á... » (Lê-Thúc-Thống. — *Nam sử liệt truyện hảo cấu*).

— « Tiếc thay Hồ-Quý-Ly không có thì giờ để làm xong công trình đồ sộ của mình. Quân Minh tràn khắp nước, là tiêu tan bao sáng kiến lớn lao.

(15) Đăng-Phương. — « *Hồn Việt* ».

« Ta phải đặt ta vào thời Hồ-Quý-Ly, nghĩa là cuối thế kỷ XIV, ta mới rõ cái giá trị bao phát minh, bao cả gan của con người mạnh ấy. Nếu họ Hồ có đủ thì giờ và quốc gia yên tĩnh để thực hành đến tận gốc cái chương trình đổi mới nước nhà, thì biết đâu dân tộc chúng ta không phải là dân tộc trước nhất giờ cao ngọn cờ tươi sáng của một nền văn minh mới ở toàn cõi Á-đông ». (**Quách-Vũ**. — *Một người Việt phi thường : Hồ-Quý-Ly*).



Trước Người khá lâu, Vương Mãng, Vương-An-Thạch bên Tàu, đã thực hành những cải cách kinh tế, chánh trị, xã hội mà một số tương tự những cải cách của Người. « Những bậc đại trí gặp nhau », sự thật có thể là thế; mà sự thật cũng có thể là Người chịu ảnh hưởng ít nhiều của họ. Điều sau này chỉ có giá trị một nhận xét mà thôi; lấy cái hay của người xưa, xem xét, bồi bổ, áp dụng vào hoàn cảnh trong đó hiện mình đang sống, sự tiến bộ không nhờ đó chắc rằng không có. Cái đáng trọng là một khi cho là đúng, là phải, quyết thực hiện cho kì được, mặc chông gai, mặc hăm hố, mặc bùn lầy...

Lại ngoài bao cải cách, mục-dịch tỏ chức lại xã hội cho được công bình hơn, nâng cao đời sống của dân lành được cao, sáng, ấm hơn, Người còn cố sao nhen nhúm đôi ngọn lửa thiêng cho dân tộc đi uể oải, chán chường, gần như mất cả chờ mong, tin tưởng. Đó là :

Cuộc Nam tiến đại qui mô và công cuộc dựng nền quốc-học.

Giờ đây, chúng tôi thấy ngay trước mắt :

Một nước Thụy-diên, mà tổ chức về xã hội đã tiến khá nhiều ;

Một nước Hoa-kì, mà mực sống của thường dân lên khá cao ;

Cả hai nước ở châu Âu và châu Mĩ này lại chẳng phải là hai nước có « Hạnh-phước » nhất hoàn cầu, vì phải đối đầu với lắm vấn đề rắc rối : nạn thất-nghiệp, sự kìm chùng tộc, tinh thần thanh niên khủng hoảng...

Lo cho nước mạnh, lo cho dân ở ấm, ăn no..., là điều cần, rất cần, nhưng chưa phải là đủ. Còn phần tinh thần, còn phần tâm hồn của con người muôn thuở và mọi nơi, có được thỏa mãn ít nhiều, có khỏi băn khoăn quá lắm, có đôi Lí-tưởng cao cả đề phụng thờ, có vài đích đẹp tươi đề thẳng tiến, thì chừng ấy nước ấy mới đáng gọi là một nước « Hạnh-phước », một « Thiên-đàng » trên cõi thế còn đáng thương này.

Sự cố gắng và lo âu của Người đề nhen đôi ngọn lửa thiêng cho nòi giống càng khiến thế hệ chúng tôi nhớ đến điều tối cần này.



Giấc mơ của một đôi người Việt ở thế kỷ XIV, XVIII, giấc mơ của một số người Việt lúc toàn dân đứng lên cỡi ách thực dân Pháp-lan-tây cũng xiềng quân phiệt Phù-tang tam-đảo : dựng một

nước Việt hùng tươi vui, cường sáng ấm
cạnh bờ biển Việt, chẳng hay đối với
Người có phải là một giấc mơ to quá,
đẹp ghê chẳng, để bị nó ám ảnh, bị nó
dè bẹp, rồi vì nó mà ôm chặt một hận
trường ở một nơi nào đó chẳng sáng,
ấm chỉ ?

Người mà có thiêng, Người mà « bắt
cứ cái gì dính đến giống Việt không
làm Người đứng được », thì Người
hắn về trong một giấc chiêm bao, cho

chúng tôi được rõ ý Người. Người
nghĩ sao, hồi người hùng của nòi Việt,
đã từng mơ những chuyện đẹp phi thường
cho đất nước, và đã từng thất bại quá
đau thương và vô cùng vĩ đại, người
nghĩ sao, hồi người tù binh trắng tóc
họ Hồ của nước Việt, năm trăm năm
mười năm cũ :

1407 — 1957 ?

Tản - phong - hiệp, ngày Chiến
sĩ trận vong năm đinh-dậu (1957)

NGUYỄN-NGU-Í

*Ai qua núi Ân sông Trà,
Nghe chẳng tiếng gió mặn mà nhắc ai...*

Hiệu THIÊN-THAI

114, đại-lộ Quang-Trung, 114
thị-xã QUẢNG-NGÃI

XUỞNG SẢN-XUẤT HAI ĐẶC-PHẨM CỦA CÀM-THÀNH:

MẠCH - NHA và KEO - GƯƠNG

(bảo-dảm chế-tạo đúng nguyên-chất và hợp vệ-sinh)



*Làm quà cho bà-con, người quen, bạn-hữu, hoặc cúng-kính
sêu tết, tưởng không còn gì bằng hai đặc-phẩm nói trên :*

đã ngon, lại bổ, (có nhiều sinh-tố) còn
khuyến-kích một tiểu-công-nghệ nước nhà.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

NHƠN DỊP TẾT NGUYÊN-ĐÁN NĂM MẬU-TUAT

HÀNG PHIM

WARNER BROS

TRÂN TRỌNG TRÌNH BÀY CHO QUÝ NGÀI NHƠN DỊP
ĐẦU NĂM MỘT CHƯƠNG TRÌNH KHÔNG TIỀN KHOÁNG
HẬU TẠI HAI RẠP **KHẢI-HOÀN VÀ CASINO**

Từ 16-2-58 đến 26-2-58 : **HELENE DE TROIE**, một sản phẩm vô giá của WARNER BROS đã tốn 6,000,000 Mỹ-kim để quay xong cuốn phim lớn nhất từ xưa đến nay, với cô đào Ý mà quý Ngài ưa mến là ROSSANA PODESTA, một sắc nước khuynh thành của thành TROIE.

Từ 27-2-58 đến 5-3-58 : **HIS MAJESTY O'KEEFE**, một đặc phẩm của WARNER BROS sẽ đem lại cho qui ngài cuộc sống thần tiên trên đảo Thái-Bình-Dương với BURT LANCASTER một dị khách hiên ngang đầy nhựa sống.



NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

(Tiếp theo kỳ trước)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

TRONG bài trước đây, ta đã thấy rõ mấy điều khác đặc biệt làm cho ta không thể lộn loài người với mấy loài khỉ được.

Nếu ta chịu rằng loài người và các khỉ chỉ khác nhau về lượng mà thôi, ta cũng không thể nào cho rằng loài người có thể do loài khỉ hiện tại sanh ra được. Tại sao ? Vì khác về lượng thật, nhưng ở hai bên còn một cái hố sâu, khác nhau không phải một bậc mà rất nhiều bậc.

Nhưng nếu ta đi ngược lại thời gian, thì ta thấy trước loài người, có nhiều loài khỉ mà sự phân biệt với loài người sẽ rất hết sức khó khăn vì ta sẽ có những chuỗi dài liên tục đi từ khỉ đến loài người. Và trong chuỗi ấy ta không biết lúc nào nên gọi bằng « con » lúc nào nên gọi bằng « người » được.

Và cái hố người, khỉ hiện tại, ở hóa thạch không còn nữa, Người do khỉ mà ra là một việc không chối cãi được

cũng vì một lẽ đó. Chỉ còn sử ký tông môn rõ rệt là một điều chưa giải quyết mà thôi.

Sau đây chúng ta xem qua sơ các sinh vật trung gian theo thứ tự tổ chức mà thôi, chứ không có ý cho là con nào ở sau là do con liền trước mà ra.

Đó là một con khỉ nhân hình đầu tiên đã có tính « người người » rõ rệt.

Tìm ra ở Nam-phi-châu (Bechuanaland) năm 1925 trong một động đá vôi. Các hóa thạch ở động đó ban đầu người ta cho là của một con vượn to. May sao một trong những hóa thạch đó được lọt vào tay giáo sư DART, ông nhận thấy rằng đó là một khỉ nhân hình quan trọng. Hóa thạch là một khối xương mặt trong một khối đá vôi nhờ bàn tay nhẫn nại của nhà cổ sinh học mà các đá ấy được gỡ ra kỹ lưỡng và thấy rằng vẫn còn nguyên vẹn.

Giáo sư DART tả sơ và cho là một con khỉ nhân hình còn nhỏ tuổi, (vết khâu nối của các xương sọ chưa hoàn

toàn) hơi hơi có tính người. Giáo sư ABEL và nhiều người khác cho đó là một hắc tinh tinh. Giáo sư ROBERT BROOM khảo xét kỹ và kết luận rằng đó là một hóathạch hết sức quan hệ từ đó chưa có. Và cho đó « là một cái sọ của loài khỉ nhân hình gần tổ tiên loài người hơn tất cả loài khỉ nào hiện tại, nếu không nói đó chính là thủy tổ của chúng ta ».

Răng của nó rất lạ và có tính cách tổng hợp trung gian giữa người và khỉ. Giáo sư GREGORY khảo cứu kỹ và cho bản so sánh sau đây :

giống hắc tinh tinh	0 tính
giống khỉ đột	2 tính
giống hắc tinh tinh và khỉ đột	1 tính
chung của khỉ đột, hắc tinh tinh sơn nhân và vượn người	3 tính
trung gian giữa khỉ và sơn nhân hay giống sơn nhân	20 tính

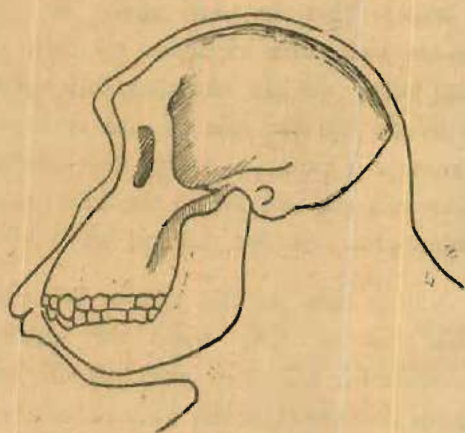
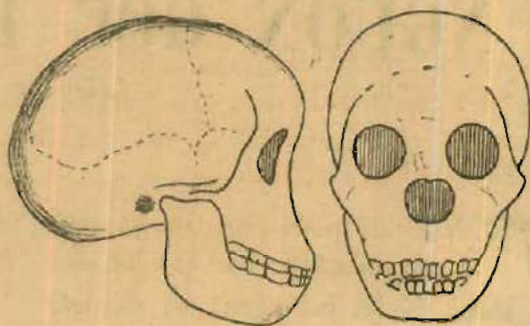
Thì thể bộ răng rất giống của người nhiều hơn mấy khỉ bây giờ. Hàm trên của khỉ là vành còn hình chữ U.

Mỏ nó còm nhon, mũi to, nó giống con hắc tinh tinh. Nhưng... nó ít hơn con này nhiều rồi.

Về thể tích sọ, KEITH cho cái sọ ấy cỡ 500 cm³. Nhưng đó là một con khỉ cỡ 5-6 tuổi. Chúng ta biết rằng sọ của các con khỉ nhân hình lớn mãi cho tới 14 tuổi. Nếu sọ của con vượn người vẫn lớn như thế thì con trưởng thành sẽ to được cỡ 600 cm³.

KEITH cho rằng đó là một con cái, vậy con đực sẽ cỡ 750 cm³.

Óc ấy khác xa của óc con khỉ đột hay hắc tinh tinh. Một là thể tích to hơn, hai là nó đã cao hơn. Và lại hình thức của óc cũng khác của các khỉ. Phần trán, phần trên bàn tay và ở chót cũng nẩy nở hơn. Sự ấy chứng tỏ rằng nó dùng tay nhiều hơn chân. Các nhà bác học đều đồng ý rằng nếu con vượn người chưa đứng thẳng như người vượn Pithecanthropus, chớ chắc chắn là nó ít tứ thủ (4 tứ chi công dụng như nhau)



hơn tất cả các khỉ hiện tại. Phần trán nẩy nở có liên quan đến những cử chỉ bột tịch khôn ngoan của tay và ngón.

Người ta khảo xét kỹ các mảnh xương vụn ở gần chỗ tìm ra sọ của con vượn người để biết phong tục và sự thông minh của nó. BROOM và DART đồng ý

nhau mà cho rằng đó là những dấu vết những bữa ăn của nó. Nhiều người cho đó là mấy thúanthịt để lại, nhưng xét kỹ không thể như vậy, đó là mấy xương để thỏ (1) đã mất. Mấy xương ấy đều bề thành mảnh vụn, không phải do một thú to, beo hay lang (2) ăn để lại vì thú này sẽ nhai và nuốt cả. Cũng không phải do các thú nhỏ hơn để lại vì chúng không thể bắt được con đểthỏ đầu. Ta gặp vài sọ con vượn to, sọ bề cỡ như là ai muốn ăn óc nó. Có những thỏ khác, hélamys và một con chuột chũi to và có lẽ hai con linh dương, chuột và sau rốt vài chitiết về một cua đồng và rùa; các xương ấy bị bỏ ra bằng một dụng cụ.

Theo ý kiến của ARAMBOURG và BROOM thì con vượn người ấy sống vào giữa thời kỳ thượngtân cách đây 4 triệu năm.

Tôi xin chép sơ qua về một loại vượn người khác có lẽ cỡ hơn con trên : con Australopithecus prometheus tìm được ở Phi châu (Makapan — Transwal) mới đây (1948) óc to cỡ 650 cm³.

Đặc biệt là ở xương hán (pelvis) hết sức giống của người. BROOM cho là giống 95% còn con Pléianthropus chỉ giống 50% mà thôi. Tên là A. prometheus là vì người ta cho rằng nó là sinh vật đầu tiên đã tìm ra lửa, đặcđiểm của người. Nhưng không gì làm chắc.



PLESIANTHROPUS	PARANTHROPUS
(cậnnhânhầu)	(songnhânhầu)

Tìm được vào năm 1936-1938 cũng ở các đống đá vôi ở Transvaal, do giáo sư BROOM. Ban đầu người ta cho là các vượnngười. Nhưng với nhiều chỗ khác nhau, giáo sư BROOM ngăn ra khỏi con vượn người song cùng một nhóm. Năm 1946-1947 tìm ra nhiều sọ khác.

Tuổitác có lẽ vào cuối thượngtân vào đầu cántân

Bộ răng chúng cũng giống loài người hơn mấy khi hiện tại. Nó cũng như ở con vượnngười, do một mớ tính người trộn lộn với một mớ tính cỡ cỡ của khỉ. Vành răng hình parabol làm chúng khác khỉ và gần người Neanderthal. Răng thì còn rất kịchcộm nhưng tổngquát, hìnhthức của loài người (Montandon). Lỗ cằm đã gần giữa đầu.

Thể tích óc cỡ 500-600cm³ hơi cao hơn hăctinhthinh (400-450cm³) cỡ của con vượn người.

Các nhà bác học đều đồng ý với nhau mà cho đó là một nhánh songhành với nhánh sẽ sinh ra loài người. Nhánh ấy tắc dọc đường. Chúng có lẽ không thể là khỉ nữa rồi. So sánh với các khỉ nhânhình, thì nó có một cái sọ tươngđương cao hơn và răng người hơn. So sánh với người thì chúng sọ nhỏ như của khỉ, răng rất to nhưng rút lại, hình thể của loài người (Montandon).

(Còn nữa)

(1) hyrax

(2) chacal

✱ Biết đủ thường được vui sướng ; hay nhẫn tự khắc yên ổn.

KHUYẾN GIỚI TOÀN THƯ

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG - TANANARIVE - TAMATAVE - ABIDJAN - DOUALA



Dùng Hộp Quẹt là kinh-tế Quốc-Gia
phụng-sự nên

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

Tranh Xuân

Sài-Gòn mấy hôm Tết,
Nắng gắt, hoa nở nhiều ;
Một nở, hoa liền héo,
Xuân sắc giảm bao nhiêu ?



Buồn, vẽ ngời viện sách,
Nhìn bức tranh trên vách,
Nhớ lại xuân vườn quê,
Mấy cành mai trắng bạch.



Ai vun ? Hoa vẫn tốt !
Ai tưới ? Hoa vẫn tươi !
Cũ, mới, không ngày tháng,
Yêu ai, hoa vẫn cười ? ?



Đô-thành, chơi hoa thật,
Trồng hoa, phải thừa đất.
Không đất, có hoa quê,
Tranh mai, xuân đặc-sắc ? ?

Xuân Mậu-tuất.

ĐÔNG-XUYỀN

(Trích « Thuyền Thơ »)

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

Công-ty kỹ-thuật và thương-mại Việt-Nam

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIÊT-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON



IMPORT - EXPORT XUẤT - NHẬP - CẢNG



Quincaillerie — Métallurgie — Technique

Miroiterie — Produits chimiques

CÁC LOẠI ĐỒ KIM - KHÍ VÀ DỤNG - CỤ KỸ - NGHỆ HÓA - PHẨM

LÒNG NGHÈO RỘNG MỞ ĐÓN XUÂN SANG

Lê-Văn

Cái căn lá tum hùm tiu hủ này, kêu là nhà thì « tui » cho tiếng nhà không biết mấy. Ấy thế mà nó chứa bốn gia đình, kể cả lớn nhỏ hơn mười người trong độ bốn thước rưỡi tây mỗi bề vuông vức. Tiếng là nhà Anh Út chớ sự thật là nhà của người ta mà Anh Út là một trong bốn gia đình hùn nhau mượn ở. Anh mượn trước hơn hết, với lại, mưu sinh bằng nghề xích-lô đạp, đưa đến đủ mọi hạng người, cho nên, muốn chỉ nơi ấy thì người ta gọi chung là nhà Anh Út. Nhà ở hẻm cùng, không số, nhờ « danh từ ấy » cũng dễ tìm.

Chị Út đã dắt thằng Phước, đứa con một lên sáu tuổi, ra đầu đường, đón cà rem mua nhín nhút từ lần năm các đồ nó cho Anh nghỉ lưng sau một đêm thức khuya phờ phạc. Anh nằm trên võng, mắt nhắm, chân bỏ xuống giường đầy võng lắc lư.

Nổi võ ruột xe bề làm dây, Anh giảng võng hồng khỏi mặt giường vài tấc ; không phải Anh làm sang mà vì trong nhà không còn chỗ khác để giảng. Trường hợp của Anh cũng giống như trường hợp nhà lá cất nhiều tầng, thoát trông vào, ai cũng tưởng rằng sang mà quèa khuấy đi một việc đau lòng : hoàn cảnh thiếu đất.

Choán được hơn bốn thước vuông, ngăn cách với các gia đình khác bằng tấm vách lá hở hang, phần Anh chỉ để được cái ghế bố nhà binh và một



giường ngủ. Nhà bếp của Anh bày ra khi ghế bố xếp lại. Than, gạo, mắm, muối, soong, chảo và chén dĩa thì bày la liệt dưới dạ giường. Trên giường

có một cái rương cây tróc nước sơn để đựng quần áo. Giường, khi trái chiều là chỗ ngủ của vợ con Anh, khi cuốn chiếu là nơi làm bàn ăn, vồn vện một mâm cơm đạm bạc. Thế nên, mỗi khi Anh căng võng trên giường thì Chị Út phải dắt Phước đi vì muốn giữ yên tĩnh cho Anh và cũng vì không có chỗ nằm.

Ít người đoán trúng tuổi Anh Út, ngay cả bạn đồng nghề. Mới 38 tuổi mà trông Anh già rũ cở năm mươi. Răng Anh rụng gần hết. Hai mí miệng trên dưới hóp sâu vô, móm sọm. Cơn ngủ là lúc an thần, người nom trẻ ra mà gương mặt Anh càng trông càng héo hắt lạ !

Nằm đã lâu, mắt nhắm vậy mà lòng Anh không ngủ. Thình thoảng Anh quơ tay xua đuổi những con muỗi đen vo ve bên tai chớ không buồn đập. Anh đuổi nó để nghe cho rõ mấy lời của vợ và con : Chiều hôm qua, trong bữa cơm « vĩ vèo » tiễn đưa Ông Táo về Trời, có thêm một con tôm nướng (khác hơn thường lệ chỉ một đĩa rau muống luộc và chén cá chốt kho), thằng Phước đã riu rít với Anh :

— Người ta đốt pháo vui quá Ba à ! Ba mua cho con nghen Ba. Ba mua rồi con đốt nỏ đùng cho Ba coi. Ờ ờ, con Minh, thằng Tân khoe với con nó có áo mới, quần mới tốt lắm. Nó có nón mới, giày mới nữa Ba ơi ! Đội nón nực lắm, con không đội đâu. Ba mua cho con một cái quần mới đặng về thăm Ngoại nghen Ba !

Nó nhìn Anh, vừa tíu tíu, vừa deo cánh tay dặc dặc như van lơn, như khăn khoản. Anh không dám ngó nó,

không trả lời mà chỉ gục gặc đầu, cồ nghẹn ứ ! Nào ai hiểu Anh tủi phận nghèo hay tủi phận làm cha đến thiếu lời hay chẳng dám thốt thành lời ?

Anh rẽ con tôm ra làm ba phần, tự mình gắp bỏ vào chén vợ cái đuôi, chén con khúc giữa, giả là :

— Ăn lẹ đi con.

Phước quên phứt những hình ảnh đẹp vừa kể, gắp khúc tôm lên ngắm nghía :

— Con ăn nhìn nhìn cho cùng bữa cơm nghen Ba ?

Nói thì nói, nó nhắm chút chút nghe thịt tôm ngọt quá, ngốn ngấu một hơi là hết sạch. Chị Út nhìn con, chép miệng bâng quơ :

— Phải Tết này, mình có tiền đi về thăm Má, giờ chà kiếm tôm để con ăn cho đã.

Chừng như xúc động việc gì cao cả hơn thế nữa, Chị cúi mặt xuống, rưng rưng :

— Má tuổi Mùi, Tết này là sáu mươi bốn tuổi rồi. Lâu quá, mình không về thăm... đề...

Nhà nhỏ, chật chội là thế mà bỗng nghe như trống trải, lạnh tanh với cái câu bỏ lửng. Từ đó, không ai nói với ai một lời. Bữa cơm tàn trong lặng lẽ mà thấm thiết Anh uống vội một ly nước lạnh rồi ra xe, đi gần sáng đêm mới về nằm dài, nhớ hình ảnh ấy. Anh chợt nghĩ : « Không biết Ông Táo về Trời có nói rõ cảnh cùng cực này chăng ? ».



Chị Út bỏ buổi đi câu cá chốt, ở lại nhà, trịnh trọng trải khúc vải ra giường, tính toán. Chị lấy bộ đồ cũ của Phước ra đo.

Từ nhỏ tới lớn, Phước chỉ có toàn đồ cụt. Tất cả đều vẫn ngắn. Những ngắn đen cứ lẩn lẩn trên thân người nó. Từ đầu năm, chị định bụng sẽ may cho con một bộ đồ bà ba rộng phồng phình trừ hao nó lớn. Nhưng hôm qua, Anh Út, sau khi trả tiền góp từ ngoài hẻm vô nhà, móc số tiền giấu riêng trong lưng đưa Chị :

— Có bấy nhiêu hà mình.



Cầm ít chục bạc đi rào mấy vòng chợ, kỳ kèo lắm, Chị mua được hai ộp nhang và một thước tám vải. Chị nghĩ, Tết nhứt mà để con mang đồ cụt lộ những ống tay ống chân đen hắc hăm thì coi sao phải. Dùng đồ cũ tạm làm ni, Chị cầm vải treó qua treó lại không biết bao nhiêu lần xếp mà đành nan giải. Chị nhăm tính : « Không may được trọn bộ thì may quần cụt, áo dài tay cũng được. Năm nay trời lạnh, có áo bà ba chắc thằng Phước mừng

lắm ». Thường ngày, Chị thay đồ, mặc đồ, giặt giũ cho con mà nay bỗng nhiên Chị nghe nghi ngờ hình dáng của nó. Chị bước ra trước, kêu ới ới :

— Phước ới ; Phước à ; Về má biểu bớ con !

Có tiếng dạ xa xa rồi tiếng ré lên khóc. Chị Út hốt hoảng cất chân chạy gấp. Thằng Phước bị vấp bực đất, té nằm dài, miệng meo mảo, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Không biết bị trúng đầu, đau đớn làm sao mà khi Chị Út tới thì Phước còn quơ tay gom đống vừa đất vừa xác pháo màu xanh đỏ nằm vung vãi. Chị xốc nó dậy mà nó còn cổ hốt một năm.

— Có sao không con ?

Phước thút thít khóc, không trả lời, đưa tay quẹt nước mắt, nhìn phần chưa lột được tiếc rẻ. Chị Út phải bực trên quần áo con, chắc lưỡi xốt xa cho lớp da non trên đầu gối nó sùi ra, rướm rướm máu.

— Thôi bỏ đi con. Vô nhà Má cắt đồ mới cho.

Được đi mấy bước, Phước giăng tay, ngó ngoái lại.

Kéo một chéo khăn bịt đầu lau mặt mũi cho con xong, Chị lấy nguyên xấp vải choàn lên mình nó mừng thầm đã khéo chọn màu. Ngấm chán. Chị mới xếp vải đo ni bộ đồ. Thằng Phước như bỗng nhiên lớn hơn, cao hơn. Chị xoay trở gì cũng không đủ đầu cả. Giọng trầm buồn, Chị ướm hỏi ý con :

— Con muốn bận đồ gì đây Phước ?

— Đồ gì cũng được Má. Miễn Má may dây thưng cho xiếc eo ếch nha Má.

Lần nào vật lộn, con cũng bị thắng Tân kéo tuột quần hoài.

— Bạn đồ chơi không được vật lộn, chơi dờ nghe con.

Phước phụng phịu :

— Hồng thèm. Con hồng thèm bạn đồ mới. Con đi đá banh với thằng Tân hà.

— Thôi, để má may đồ cụt cho con nghe ?

Chưa kịp trả lời, tiếng pháo nổ làm Phước sáng mắt lên muốn chạy đi nên gặt đầu lia lịa. Với Phước thơ ngây nào có biết gì. Đồ mới nó cũng ham đề đánh đôi đánh dọ một chút rồi thôi. Chớ mặc đồ mới, dài lượt bướt mà phải giữ như giữ trứng, không được vọc sinh, đá banh hay vật lộn là một cực hình đối với nó. Chị Út vẫn biết vậy nhưng không sao tránh được nỗi tủi : phận làm cha mẹ, qua một năm dài vất vả mồ hôi nước mắt mà không đủ đắp điểm cho tấm thân nhỏ thó của đứa con yêu.

Chẳng xoay sở cách nào hơn, Chị đành cắt bộ đồ cụt mới dài hơn ni cũ hai phân. Chị run tay nhấp kéo. Tiếng vải khô khan, rách toẹt mà người hiền mẫu nghèo nàn cảm chừng là những tiếng xé lòng...



—... « Tuổi Thân con khỉ ở lùm, chuyện qua chuyện lại té ùm xuống sông. Tuổi Dậu là con gà vàng lông, có mỏ có móng nó gáy ó o. Tuổi Tuất là con chó cò, nằm khoanh trong lò lổ mũi lợ lem... »

Chị Út nhắc mỗi lần vài tiếng cho con lặp lại, tập cho nó có thói quen nói theo,

làm theo cha mẹ. Phước nằm trên một đầu võng, nhái theo những lời vắn lắn, êm buồn. Được ấp ủ trong hơi hướm của mẹ, nó nghe mình ấm hiềm, muốn thiú thiú ngủ, nhưng bỗng phá lên cười :

— Sáng bữa hôm, con thấy con Cò của thằng Tân lổ mũi lợ lem má à ! Con với Tân bắt Cò đem tắm, nó lạnh run mà « mắt » cười.

— Sau, đừng chơi đại vậy nghe con. Chớ nhỏ, chịu không nổi trời lạnh, mới chui rúc trong lò. Nó dờ, muốn tắm thì rồi phải đem phơi cho khô lông kẻo bị lạnh tội nghiệp. Đêm nay nữa thì con thêm một tuổi rồi, phải tập lần cho có tình thương...

Tuổi nhỏ, Phước chưa hiểu hết ý mẹ nhưng cảm biết không phải là lời khen, nên nằm xuống, nhắm mắt tiu nghỉu. Chị Út lỡ làm con buồn, không dạy nữa, cất tiếng ru :

— A... ơ...

Lên non mới biết non cao,

Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.

— A... ơ...

Lầu nào cao cho bằng lầu Ông Chánh,

Bánh nào trắng cho bằng bánh bò bông,

Đôi ta đạo vợ nghĩa chồng,

Nằm đêm nghĩ lại nước mắt hồng nhỏ sa..

Tiếng ru ời ời, buồn thiú, loăng đăn trong đêm ba mươi. Phước nhắm nghiền mắt, ngáy đều. Ánh đèn mập mờ, soi gương mặt no tròn của nó. Trán cao, miệng rộng, tuy đen đúa, Phước vẫn có cái đẹp phương phi, mạnh mẽ giống như dúc cái đẹp của một anh trai làng ngày xưa được Chị phải lòng. Thôn dã phảng lạng đã tạo

cho Chì và người ấy một mối tình phẳng lặng nhưng không thiếu trung thực, keo sơn.

Đôi nhà cất gần nhau, trạc tuổi cũng gần bằng nhau, nên Chì, chị và người ấy quen thân từ hồi nhỏ. Cả hai đã từng mọc đất nân tu na, đánh búng, nhảy chàng chàng rồi ôm nhau ngủ ngon lành trong cái nhà chòi làm bằng tàu dừa, bắt chắp trên mặt, mình lơ lơ trũng chim trời. Người lớn đã đánh đôi cho hai trẻ. Khi thì chàng giả như đi phát, nàng đội xôi; phần là cái nhánh mù u khô và xôi là những bông mù u trắng tai vàng nhụy. Rồi khi thì nàng giả làm kẻ bán, chàng làm người mua, mà đồ vật là hột me, miếng chén còn tiền là những lá vàng rơi nguyên vẹn, tươi màu. Lá không phải là tiền nhưng hơn tiền là đã « mua » được sự rung cảm chân thành của cô gái quê trinh bạch. Tình ấy dần lớn theo thể xác cho đến lúc khi xa biết nhớ, khi gần biết vui. Lớn lên, chàng ở trong vạn phát, nàng ở trong vạn cấy. Quen nhau trong tình lối xóm, thân nhau trong giọng hát, câu hò, thương nhau trong giọt mồ hôi đầm đìa, nhể nhại, một người mối lái, một bữa cơm ngon, chàng và nàng hiệp tác, hện lời kim cái.

Nàng là Chì và chàng là Anh Út bây giờ giá mà giữ được manh vườn, thửa ruộng, nghề nghiệp nông tang thì có lẽ Anh Chì là người vui sướng nhất đời.

Nhưng, chiến tranh là một cơn gió làm rạp cây, bứt lá, vùi dập bao cánh chim lành. Tồ ấm của Anh Chì xa xôi, hẻo lánh là thể vẫn bị gió thời thốc đi cho tơi tả. Không làm ruộng thì đi buôn, không được ở nhà thì nương thân trên thuyền nhỏ, xuôi ngược, ngược xuôi. Anh Chì đã cắm thuyền trên bờ sông Ông Lanh. Và khi thuyền mục rã thì

lại bồng bề nhau đến bến Vân-Đồn này.

Dòng đời luân chuyển, cuộc thế đổi thay, tuổi Anh Chì chất chồng, hạ sanh được một chú trai kháu khỉnh. Sức lực theo ngày tháng tiểu pha, tình xuân đã đổi thành nghĩa cả, có cái nghèo là vẫn đeo theo Anh Chì dai dẳng, truyền kiếp. Những đêm tối trời đen đặc như đêm nay, Chì thường nhớ cuộc tình êm đẹp bị vùi dập trong cuộc sống đau thương mà lòng héo hắt. Tâm trạng này nung nấu hơn lên ở những tối Giao-Thừa, cái đêm có tục lệ ôn nhớ, ghi lấy, suy nghiệm rồi như dứt bỏ để bắt đầu năm mới.

Nhìn con năm phê phê, mơn mơn chỉ đòi hỏi được ăn no, mặc ấm và học hành, lòng Chì đau nhói như bị gâm kim. Thương con rồi chạnh thương chồng. Phước ngủ từ lâu mà chừng như không biết, Chì vẫn cất tiếng ru sè :

— À . . . ơ . . .

Chim quên xuống đất kiếm mồi,

Thấy Anh lao khổ đứng ngồi không yên . . .

Trong lúc Chì Út ru con, mơn mơn đợi chồng về thì Anh Út nằm ngửa mặt hứng sương trên chiếc xích lô đạp đậu ở bến xe lục tỉnh.

Là cột trụ của một gia đình, khác hơn vợ đã sống nhiều cho tình cảm, dĩ vãng, Anh Út đang nghĩ miên man về Tết, về chương trình Tết mà chỉ vài giờ nữa sẽ thể hiện bằng tiếng pháo giao thừa.

Nhà mướn, với lại là nhà nghèo, việc sửa sang đón Tết không cần thiết. Sự thật, đó là lý luận « ba phải » chớ cả tháng nay, Anh quần quật ngày đêm có rảnh rang đâu mà chăm sóc nó. Tất cả tâm trí Anh dành lo cơm áo thường lệ, bộ đồ mới cho con,

dư dả ra thì sẽ mua thịt kho, dưa dứa, một ít bột đường để gói vài chục bánh ếch trước cúng sau ăn trong mấy ngày tưởng niệm. Chỉ bấy nhiêu mà Anh mệt ngất, giờ này còn đón gió đang sương dơi chuyển xe khuya. Anh lầm bầm : « Bộ đồ thăng Nhỏ thì mình lo rồi. Sáng qua, má nó rửa dứa trắng phao cho vào hủ. Nồi thịt cũng đã kho xong với con cá lóc và hơn cân ba rọi. Phải còn tiền mua thêm nửa chục trứng vịt bở vô nữa mới chấm dứt đủ ba ngày. Đó là phần mặn, còn phần ngọt thì mới có bánh ếch, nửa chục dưa hủ bán vặt và hai gói chuối khô. Việc chung đã tới chừng mức đó, còn việc riêng, châu cha, thật là khó xử ».

Anh ngao ngán thở dài.

Thường năm, Anh có lệ tặng riêng, bắt ngờ một món quà cho vợ và con. Quà mỗi năm mỗi khác theo nhu cầu. Năm nay, Phước thì muốn đốt pháo mà chị Út thì muốn về quê, ngoài phần viếng thăm còn có ý muốn dâng một vật gì gọi là cung dưỡng mẹ già chuối ngày xế bóng. Ý muốn ấy chính đáng quá mà Anh không đủ sức chu toàn. Cha mẹ Anh mất rồi trong loạn lạc. Vợ Anh còn một mẹ già. « Ngô ông tức nhược ông », Anh rất kính thương mẹ vợ ngoài phận con rề lại còn mang hàm ân đã giúp Anh trong việc mai táng huyền đường. Thế mà, vì nghèo, Anh chưa đáp trả được gì ngoài tấm lòng ghi ân canh cánh. Mấy ngày nay, Anh giấu vợ và con, dành dụm một ít bạc không phải để dụng riêng mà là để làm cái việc bất ngờ ấy. Chỉ hiềm chưa đủ vào đâu. Tình Anh nhiều mà tiền Anh ít thật khó bề lộ liễu tuy ngày qua chỉ những năm qua, nào Anh có biếng nhác gì cho cam ?

Một con muỗi bấu vào mặt Anh đau nhói như tâm tư đang xía xói cái phận nghèo. Anh đưa tay lên đập, nghe tay ươn ướt mà không hiểu là nước mắt hay sương khuya.

Xe Liên-trung — chuyển chót Rạch-giá — Sài-gòn — từ xa trườn mắt sáng lòa. Nó rồ máy hậm hực mấy tiếng trước khi vào bến như bực tức đến giờ này mà chưa được rảnh rang.

Chỉ đợi có dịp ấy, anh Út bỏ dở ý nghĩ, lật đật đẩy xe qua. Từ cô tới thầy, anh mời hết mà gần như thất vọng. Cái xịu buồn của anh lọt vào cặp mắt của một chàng trai, ăn mặc xoàng xĩnh mà trông chàng trang nhã. Anh đưa người ấy về Hòa-hưng, giá thường là mười đồng lại được tặng thêm mười đồng làm quà kiến ngộ đầu xuân mà theo người « gọi là thông cảm cuộc sống gian truân ». Đã từng cảm của (tuy không nhiều) mà lần này anh mừng quá ! Anh ve vuốt tấm giấy hai chục như ngày nào anh ve vuốt bàn tay chị Út trong đêm thổ lộ tâm tình. Sau lời cảm ơn, anh quày xe về tiệm quen, đã có lời dặn trước, mua thêm ít vật dụng cần thiết.

Đường phố Tết lạnh lẽo, buồn hiu. Chỉ có lòng anh mở hội.



Cánh cửa mở, gió lùa vào vòn ánh đèn lay.

Chị Út giật mình, chớ dậy :

— Mình về đó hờ mình ?

— Ờ ! Con ngủ rồi sao ?

— Dạ.

— Gần nửa đêm rồi, mình dậy sửa soạn lần thì vừa.

Chị Út đắp diêm cho con xong, đẩy nhẹ cái rương ra làm bàn, để lên đó một cái mâm trắng bạc. Chị lui cui nướng bánh phồng, xẻ dưa hấu, sắp bánh ếch, chuối khô, sau cùng nấu nước châm vô bình trà mới sức.

Đồng hồ nhà bên cạnh đồng đạc đồ mười hai tiếng. Chị đánh thức Phước, mặc đồ mới cho nó rồi cuốn vông lại. Anh Út mặc vội bộ đồ bà ba đen đã giặt giũ thơm tất, múc đề thêm ly nước súc miệng rồi xé bích nhang thơm.

Phước còn ngây ngủ, mặc đồ xong, ngồi thõng chân ở một góc giường, ngáp vặt. Anh Chị Út đứng ngang nhau, mỗi người cầm ba cây nhang, đưa cao ngang trán, lâm râm khấn vái giống như ngày vu quy Anh Chị đứng làm lễ gia tiên. Lời vái thì toàn là lời cầu mong được mạnh khỏe đầu năm chỉ những cuối năm, gặp vận đỏ, tránh vận đen và hứa đáp tạ sau khi gia đình no ấm. Sáu cây nhang cắm chung trong miệng chai xá xị (tạm làm giá cắm nhang) cuộn khói quyền quỳ, tỏa hương lang lang.

Mặt Anh Chị nghiêm trang, mắt Anh Chị xa xôi, mờ ảo.

Không áo dài khăn đóng, không vung đĩa dây ly, nhưng cách đứng nghiêm chỉnh, chấp tay kính cẩn, sá sù chậm rãi rồi đưa lên vuốt nhẹ mấy sợi tóc lòa xoà của Anh Chị đủ chứng tỏ tín thành. Ngọn đèn trên gió vờn lay tường chừng có ai nường mây về đây chứng chiếu. Tính chất thiêng liêng của ngày Tết có lẽ là cái phút này.

Sau ba tuần trà chấm dứt cuộc cúng, Anh đến ngồi trên một mép giường, Chị Út mới kêu Phước ra, dạy chấp hai tay

lại, cúi đầu xuống và nói từng chữ nó nói theo :

— Thừa Ba Má ... Năm mới con kính dâng tuổi... Ba Má.

Đi ra ngoài xách vô một bọc đồ, giọng Anh Út nghiêm túc :

— Phước (dạ) Con năm nay được bảy tuổi, đã đến lúc phải học hành mà gia đình nghèo quá, Ba chưa biết tính sao ! Đề vui đầu năm, Ba cho con cây pháo đốt chơi với chúng bạn và mấy đồng đề ăn bánh.

Nghe nói pháo, Phước mừng quá, đuôi con buồn ngủ bay đi :

— Đâu, đâu Ba ?

Không kè tới tiền, cầm mấy cây pháo trong tay mà nó rung lia. Anh Út xây qua vợ, cảm động :

— Còn mình, mình ngồi đây.

Chẳng hiểu cốt ý đề cho vợ ngồi yên hay đề dẫn cơn xúc động, Anh Út im lặng một lúc mới tiếp :

— Lâu quá, vì thiếu tiền bạc, tôi không có dịp đưa mình về thăm Má. Tết này, nguy nan hơn mọi năm, cũng chẳng làm sao hơn được. Tôi có mua một gói trà và một cân mút bí, đề ngày mai, mình tự tay gởi về cho Má gọi là chút lòng thành. Còn đây một trăm, mình giữ lấy đề sắm ăn sắm mặc với chị em...

Chị Út không ngó lên, với tay kéo thẳng Phước vào lòng :

— Em cảm ơn mình lo cho Má thay em. Còn tiền thì đề đó may đồ cho mình che nắng che mưa mới phải. Em có đi đâu mà chưng diện.

— Không, đó là phần riêng của mình chớ. Nó ít quá, tôi cũng chưa vừa ý.

— Mình khổ cực thì đáng được lo lắng hơn em. Mà thôi, nếu mình cho em thì em tính như vậy : vợ chồng mình cũng trọng tuổi rồi, không nên đua đòi làm chi. Số đó thì để dành đó phụ với tiền quy còm hằng ngày mà nuôi cho con ăn học, may sau nó nhờ thân nó.

— Tôi cũng biết dứt nết là phải chịu cảnh tôi đòi tôi đâu có muốn. Chỉ sợ mình lo không nổi chớ nếu lo nổi thì nói gì.

Suy nghĩ từ bao giờ, Chị Út mạnh dạn hơn :

— Con tới tuổi học rồi mà mình, phận làm cha mẹ, bỏ qua cho phí đời nó về sau thì cũng tội nghiệp. Năm tới, em định xin với mình học buôn bán như chị em mà lo việc đó.

— Chỉ ngại mình chưa gặp vận may...

Thừa lúc Anh Chị bàn luận thiệt hơn, vượt khỏi tay mẹ, Phước len lén ra hàng ba, mò mẫm dưới đất tìm kẻ hở để cạm pháo. Nó rút một cây nhang châm vào ngòi rồi chạy vô vừa bịt tai, vừa tíu tí.

— Nghe, nghe Ba.

Pháo nổ bùng chất chứa. Xác pháo màu xanh đỏ, vờ tan tác, tung tóe lên rồi là đả vung vãi trên mặt đất. Khói pháo

ngui ngút, thơm thơm mà cũng say say. Mặt Phước tươi rói, chuyển cái tươi rói cho cha lẫn mẹ. Nhìn con tung tăng với bộ đồ rộng phồng phính theo cái lối cắt trừ hao, Anh bất giác quay sang vợ, cảm cảnh nghèo, buồn tủi. Nhưng, bấy nhiêu chỉ là mới được về phần thề xác mà phần linh hồn nào kém quan trọng thì chưa được gì.

Rồi tưởng chừng tiếng pháo là tiếng lệnh, người cha nghèo vung tay trong đêm Xuân, quyết định :

— Phải, phải cố cho con, học với bất cứ giá nào...

Nào ai hiểu vì say tiếng pháo, say cảnh đoàn tụ hay say viễn ảnh huy hoàng, sáu mắt nhìn nhau, sáng lên, thông cảm : Những tấm lòng nghèo đã rộng mở đón Xuân sang.

Xa xa, tiếng pháo giao thừa vang nổ đi dùng. Có những mộng đẹp được vẽ ra để mặc cả với tháng năm lao khổ. Bóng đêm còn dày đặc mà gia đình anh Út rộn rịp, tươi vui tưởng chừng đang sống một sáng đầu Xuân.

Xuân Mậu-Tuất
LÊ VĂN

★ **LÀM** người nên tự lập, tự trọng, không nên bước theo gót người, nói theo miệng người.

LỤC-CỬ-UYÊN

BÁCH KHOA XXVI¹

XUÂN CA SÁNG TẠO

Gửi Phạm-Tăng
Hoàng - Ngọc - Liên

*H*ÃY bước chân êm nhè nhẹ,
Đừng làm lay động không gian ;
Cần gió đang rung giá vẽ
Cho anh sáng tạo mê man.

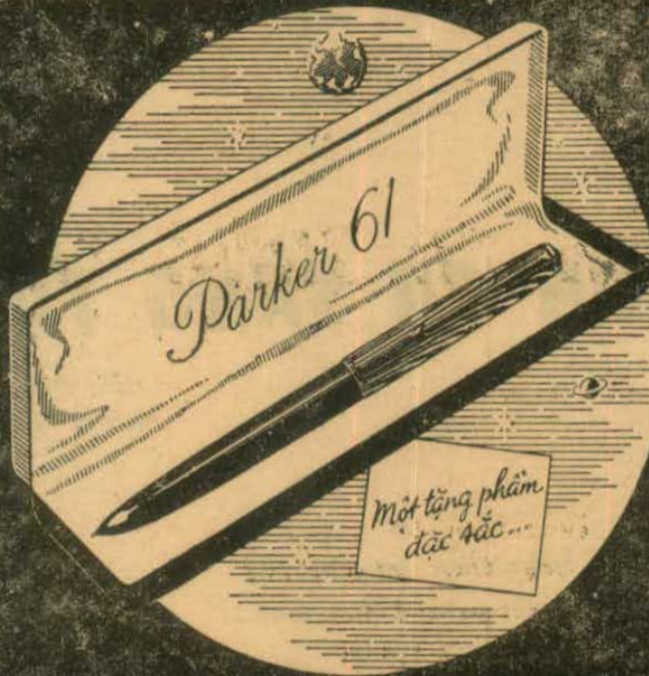
Ngâm lại cho anh nghe nữa,
Giao hòa thi nhạc ngàn xưa ;
Và chép những vần đã chữa
Hoàn thành sáng tạo bài thơ.

Anh lựa phẩm đàn chung điệu,
Bài ca cho đẹp duyên lành ;
Anh hát cho tình sáng tạo
Mắt nhìn qua những trường canh.

Hoan hỉ dưới trời xuân mới,
Tưng bừng ánh nắng Tự-do ;
Tôi viết Xuân Ca Sáng Tạo,
Vui như đọc một vần thơ.

Tôi gửi anh, người Văn Nghệ,
Miền Nam trong buổi Xuân tươi ;
Những nỗi hoài mong thế-hệ,
Niềm tin phục vụ con Người.

Xuân Mậu-Tuất
HOÀNG-NGỌC-LIÊN



Parker 61

Bút máy thanh lịch hơn mực trường thông của bộ phận này.

Đây chính là sự tiến bộ, cách sử dụng đơn giản hơn của bút máy Parker 61 trở thành một tặng phẩm lý tưởng cho các nhân viên. Chỉ cần mua một chiếc bút máy Parker 61, trường thông của bộ phận này sẽ được tặng một chiếc bút máy Parker 61. Thêm một chiếc bút máy Parker 61 là một quà tặng của bộ phận này cho nhân viên được tặng của bộ phận này.



Quà tặng sẽ được trao đổi với một tặng phẩm Parker 61 và một bút máy Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CH 11

Thuốc thơm
hào hạng

Claf Sking



GÁI BÀI LAU

Mặc.Thu

VÀO thời Chúa Nguyễn lưu vong, phía Đông đất Gia-Định — còn là một đất hoang dã — có một bãi lau lớn, đồn vẫn là nơi ẩn-náu từ lâu của loài Hồ.

Gần bên có một thôn nhỏ, tre mát, dâu xanh, dân thưa, đất rộng nhưng vẫn nổi tiếng là đất văn vật nảy sinh nhiều giai nhân, danh sĩ.

Đầu thôn có một gã vô hạnh, chuyên nghề đi bộm họ Trịnh tên Hà. Trịnh có bộ mặt thiên-phú : thông-minh, sáng.sủa, thường mượn lối danh-sĩ để loè người. Đường dâu, ngô bặc quen chân, gái non trong vùng không mấy ai không mắc.

Trịnh thường chỉ phàn-nàn : đọc sách Liêu-Tiên (1) kể đã hao hàng mấy chục chum dâu, hận chưa được gặp gái Hồ ly một phen cho thoả !

Có người hiếu sự, khuyên Trịnh nên cất thư trai cạnh bãi lau mà ở, tất có ngày thoả nguyện!

Trịnh y lời, hăm-hở thu-xếp rời nhà.

Cuối thôn có một gái đôi mươi hơn hờ, con nhà phú hộ, tên gọi Hằng Cơ. Mặt đẹp như tranh mà nét quen ong bướm. Tường hoa tuy kín, những vẫn mượn lối khuya khoắt đi về. Thường khi cần, lang-chạ cả với bọn gia nhân, diều tốt. Trỏ cũ tất nhảm, ả thường khao khát được gặp danh sĩ, dẫu kẻ mặt chung giở rờng một đêm cũng đủ phỉ chí.

Một bữa, xảy đưa tờ gái, có việc ngang qua bãi lau trở về, bụm miệng cười khúc khích.

Hằng-Cơ vặn hỏi, nó vui chuyện kể rõ sự tình. Duy có lai lịch họ Trịnh là kẻ vô lại thì tuyệt nhiên đưa tờ không hay biết.

Hằng-Cơ, từ nghe rõ chuyện, lòng gái xôn xao, bèn đợi tới đêm giả làm gái Hồ-ly mà đến cợt Trịnh.

Khi ần, khi hiện, lúc lơ lửng dưới hoa, khi thoảng lướt như ánh trăng qua cửa sổ. Diệu kể thi hành quả đã đến chỗ tài tình, tuyệt diệu.

Trịnh tưởng thực, mừng như được của, chẳng xét giả, chon nài ngay vào cuộc vui thú. Từ

đầy mỗi đêm đều mỗi đến. Cái mộng « gặp gái Hồ-ly » « đợi trai danh-sĩ » tưởng như cả hai cùng thoả.

Nhưng, lâu thành thân, câu chuyện sớm sẽ chẳng còn gìn giữ. Một buổi vui miệng, cái việc chon, giả cả hai cùng để lộ.

Ả Hằng sượng-sùng, lên buộc xiêm áo, vội vã trở về, tự thề tuyệt lối. Danh-sĩ họ Trịnh, sớm sau cũng ngao ngán, thuê người dỡ thư-trai dọn về nền cũ.

Loài Hồ thực trong bãi lau biết chuyện, bụm miệng cười mảy may ngày không dứt. Bảo nhau thiên cư vào mãi trong rừng sâu, từ đấy tuyệt không đi lại với loài người nữa. Bãi lau hoang vắng, cũng từ đấy, mắt hần dẫu chân Chồn.

Cận Xuân Mậu-Tuất (1958)

MẠC THU

(1) Tên hiệu Bô-tùng-Linh

Kính gửi Quý Vị
Phụ-Huynh học sinh!

Trong lúc Quý Ông chọn
mua một tập báo Xuân,
xin Quý Ông nhớ đến
con em mà mua tặng
một món quà văn nghệ
vừa hợp với tuổi trẻ,
vừa bổ ích ...

TẬP BÁO XUÂN

VUI XUÂN

BÀI VỞ CHON LỌC ▲ IN OFFSET MÀU
TRÊN GIẤY TỐT ▲ GIÁ PHỔ THÔNG

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

- HUYỀN-VĂN-LANG : *Tôi thăm viếng Hà-Lan.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cò-diền : Hợp-Chúng-Quốc Mỹ-Châu.*
- VƯƠNG-HÒA-ĐỨC : *Thị-trường tồ-hợp Âu-Châu.*
- THỤC-TRINH : *Tự-cung tài-bản (autofinancement).*
- NGUYỄN-HIỆN-LÊ : *Về vấn đề dịch sách cò của ta.*
- TRẦN-HÀ : *Tam-Tạng thịnh kình Đông-độ.*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Nguyễn-Huệ, hay là giấc mộng lớn chưa thành.*
- NGUYỄN-VĂN-XUNG : *Thế kỷ thứ XIX có nên truy-phong là Đại thế kỷ ?*
- CÔ-LIÊU : *Sứ-mệnh văn-chương của Françoise Sagan.*
- QUANG-HUẤN : *Giai-đoạn mới.*
- HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT : *Nhận-dịnh phân-vụ của Phụ-nữ trong xã-hội.*
- DIỆC-BIỆC-DUY : *Các lý-thuyết về ánh-sáng.*
- ĐẶNG-VĂN-NHÂM : *Ảnh-hưởng Ấn-Độ và Trung-Hoa đối với các Tháp Chùa Việt-Nam.*
- VI-HUYỀN-ĐẮC : *Cậu tôi.*
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC : *Cho tay này lấy tay kia.*
- NGUYỄN-PHÚC : *Cò độc.*
- HƯ-CHU : *Tình-sử.*

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG MINH TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

Hộp thư 339 — SAIGON



ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG

VÕ - PHIẾN

TAN tiệc thì đã quá mười giờ đêm rồi. Hải nhìn qua một loạt : trong đám khách không có ai đề anh có thể rủ đi về chung một đoạn đường cả. Hơn một nửa là quân nhân ở trọ gần ngay đấy. Một ông chủ tịch Liên Việt ở cuối xã về phía nam, vài ba người bà con bên họ trái cũng ở về phía ấy, Hải lại ở phía Bắc. Anh chào mọi người, ra về trước.

Ra đến ngoài cổng anh còn nghe tiếng cười nói ầm ĩ của một người lính. Thực là khó chịu. Không biết người rề mớì trong bữa tiệc cười có đề ý đến không, chứ còn anh tự nhiên anh đã đứng về phía người rề bờ ngõ ngượng ngùng, và giận cái lối bông đùa hóm hỉnh, cái lối khoa trương làm ra vẻ lạnh lợi tài ba, của mấy anh lính trước mặt cô dâu ấy. Tại sao họ lại tranh nhau nói nhiều thế, tìm những câu

lém lỉnh, duyên dáng, ý nhị thế ? Quả là họ không có cái nhìn liếc nào sỗ sàng về phía cô dâu. Nhưng Hải cứ cảm thấy chập chờn phía sau mỗi câu nói, tiếng cười một động cơ không đứng đắn.

Không, Hải không đặt một câu kết tội rõ ràng. Vì tình thế không minh bạch. Chắc chắn là những người lính cũng mơ hồ không biết là mình muốn gì, không biết tại sao mình đùa cợt hay ho thế. Không có gì rõ rệt cả, nhưng mà Hải thấy cái tập thể vui trẻ, tự do ồ ạt phóng túng ấy có ý muốn a lẫn vào huy hiếp, mà anh rề đang giữ cái hạnh phúc riêng rất dưng hoàng chính đáng lại có vẻ lẻ loi, vụng về, lúng túng, thất thế. Không có gì rõ rệt cả, nhưng Hải thấy mối ác cảm của mình đối với họ thuộc về một linh tính tự vệ rất chắc chắn, không thể lăm lẩn.

Tiếng cười ha hả của người lính trong nhà vụt tắt thành linh. Hải chợt đề ý đến một hơi gió lạnh thổi tạt vào mặt. Trăng sáng quá. Trời sáng và lạnh rờn rợn. Đồng ruộng thánng giăng trống tận chân trời. Ở đằng xa, cuối cánh đồng mênh mông, ánh trăng mù mù như hơi khói nhẹ. Hải nhìn nghiêng ngửa; và có cảm giác chơi vơi giữa đêm sáng mông lung bao la. Anh thấy mình thanh thoát, phơi phới. Anh sắp sửa quên hết những người lính trong tiệc cưới. Bỗng anh chú ý đến cái hơi ẩm khác thường toát ra ở sau gáy mình: mồ hôi, ột anh hôm nay cũng thử nghe ẩm ẩm. Hai lòng bàn tay thấy nóng hăm hấp. Rượu nếp mà cũng say sao? Thế này đã gọi là say được sao? Tim đập có hơi nhanh, máu chạy có hơi mau, nhưng Hải biết rõ ràng là mình hoàn toàn tỉnh táo, sáng suốt. Tuy vậy anh cũng lo ngại: còn hơn ba cây số nữa mới đến nhà, tác động của chất rượu có còn tăng lên nữa không? Đây là lần đầu tiên anh dùng rượu, anh hoàn toàn chưa có kinh nghiệm. Anh bước nhanh thêm. Trong khoảng sáng trăng mù mù của sương đêm lẫn với ánh trăng nghe có giọng hát là lượt của một người trai làng, không biết đang đi trên một con đường trăng nào. Giọng hát đuổi theo anh mỗi lúc một gần mà Hải nhìn quanh quất vẫn không thấy người. Thành linh tiếng hát dứt giữa câu, và Hải thấy mình đã đi đến đầu xóm. Bên đường cái một cô gái gánh nước đêm thả gàu xuống giếng rồi nắm lấy mỗi dây thẩn thờ dựa vào thành giếng đứng nhìn một cái bóng dờ che mát nửa mái nhà. Đi thêm năm mươi thước, Hải dừng lại nghỉ chân trước quán nước của một bà cụ già quen biết. Quán hoang vắng trống trải. Trên cái sập tre và trên bộ bàn ghế đề dưới mái lều lá

tra già rách rưới xuống và bóng lá chiếu xuống loang lổ. Anh vừa ghé ngồi xuống ghế thì từ trong nhà có tiếng bà cụ già hỏi lớn;

— Cậu đi chơi về khuya hi!

Đêm đã khuya, Hải không ngờ là hàng xóm vẫn thức. Thì ra một đêm trăng sáng quá lại làm thao thức mọi người, từ cô con gái cho đến bà cụ già. Lúc anh chào bà cụ đứng dậy tiếp tục đi, thì đột nhiên nhiều câu nói trong bữa tiệc vụt trở lại trong trí. Ờ, mà sao những người lính ở Quảng-Nam, Quảng-Ngai ấy lại thuộc nhiều ca dao, tục ngữ riêng của địa phương mình đến thế? Hải nghe lại tiếng anh trung đội trưởng đẹp trai, mắt một mí, vừa cười vừa nói:

— « *Bất giao Tam-quan chi hữu*

Bất thú An-dương chi thê

Bất thỉnh Bồ-đề chi tụng ».

Anh ta hỏi thăm đường ra An-dương để làm quen với con gái... ể chồng. Hải nghe lại tiếng anh Túy-phòng trưởng quân nhu của trung đoàn đọc các câu ca dao về miền Hoài-nhon.

« *Nước nguồn hai ngọn giao ly,*

Bồng sơn hai huyện thiếu gì vợ anh ».

và:

Chim ăn bất cát Đồng-Chu

Phinh em chờ đợi xuân thu mãn rồi ».

Hải lo lắng, hồi hộp, tức giận vô cớ. Không, vợ anh không ở An-dương, không ở Bồng-sơn, không ở giữa hai ngã nguồn Kim-sơn và An-lão, cũng không phải ở Hoài-châu, trên bãi cát Đồng-chu. Cũng không phải ở Tam-quan, Bồ-đề nữa. Quê vợ anh ở về phía bắc An-dương, phía đông An-lão, phía bãi cát Đồng-chu... nghĩa là không ở hẳn vào những địa-phương nổi danh, nhưng lại ở gần những nơi ấy. Không có câu ca dao nào trực tiếp

động chạm đến anh cả, nhưng anh có cảm tưởng nghe nhiều nhất gươm chém hụt lướt qua ngang đầu. Hải không ngờ chỗ địa-phương của mình lại tình tứ gọi cảm đến thế, được nhắc nhở nhiều đến thế trong phong dao tục ngữ. Sao trước đây anh không để ý đến ?

Mà thực ra cái gì bỗng làm Hải tức giận, lo lắng ? Không phải vì quê vợ anh bị xem là không tốt. Hình như chính là cái tiếng cười ồ-ào của đám quân-nhân trên mấy câu phong dao ấy, tiếng cười bạo dạn, ồ-ạt, tự nhiên, sẵn sớt. Tiếng cười ấy ào ào tới như sóng, và nó tràn tới đâu là những uân khúc tự riêng bị lôi bừa ra như nước lụt lôi bầy lênh bênh giữa đồng những áo lót, giày rách, những khăn tay, áo gối, những lá cờ đuôi nheo cũ kỹ, những kỷ-niệm riêng tây và lỗ bịch ấp ủ hoặc bị bỏ quên trong từng nhà. Câu chuyện và tiếng cười của những người lính ấy đề cập đến cái gì là y như cái ấy bị vứt ra giữa chỗ công-cộng một cách tàn nhẫn. Trước cái hồn nhiên ồn ào, vô tư của họ, Hải thấy mình phức tạp, rối rắm, lúng túng...

Hải bỏ ngay ý-nghĩ về những người lính, chú ý đến những điểm sáng lung linh trên đường đi. Còn độ vài trăm thước nữa thì đến nhà. Quảng đường này rộng ra, và là một quang đường cát. Các điểm sáng có lẽ là những vảy mi-ca trong cát. Đó cũng là những giọt sương đọng trên cỏ, tụ ở các ngọn lá, là những mảnh vụn của các vật bằng ve chai, bằng kính, bằng thủy tinh người ta đánh vỡ và làm rơi rớt không biết tự đời nào. Chúng nhấp nháy khắp tứ bề. Hải thấy ngỡ ngàng như trong một cuộc gặp gỡ bất ngờ. Sao mà nhiều và linh động thế này ? Trông như chúng nhao nhao lên, hớn hờ khắp tả hữu, trước sau. Hải ngạc nhiên : dĩ khuya dưới một đêm trăng

sáng đối với anh có phải lần này là lần đầu tiên đâu ? Sao chưa có bao giờ anh gặp một đám nào đông đảo như thế, chưa chứng kiến một quang cảnh như thế bao giờ ? Hay là vì những lần khác anh không được thư thái, bình tĩnh, bước đi không được an nhàn nên không chú ý đến những vật ấy ? —Ồ, đêm nay tâm trí anh có lấy làm thanh thoi nhẹ nhõm lắm đâu !

Hải đứng lại một chút, nhìn bốn phía : thật là nhiều quá sức, ở trên đường, bên mép bờ cỏ, dưới đồng ruộng, trên cành lá, đâu đâu cũng có những vật li ti sáng nhấp nháy, nhốn nháo, gần như ồn ào. Một thứ ồn ào náo nhiệt, diễn tả thuần bằng ánh sáng, một quang cảnh náo nhiệt, rất lạnh lẽ, một thứ ồn ào... không có tiếng động ! Hải tự dưng thấy bẽn lèn, thấy bị gạt ra làm một kẻ ngoại cuộc ngỡ ngác lạc loài giữa một hội vui thuộc về một thế giới nào khác lạ.

Anh bước nhẹ nhẹ, tiến về phía nhà. Anh đầy công bước vào vườn. Chợt anh sững sờ dừng lại : mảnh vụn thủy tinh ở đâu mà nhiều thế ? Mảnh vườn anh vẫn thấy hàng ngày dưới mắt lúc này trông lạ hẳn đi. Gương vỡ, chai vỡ, bóng đèn, kính cửa, chén mồng, mảnh ly cốc, vỏ ve, những mảnh con không còn biết là của thứ gì nữa, chao ôi là nhiều. Nằm tản mác khắp gốc rào, xó bụi, gốc chuối, gốc chanh, gốc cau, gốc du đủ... ban ngày chúng lẫn khuất đi trong cát bụi, ta không thêm để ý đến, đêm xia đến, ta thần nhiên đầy dạt. Nhưng bây giờ thì cùng với trăng sao chúng bừng thức dậy, thao thức thâu đêm ; nằm ngửa mặt khắp nơi, chúng ném lên những tia sáng lạnh lùng nghiêm trọng. Hải rụt rè trước cái cảnh tượng quan trọng bất ngờ đó. Vàng, Hải không thấy chúng lao xao nữa, mà lại có vẻ uy nghiêm trịnh trọng trong

đêm khuya vắng vẻ. Có phải vì trong vườn không có gió ?

Hải ngửa mặt lên nhìn lại bầu trời rộng mênh mông, ngập tràn ánh sáng. Anh thấy ánh náy xa lạ như một người khách. Bước chân anh rón rén, mắt tự tin. Anh có cảm tưởng rằng từ một giờ nào đó giữa đêm khuya thì bắt đầu cái sinh hoạt trịnh trọng của những vật sáng long lanh ấy, và cả cái khung cảnh này, gồm những nhà cửa vườn tược của anh đều không còn thuộc về chủ quyền của anh nữa, mà đang nghiêm trang thản nhiên tham dự, đóng một vai trò trong cái sinh hoạt kia rồi.

Hải vào đến sân. Mọi người trong nhà đều ngủ im cả. Người kế toán viên của văn-phòng quân nhu tên là Trương cùng với một người lính tên Vũ ngủ ở cái phòng trước hàng ba. Hai anh lính nữa nằm trong phòng ở phía chái nhà. Cái cửa về phía ấy mở toác. Trương nằm gần ngoài hiên, mặc may-ô và quần đùi, không đắp mền, trong khoả mạnh lực lưỡng. Hai trái chân đen và rắn chắc, một bắp đùi của anh ta ngả lên bụng của Vũ, bắp đùi tròn trặn, căng đầy, phía dưới phơn phớt trắng trong bóng tối. Một bàn chân anh ta phơ ra ngoài ánh sáng trăng, Hải trông thấy rõ ràng ba lần trắng do dây dép cao-su in lên mu bàn chân anh ta, thấy mấy sợi lông đen nhánh trên ngón chân cái. Cái áo may-ô để trống khoảng da trắng từ ngực đến nách, một khoảng da trắng gần như nõn nà. Hải bối rối không dám nhìn lên đến mặt anh ta. Nếu anh ta chợt mở mắt ? Hải ngó nhanh về phía phòng vợ con anh đang ngủ : im lìm. Anh bước về phòng. Vợ anh nằm ôm đứa con gái lên ba của anh ngủ ngon lành, thở đều đều. Trông dáng bộ của vợ anh có vẻ mê mết li bì.

Hải chậm rãi lại ngồi trước bàn, trông ra cửa sổ. Một cái áo bàn của con anh, có lẽ vừa mới thay trước khi ngủ, còn bỏ vứt ngay trên một góc bàn viết. Bóng trắng chiếu sáng một nửa bàn.

Hải nhìn ánh trăng một lúc lâu, óc chưa dứt khỏi những ý nghĩ về bốn người lính ở trọ trong nhà. « Trương đêm nay có vừa đàn vừa hát trước khi ngủ không ?... Tại điệu vọng cổ hay, hay là tại giọng hẳn tốt ?... Hẳn ở tỉnh nào trong Nam bộ ? Một người con trai mới lớn lên trong khói lửa, nhập ngũ chiến đấu, tứ cố vô thân, không biết cha mẹ anh em xiêu bạt ở đâu, trong buổi hoàng hôn nhá nhem ngồi ở một nhà trọ trong xóm quê hát câu vọng cổ... Thân thể hẳn ta có những đặc-diểm quyến rũ đối với tâm lý phụ nữ. Mà hẳn đẹp thực. Vừa rồi mình bắt giắc tránh nhìn mặt hẳn. Hai má hẳn bầu phúng phính trông còn trẻ măng, dễ thương quá... »

Hải không buồn ngủ, những bút rút không duyên cớ rõ rệt khiến anh bồn chồn. Da anh thờ mạnh thêm, nóng thêm ở hai bên mang tai. Đầu hơi nặng. Anh kéo ghế tới bên cửa sổ, ti trần vào song cửa nhìn ra vườn. Lại vẫn còn lần quần nhí về những người lính trọ trong nhà. Anh không lớn tuổi hơn nhiều người trong bọn họ, nhưng không hiểu sao anh không nhập bọn với họ được, mà lại cứ có vẻ đạo mạo, lúng túng trước cái sinh hoạt tập thể ở ạt của họ. Tại cái địa vị chủ nhà ? Tại anh có vợ, có con mà họ là những người con trai độc thân ? Hay là họ quen cố ý gây ra sự né tránh giữ gìn có một tính cách hình thức, giả dối, đối với những vợ chồng chủ nhà trẻ ? Nhiều khi họ đang vui vẻ giành nhau những trái ổi, chấm muối, ăn nhồm nhoàm, thấy anh vào bỗng họ sửa lại điệu đứng ngồi cho ngay ngắn, chỉnh tề. Anh tự hỏi họ có dụng ý làm cho anh tự cảm thấy cách biệt họ, có vẻ lự khự không ? Lúc anh ngồi trong trụ sở ủy ban kháng hành xã làm một người thư ký thì anh hoạt bát, cử chỉ dễ dàng, tự tin bao nhiêu ! Thế mà về đến đây, ở xóm anh, ở nhà anh, tự nhiên có cảm tưởng là anh chẳng hề hoạt động gì cả cho xã hội mà chỉ vương vít

vào hạnh phúc gia đình. Cả cái xóm này chỉ biết có sự hoạt động của bộ đội, và trong mỗi gia đình cũng chỉ có những chuyện về bộ đội, hoặc là thuộc về những trận đánh, hoặc là thuộc về đời sống cá nhân của những ông tướng tá chỉ huy, cả những chuyện trai gái của họ nữa. Những gái ấy ngập tràn hết xóm làng. Sấn suốt công nhiên tràn ngập lên hết ; và mỗi gia đình phải lo thu vén chuyện riêng của mình lại như những sự lố bịch xấu xa. «Chiều nay Trương có vừa đàn vừa hát như mọi chiều không ? Sao việc đàn hát của hắn lại đẹp dễ, mà nếu Hải cũng làm thế thì sẽ có vẻ co-ro trong hạnh phúc lãng mạn »...

Trong không khí nghe có mùi sương ướt. Trời vẫn cao, không có một gợn gió, ánh sáng vắng vặc, và đêm càng uy nghiêm. Hải không còn nghĩ đến gì nữa cả. Anh nhìn một ngọn dừa ở đằng xa tận chân trời, như cái rong im lặng giữa biển ánh sáng mênh mông.

Bỗng có cái gì lóe sáng ở phía bên trái, ngoài vườn. Hải liếc mắt nhìn và ngạc nhiên sững sờ : một vật lóng lánh, lắc lư tiến đến, phía vật đất

cát bỏ trống bên khoảnh đất trồng rau. Một vật to bằng nắm tay. Và cứ theo cái chiều nó tiến tới thì phải là từ trong nhà đi ra. Hải dụi mắt, chú mục nhìn kỹ : rõ ràng là nó lắc lư tiến tới, lấp loáng dưới ánh trăng.

Nhưng rồi không phải chỉ có một vật ấy. Nối đuôi nhau, cứ cách nhau vào khoảng từ nửa thước đến một thước rưỡi, những vật lóng lánh như thế, cái lớn, cái bé, cái cao, cái thấp, lần lượt lúc la lúc lắc kéo đi. Chúng tụ tập lại chỗ vật cát trống, dồn lại, không tiến nữa, nhưng vẫn lắc lư, lộn xộn. Hải cố nhìn nhưng vẫn không phân biệt được chi tiết, không nhận được hình dạng rõ ràng của chúng, không biết chúng là những con gì, cái gì, thuộc về giống gì. Chúng kéo đi cách

mặt Hải chừng năm chục thước tây.

Bỗng nhiên trong số các vật lạ lùng ấy, Hải nhận thấy có một vật mang trên đầu một cây đèn cá cầm đứng. Đích thị là cái vỏ chai rượu tây mà lâu nay anh vẫn dùng làm một chiếc chân đèn để trên bàn thờ. Hải giật mình



kinh dị. Thì ra tất cả đó đều là những thứ ve chai của anh trong nhà đang lục tục kéo ra.

Một chai rượu tây mang cây đèn cá trên đầu lắc lư tiến đi dưới trăng như thế, thực là một cảnh tượng vừa kỳ dị vừa lố bịch. Thế nhưng tất cả lũ ve chai chúng đều có vẻ trang nghiêm. Và trên bầu trời to lớn sao nhấp nháy, mây từ từ xê dịch, tiếp tục cảnh hoạt động lặng lẽ thâu canh của chúng rất tẻ chĩnh. Trong vườn mỗi ngọn cau, ngọn dừa, tàu chuối, tàu cây đều im phăng phắc, mỗi cây cau, cây cỏ với cái bóng dưới chân cũng như đang thưởng thức sự hệ trọng của mình.

Hải trông theo đoàn ve chai biểu diễn dùng dằng dằng dĩnh, mỗi lúc một lạ lùng ? Không còn hiểu ra sao nữa, anh cứ lặng lẽ nhìn như bị thôi miên, không nghĩ đến một cử động. Anh thoáng nhớ lại là đêm nay các cửa trong nhà phần nhiều đều bỏ trống. Nhưng dù sao cũng là một sự quái gở, vì đó không phải lý do chính đáng để cho ve chai biết bỏ đi.

Thình lình sau lưng Hải có tiếng động. Anh quay lại. Thì ra đến lượt những đồ dùng bằng thủy tinh trên bàn viết của anh. Trước tiên là ve mực rất đẹp mà thầy anh đã gửi mua tận bên Pháp cách đây mười bốn năm. Thầy anh mất đi, anh vẫn săn sóc cẩn thận, xem như một vật kỷ niệm. Anh nhớ ra mực đã khô ba hôm nay rồi.

Sau đó cái gương con của anh lệch xệch lệch đi. Rồi đến ve đầu măng nút chai, hết đầu, vẫn đề bên chổng sách.

Chúng kéo đi, không có vẻ gì quan tâm đến anh. Và anh cứ trông chúng đi, trí

không kịp nghĩ gì cả, ngồi làm một khán giả bất lực, hiền lành, vô hại.

Trước sau ngót một giờ đồng hồ cuộc biểu diễn mới chịu dứt. Hải không ngờ rằng những vật dụng bằng ve, chai, gương, kính trong nhà anh lại nhiều đến thế. Vẫn không thể phân biệt từng vật một. Tuy vậy bây giờ quen mắt hơn, anh đã có thể đoán nhận ra được một số, khi chúng đi ngang qua chỗ gần anh nhất. Có những cái vô nghĩa lý, anh không ngờ là có ở trong nhà, không hề đề ý đến, lại có những vật kỷ niệm thân-quí mà anh vẫn dấu diếm từ trước đến nay.

Một miếng nhựa trong lớn bằng ngón chân cái, hình trái tim, chồm dậy lấp lánh xoay một vòng rồi nằm xuống, như chiếc lá khô bị ngọn gió nhẹ thổi trên đường. Hải giật mình, ngượng ngùng, xấu hổ hết sức. Trời ơi ! Miếng nhựa trong ấy cũng lại có mặt trong cuộc hội họp kỳ dị này nữa sao ? Một buổi chiều cách đây bốn năm, tình cờ anh gặp Lộc trong phòng ăn nhà Huynh, một người bạn trai. Huynh có việc cần đứng dậy ra vườn. Lộc và anh ngồi đối diện trong căn phòng tối mờ mờ. Chưa bao giờ, phải, đã hơn một năm trời hai người biết nhau, thăm yêu nhau nhưng chưa bao giờ hai người có một dịp đối diện nhau. Và khung cảnh lại vắng vẻ. Hải bối rối; phân vân, nghe xao xáo đầy ngực. Một lát sau anh quơ cầm cây đàn ôm vào lòng và đưa tay sờ soạng tìm nhưng không thấy miếng đồi mồi đề đánh đàn. Anh lấy ngón tay lơ đãng búng vào giây đàn nhẹ nhẹ. Thình thoảng anh ngừng lại một lúc lâu, và Lộc với anh có thể trao đổi một đôi câu tâm thường không nghĩa lý. Anh thấy

Lộc kéo chiếc rờ dưng đồ may vá của chị Huynh lại gần, soạn lấy cái kéo rồi lúi húi cắt một cái gì, dáng điệu chậm rãi như cắt giấy vụn để chơi. Một hồi lâu, Lộc ngẩng lên, ném vào lòng Hải một miếng nhựa trong, rồi vắn cúi đầu xuống, tự nhiên. Trong cử chỉ ấy có một sự thân mật vợ chồng bất ngờ làm Hải choáng váng, bàng hoàng, nóng bừng lên như say. Anh cầm miếng nhựa đánh đàn hình trái tim trong tay nhìn thẳng về phía Lộc chờ đợi. Quả nhiên Lộc lại ngẩng lên. Hai người nhìn nhau đắm đuối, trong bóng tối mờ mờ rất lâu. Một niềm tha thiết làm nghẹn cổ họng anh. Cuối cùng anh có thể kêu lên «Lộc ơi» mà không cần soạn sửa trịnh trọng gì cả...

Nhưng về sau hai người xa nhau, và Hải lấy v.v. Miếng nhựa trong cứng ấy Hải vẫn cất giữ kỹ, ừ, cất ở đâu nhỉ? Anh cũng không còn nhớ ra nữa, ấy thế mà rõ ràng bây giờ nó đang nằm giữa những ve dậu thuốc thần cũ kỹ, tróc nhãn, mất nút. Hải vừa xôn xao bàng hoàng cả người về câu chuyện cũ, vừa xấu hổ như chính mình đang bị bêu diếu lỗ bịch giữa chỗ công chúng.

Lại còn cái gì cứ quay nhào loang loáng, to bằng nửa trái quít dấy nhỉ? A, Hải biết rồi. Đó là cái chén rượu của ông chú đã qua đời. Ông chú già của anh trước kia vừa ho lao vừa nghiện rượu. Cứ từng chén, từng chén ông uống hàng lít rượu mỗi ngày. Ông thường kể chuyện những con tinh rượu, sâu rượu. Ông tin rằng trong ruột mình có một con sâu rượu, và cứ theo sách (?) thì nếu ông nhin rượu được năm hôm liền, đến hôm thứ sáu, bắt một lò lửa hâm rượu nóng ở đầu gió, cho hơi rượu

phất ngào ngạt vào mũi ông được một buổi rồi bắt ông úp mặt xuống một chum rượu đầy, nhất định con sâu rượu sẽ nhào ra bằng ngõ miệng. Nhưng cả nhà không có ai đủ can đảm bắt ông chú nhin rượu, dù năm hôm liền, nên rốt cuộc con sâu xấu số bị chôn theo ông chú già. Cái chén rượu cũ đã sứt mẻ nhiều chỗ quanh miệng, không ai dùng nữa, đã hàng mấy năm rồi không biết nằm ở xó nào, bỗng nhiên đêm nay lại xuất hiện ra, nhào loang loáng dưới trăng như một thẳng diên.

Và bộ nút áo bằng thủy tinh của cô em gái đã đi lấy chồng xa. Và một con mèo nhỏ bằng thủy tinh rất xinh không hiểu làm sao lại có trong túi áo một người bạn gái lúc tắt hơi...

Góp lại trên một vạt cát chừng mười sáu thước vuông, bao nhiêu kỷ niệm nhỏ nhặt bất ngờ hiện đến dưới hình thức những vật long lanh làm cho Hải bồi hồi nôn nao cả người.

Cuộc hội hợp có lẽ đã đông đủ. Đêm khuya càng uy nghiêm hơn bao giờ hết. Bàng bạc khắp vườn, những vụn cát vụn chai bề vắn nhấp nháy, và khắp trời sao vắn nhấp nháy, nhấp nháy, đợi chờ.

Bỗng cái hội đồng ve chai trên vạt cát nổi lên một loạt xôn xao cử động. Chúng lịch xịch bò đi xếp thành một vòng tròn. Và cùng lúc ấy, từ ngoài góc rào tiến vào một nhân vật kỳ dị. Một ông cụ già lớn vừa bằng một chai nước cam, mặc toàn đồ trắng muốt. Ông cụ già đi rất cẩn thận, giữa các luống rau, tránh những giọt sương tụ ở đuôi lá rau. Ông ta tiến thẳng vào giữa vòng tròn ve chai, đứng lại, ngẩng mặt lên.

Hải vừa kịp đề ý đến cái trán láng bóng của ông ta. Khi ông hất mặt lên, vùng trán sáng chói như bằng sứ trắng men. Và ông cụ già lại đeo một cặp kính trắng, mỗi mắt to bằng cái tròng mắt mèo. Mỗi cử động của chiếc đầu hói làm cho cặp gương lóe những tia sáng linh động.

Ông cụ già đứng đúng vào giữa vòng rồi nhìn quanh một loạt khắp lủ ve chai xung quanh. Đoạn ông ta vung tay lên, và múa, và vỗ vào khoảng không như đánh nhịp cho một đám nhạc công đang hợp tấu một bản đàn. Tức thì cả lủ ve, ly cốc, chai xao động mạnh, rồi cùng nổi đuôi nhau đi vòng quanh ông cụ già. Vừa đi vừa múa theo cái nhịp lắc la lắc lư của chúng. Cuộc khiêu vũ quái gở cứ tiếp diễn dưới sự điều khiển của ông già hói trán lớn bằng chai nước cam. Thình thoảng nghe có tiếng lanh canh rất trong, rất nhỏ của hai chiếc chai sê va vào nhau.

Hải áp trán vào song cửa ngồi há hốc nhìn theo tâm trí như dần dần mê mẩn, không còn suy nghĩ gì được nữa. Anh thần thờ, tê mê, và thấy rụt rè sợ hãi, không dám khinh động, không dám có một cử chỉ vội vàng trước cảnh tượng kỳ quái đang thao diễn trước mắt, trong đêm khuya bao la và lặng lẽ. Nhất là lặng lẽ. Mọi việc càng thêm trịnh trọng uy nghiêm càng thêm khó hiểu, là vì tất cả đều lặng lẽ.

Hải ngồi như thế không biết bao lâu, sương đã thấm ướt nửa mái tóc của anh, và đầu anh đã thấy nặng trĩu. Bỗng Hải vùng ngang lên nhìn sững vào đám ve chai đang khiêu vũ. Anh nghe đau nhói và khó thở, như có ai đè mạnh, rất mạnh vào giữa ngực. Trời! Cái xâu hạt ngọc giả ấy! Đúng là nó rồi. Chính là xâu hạt ấy rồi! Nó đến lúc nào? Từ phía nào bỏ

đến mà anh không thấy? Nó vẫn nguyên vẹn và đẹp như thế sao? Nhưng nhất định là nó, đích thị nó rồi! Bất giác anh muốn quay về phía sau nhìn lại mặt vợ đang nằm ngủ. Nhưng đã một phút, hai phút rồi, anh vẫn ngồi im, trơ lì như pho tượng, không nhúc nhích. Anh vẫn nhớ là mình đang muốn quay nhìn vợ, và vẫn yên lặng, ngực đau nhói, gần nghẹt thở.

Xâu ngọc giả vẫn cứ lướt đi, uyển chuyển, uốn-ẹo, lằng lờ trong cái vòng vật dụng bằng pha lê. Nó quấn theo sau một chai nước hoa cũ tự mấy đời. Và Hải nhìn theo như ngây như dại. Trong trí anh lộn xộn nhiều màu kỳ úc....

...Hôm đó, lúc anh và vợ anh đi đến ngọn đồi thì trời đã trưa. Trưa mà không nắng, chỉ hanh hanh âm ỉu. Anh và vợ thay nhau bồng đứa con hời ấy mới mười ba tháng, phải rồi, cách bảy tháng nay, đứa con gái anh được hai tuổi nhưng chỉ có mười ba tháng. Hai vợ chồng nói với nhau những chuyện gì dọc đường? Anh quên cả rồi. Có lẽ là những chuyện vui và hay, nên anh nhớ hai người lúc ấy đều vui vẻ. Ba con quạ đậu bên cạnh đường đi. Anh dừng lại chỉ cho con xem. Một lúc sau anh ném một viên đá nhỏ đuổi ba con quạ bay đi, và vợ chồng lại tiếp tục đi. Qua khỏi một khúc đường cong, anh nhìn thấy dưới chân đồi một quân nhân vóc người bé nhỏ, cưỡi trên lưng một con ngựa tía cao. Anh giật mình khó chịu nghĩ đến một cái tên, và tự nhiên biết rằng vợ mình cũng đang nghĩ đến cái tên ấy. Anh không nói gì, nhìn về phía khác. Nhưng vợ anh nói như reo lên:

— Anh coi! Chắc là ông Hùng-Sơn!

Hải muốn bảo: « Biết đâu được? Làm sao mà biết được có phải là ông Hùng-

Sơn không ? » Và đúng như thế, vì cả anh cả vợ đều chưa từng trông thấy tướng Hùng-Sơn bao giờ. Nhưng tự nhiên anh tránh câu nói ấy như tránh một hành vi hèn nhất.

— Ừ, chắc là ông Hùng-Sơn.

Anh không quay nhìn vợ, nhưng anh đã biết chắc về mặt vợ như thế nào rồi. Anh có cảm tưởng là ngay trước khi anh trả lời, chị đã bừng lên tươi tỉnh, đã sáng rực lên rồi. Chị nói :

— Ông Hùng-Sơn mới đi ngựa chứ có ai mà đi ngựa nữa đâu ? Phải không anh ?

Đáng lẽ đó là một ý nghĩ trong đầu. Chị đã nói to lên thành câu. Và Hải lại tiếp theo, vì anh lại muốn tránh sự im lặng lúc ấy, (như tránh một hành vi hèn nhất) :

— Ông ta mới cưỡi ngựa chứ còn ai nữa.

Sau câu nói, Hải có cảm tưởng mình bị vợ lôi theo lệch xệch, thấy mình vụng về lúng túng. Nhưng vợ anh không để ý đến. Chị đang ở cái trón lẩn xuống từ một dốc cao. Sự xuất hiện bất thần của tướng Hùng-Sơn có một tác động mạnh mẽ bất

ngờ, không riêng đối với chị ta, mà đối với Hải cũng vậy.

Đã hai ba năm rồi, những anh binh nhì không học hành thuộc các đơn vị quân đội đã từng trú quân trong làng anh, và đàn bà trẻ nít, với quần chúng nông dân vẫn thường nói chuyện về tướng Hùng-Sơn như nói về một nhân vật hoang đường. Người ta kể rằng khi giặc rầm rộ đổ bộ

lên Tam-quan, liền lạc viên đạp xe đến báo cáo cho ông biết. Ông ta lúc ấy đang ngồi ăn phở trong quán cách mặt trận 15 cây số, thản nhiên gọi chủ quán lấy thêm trái ớt và tiếp tục làm thêm tô nữa. Ăn xong, ông đứng dậy hẹn với chủ quán sẽ đánh bật giặc xuống bề trong một ngày, một đêm, và sáng hôm sau sẽ trở lại quán để ăn phở. Người ta kể rằng ông thích xông vào đồn Tây với những đơn vị mà toàn thể đều choàng

khăn đỏ sau khi đốt lửa tuyên thệ quyết tử. Tây nó sợ ông và đặt cho ông những biệt hiệu rất kỳ cục. « Cự Hồ » thương ông ta như con, nhưng thường thường viết thư vào căn dặn ông chừa bớt tánh hoang đàng mèo mỗ. Vì đó là cái tính



không chứa được của ông tướng. Ông ta ham đánh giặc bao nhiêu thì ham gái bấy nhiêu..

Vợ của Hải là một người con gái có giáo dục. Khi người ta kể chuyện tướng Hùng-Sơn trước nhiều người thì chị yên lặng tiếp tục công việc như không hề nghe đến. Khi kể đến chuyện trai gái mèo mỡ của ông ta thì chị cười như chế riếu một sự lố bịch vô lý, và đỏ mặt, có khi bỏ đi chỗ khác.

Nhưng nửa tháng nay khi trung đoàn bộ của tướng Hùng-Sơn về đóng trong xóm thì dư luận trở nên xôn xao khác thường xung quanh những câu chuyện về ông ta. Chưa ai trông thấy ông ta, kể thì đồn ông còn ở mặt trận, người thì bảo ông đi hội nghị xa chưa về. Đàn bà con gái nói cười với một sự e-sợ giả dối. Thực ra họ vẫn chờ rình gặp ông ta như thích nhún cái đu đưa vút mình lên thật cao.

Nhưng Hải đã để ý đến thái độ của vợ, vợ anh không hề nói qua một lời nào về tướng Hùng-Sơn, không hề tỏ ra một sự quan tâm nào đến ông ta hơn trước kia.

Đột nhiên, trưa hôm ấy, trên ngọn đồi bỗng chị ta bùng lên. Đang đi chị dừng lại, cười như nhìn một vật lạ ngộ nghĩnh. Hải choáng váng, và anh cũng cười theo. Anh không nhớ vợ đã nói những câu gì, nhưng bên tai anh, tiếng chị nghe rang rang. Bây giờ anh mới quay nhìn vào mặt vợ. Không hề gì, vì chị không để ý đến. Hải trông thấy vợ mình như một lá cờ treo cao đang bay trước gió mạnh. Và giữa một

bầu trời đầy ánh sáng, cái ánh sáng làm cho Hải thấy chói cả mắt tuy chỉ nhìn vào mặt vợ mình.

Vợ anh làm ra hồn nhiên, ngây thơ như đứa trẻ đang chỉ chỗ nói cười. Hải nhìn không chớp mắt về ngây thơ vờ vĩnh, và sự say sưa của vợ. Người vợ hằng ngày của anh vụt trở lại bất ngờ. Anh lại nghe chị nói lớn:

— Đố anh em dám vậy ông ấy không?

Anh vẫn cười. Vợ anh xốc con bông lên trước ngực và đưa tay ra vẫy, bảo con vẫy theo, và cười hồn nhiên.

Tiếng cười ấy dội vào ngực Hải. Anh vẫn nhìn đắm đắm vào mặt vợ, không có một phản ứng nào. Anh biết rằng vợ mình gần như không còn nhớ có mình bên cạnh nữa. Chị bây giờ như một con diều giấy chấp chới trên mây cao, rất cao trong nắng và trong gió mạnh. Và Hải chỉ nắm cái chốt đầu sợi dây, một sợi dây rất mảnh đang sắp sửa đứt phụt đề bay theo con diều.

Trong ký ức của anh, nét mặt vợ mà anh nhìn lúc ấy chỉ toàn là ánh sáng. Cặp mắt của chị long lanh sáng rực lên. Những cái răng cũng lóe lên sáng. Mái tóc sáng và những sợi tóc phất phơ cũng sáng nữa. Và cái vòng râu hạt bằng thủy tinh giả ngọc đeo quanh cổ cũng sáng như reo lên. Hải hoa mắt ngây người.

Khi vợ anh đã quay lại như diều hạ lúc hết gió, hai người đều cảm thấy trên trán trong cảnh tàn cuộc. Nhưng chỉ một thoáng chị đỏ mặt, rồi chị lại lạnh ý nói cười to tiếng tiếp tục về ngây thơ vờ vĩnh để lấp sự trống trải. Vợ chồng tiếp tục đi. Người

quân nhân cưỡi ngựa nhỏ lần; mắt trong màu ruộm xanh. Hải tự hỏi vừa rồi anh ta ta có trông thấy và có hiểu gì về người đàn bà vậy tay không.

Từ đó về sau vợ anh không hề nhắc gì về buổi trưa trên đồi, nói gì về tướng Hùng-Sơn nữa. Những khi có người nói về ông ta trước mặt vợ chồng Hải, chị vẫn im lặng như trước, và anh thì tránh không dám nhìn về phía mặt chị. Nhưng anh gợn gợn trong người, có cảm tưởng rằng vợ mình đang giống như một chiếc lá khô bị ngọn gió thổi nhấp nháy nhấp nháy trên đường mà không bốc nổi lên cao.

Trung đoàn bộ của tướng Hùng-Sơn kéo đi rồi, một hôm người chủ nhà trọ của ông ta thuật lại rằng ông ta đọc rất chậm chạp. Hải cười to, nói :

— Bác tưởng những ông tướng đó học hành nhiều lắm sao ? Ông ta là người: Thô, một giống thiều thổ ở núi rừng ngoài Bắc, theo đánh giặc sớm, có lẽ tính hay liều lĩnh nên được tin dùng, chứ có học hành, có biết võ bị võ biểng gì đâu ?

Xong câu nói, Hải liền thấy xấu hổ về cái giọng tàn nhẫn của mình. Và khó chịu nhất là anh thoáng thấy người vợ ngó nhanh vào mặt anh rồi ngó tránh đi.

Buổi chiều hôm đó anh đang đào giun bên bờ ao sau vườn, chợt trông thấy cái vòng râu hột giữa một bụi dứa. Đây là chuỗi râu hột mà vợ anh đánh mất đã hai hôm nay. Anh nghĩ có lẽ nó sút mũi rớt xuống đây trong lúc chị trèo lên cây rước canh dấy để hái lá cho heo ăn. Anh cầm râu hột lên, và đột nhiên cái ánh sáng chói lòa của buổi trưa trên đồi, cái ánh sáng kỳ lạ của một buổi trưa không nắng, làm anh choáng váng hoa mắt. Trong trí nhớ của

anh, cả cái cảnh hôm đó vẽ lại bằng ánh sáng chói chang, ánh sáng trên mái tóc, trên những chiếc răng long lanh, cả nét mặt và cái cười toe-toét của vợ anh sáng quá, và cả vòng râu hột bằng thủy tinh cũng sáng quá. Anh nhìn râu hột trong tay, hẳn học. Và anh vụt ném xuống ao.

Đã sáu tháng nay, thỉnh thoảng anh lại bứt rứt vì đã không tránh được một cử chỉ hèn...

Thật là quái gở đêm nay râu ngọc giả lại lướt đi ông ẹo trước mặt anh, bên cạnh những ve chai long lanh. Và nó thản nhiên như một sự tha thứ độ lượng, làm anh xấu hổ.

Hải muốn đưa tay lên dụi mắt, nhưng thấy mình mất hết ý chí, như tê mê, dờ dẩn, ngồi im cứng một chỗ, áp trán vào song cửa. Anh vẫn nghe lâu lâu một giọt sương rụng xuống đồng lá khô, kêu một tiếng rất gọn, rất nhỏ, rất tinh tảo. Nhưng mà cuộc mùa men kỳ lạ cứ tiếp diễn, và nhận chìm anh vào một cảm giác mê mẩn. Anh cố gắng nghe ngóng mong tìm được một tiếng động của cuộc sống quen thuộc, một tiếng la, một tiếng thờ, một tiếng gọi kêu, để khỏi thấy bị lạc loài bơ vơ vào một thế giới khác. Nhưng tuyệt không còn một dấu hiệu nào tỏ rằng có một kẻ còn thức.

Dần dần anh ngủ thiếp đi không biết lúc nào giữa cái khung cảnh quái dị ấy.



Sáng ra vợ anh đến lay dậy, nhìn anh mỉm cười. Anh đã mặc nguyên lễ phục, gục đầu xuống bàn mà ngủ !

Ngoài giếng có tiếng nước xối mạnh. Những người lính ở trọ trong nhà đang tắm rửa. Anh nhìn lại cặp đùi khỏe mạnh của Trương, nhớ lại phút nhìn trộm đêm qua, bên lén. Hải thoáng nghĩ : « Lớp lính này là lớp lính thứ ba đến đóng trong nhà, sau khi trung đoàn bộ của tướng Hùng-Sơn rút đi ». Anh đứng dậy, vươn vai. Trời xanh, sạch và mát như mới mưa. Những chòm lá gòn non mơn mởi bắt lên đầu mùa xuân làm tươi sáng một góc vườn.

Hải quay lại, sắp sửa bước ra vườn. Bàn tay động mạnh vào ve mực khô để trên bàn, làm cho nó quay tròn lông lốc. Anh vội vàng đưa tay chụp lại và vô tình trông thấy có những hạt hơi nước đọng lấm tấm bên trong.

10-1957
VÕ-PHIẾN

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

1) « *Nhận xét về Chương trình Toán học 1957* » của ông Nguyễn Biên, Giáo-sư kiêm Hiệu - trưởng trường Chấn - Hưng, Quảng - Ngãi, do nhà xuất bản *Hoa-niên* gởi tặng.

2) Tập san, « *Tâm-tình* » số 1. ra ngày 15-1-58 do ông Ngọc-Phương làm chủ nhiệm, Ô. Thanh-Bình làm chủ bút.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản *Hoa-niên*, ông chủ - nhiệm tập san « *Tâm tình* » và xin ân cần giới thiệu với bạn đọc.

Bách Khoa

Muốn gây « đại dũng »

Tăng-tử bảo đệ tử của ông là Tử-Trương rằng :

— Người hiếu dũng ư? Ta thường nghe thầy ta (chỉ Khổng-Tử) luận về đại dũng Ngài dạy rằng :

« Nếu tự xét thấy mình không ngay thẳng thì dầu đối với thường-dân, mình há chẳng khiếp sợ sao? Nếu tự xét thấy mình ngay thẳng thì dầu đối với muôn ngàn người, mình cũng có thể an-nhiên mà đi qua vậy ».

MẠNH-TỬ

★ ĐÁNG chết thì chết, không cầu thả sống để cho « tâm » được yên ; nên thí thân, để cho « đức » được trọn.

LUẬN-NGŨ

★ NGƯỜI quân tử trọng được, khinh được, làm tội được, giết chết được, nhưng không thể bắt làm xằng được.

DIÊM-THIỆT-LUẬN

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



VỀ XUÔI

Diên-Nghị

Mưa phùn dăng ngổ trúc
Chiều lạnh mãi không thôi !
Đường rừng xa hun hút..
Tôi chạnh nhớ về xuôi...
Giòng sông Hương xanh ngắt,
In bóng mấy rặng gòì..
Đỉnh Ngự-Bình ngân ngắt,
Mưa mờ chiều rơi rơi...
Nghiêng nghiêng thành rêu phủ.
Ủ rû chuyện đời đời ! !
Đêm xuân nghe vọng tiếng
Ai hát rằng à... ơi...
Thương con ngày lận biển

Lòng mẹ xót ngậm ngùi !
Xuân này ai lỗi hẹn ?
Mà không trở về xuôi !
Trầm hương thơm cổ xứ,
Mai nở trắng vườn ngoài,
Pháo gần xa rộn nồ,
Ấm cả chiều ba mươi.
Cửa hồng câu đối Tết,
Nao nao tình ngọt bụi,
Phiên chợ chiều nhộn nhịp
Môi em bé hồng tươi,
Thanh bình xuân hứa-hẹn,
Mưa gió hết sục sùi !
Mùa xuân không uất nghẹn,
Thế gian đẹp tuyệt vời...
Rưng rưng chiều mạn ngược
Ai đợi chuyển dò xuôi.
Người ta về lũ lượt,
Em đợi mãi ... bồi hồi !
Xuân lại rồi... chỉ nữa,
Anh không về cho vui !

DIỄN-NGHỊ

mạn ngược — 1957 —

HÀNG



Giấy nôi : 305

Giấy thép : KOL CHOLON

51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON

SẢN XUẤT :

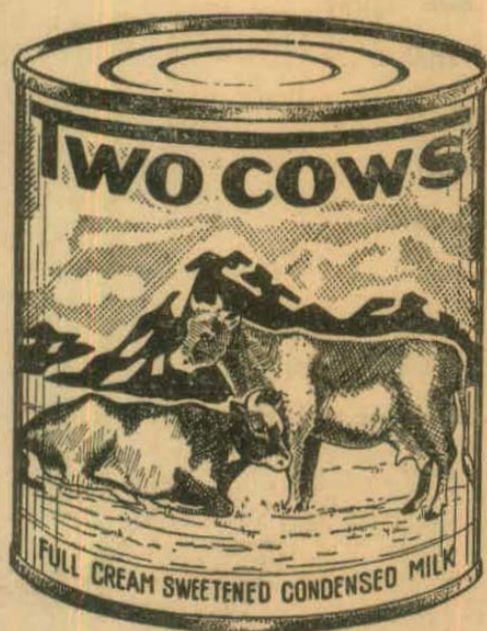
- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyétylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

SỮA ((HAI CON BÒ))

Được

Viện PASTEUR

SAIGON

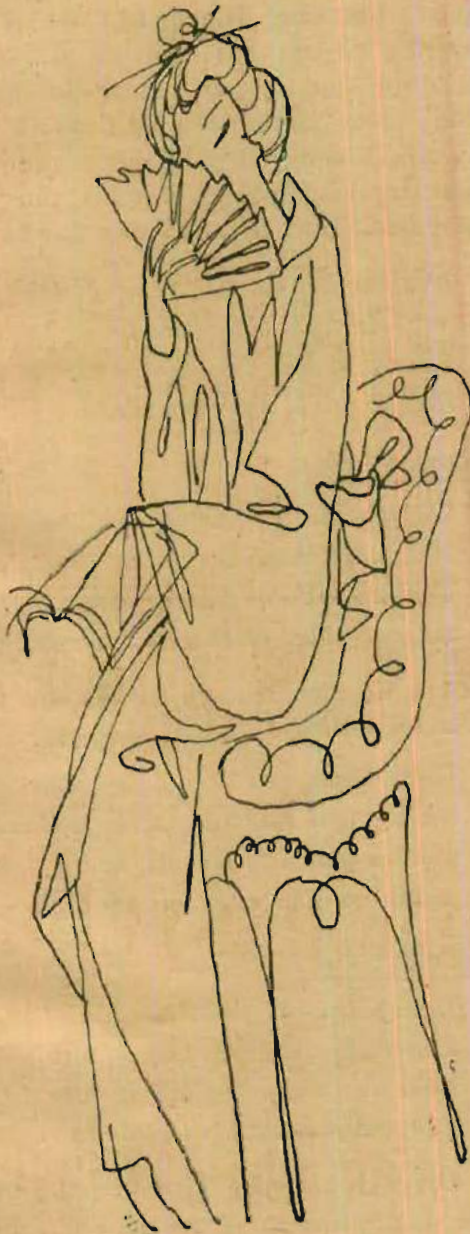


chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bỏ cho trẻ em dùng

TRUNG-HOA

TÌNH SỬ[?]

HƯ-CHU tình dịch



Nhắc đến cổ giai phẩm của Trung-Hoa, dù có thiên về mấy bộ Tam-Quốc Tây-Sương, mà xưa nay ai đã đành quên Tình-Sử? Và đọc hết một pho này, có ai chẳng nhận rằng trong ấy thật đã chứa đựng biết bao nhiêu điển cổ thường gặp ở những thi phẩm của Phạm-Thái, Nguyễn-Du...? Bởi vậy, dịch Tình-Sử ra Việt ngữ, công đó tất không thể không làm; và tuy vài chục năm trước đã có mấy bản dịch của mấy bậc chuyên nho, chúng tôi thiết tưởng bây giờ ta vẫn còn nên mong gặp lại.

Vậy đây, bản dịch Tình-Sử của Hư-Chu. Hư-Chu, một cây bút có cái kỹ thuật tình ngữ rất đặc biệt của Liêu-Trại, chắc cũng không dám để phụ lòng những bạn đọc nào đang muốn tìm một phong vị cổ.

L.T.S.

IV. — HỨA-TUẦN

ĐỒI Đường, Hàn-Hoành nổi tiếng tài hoa, nhà nghèo nhưng bạn giao du toàn danh sĩ. Cuối triều Thiên-bảo, Hàn về kinh thuê một căn nhà nhỏ để chờ khoa. Bên cạnh nhà này là nơi Lý trưởng quân chứa một nàng hầu họ Liễu. Liễu-thị thấy Hàn tài mà túng, rất có lòng thương. Tuy nhiên tị hiềm, vẫn chưa từng gọi hỏi.

Một hôm Lý đến với Liễu, nhân nghe kể chuyện, liền đặt rượu mời Hàn. Hàn sang đàm đạo văn thơ, Lý mừng gặp một tay lỗi lạc. Rồi mà từ đó giao tình rất đậm, tiệc cứ thường bày. Cho đến bữa kia, Liễu bỗng nhiên bảo Lý:

— Hàn-sinh xem thật đa tài. Vậy hiện đang cùng, tướng tướng quân cũng nên chu cấp.

Lý liền quắc mắt mà rằng :

— Dám nói câu này, tất là đã có đường ngang lối tắt!

Liễu nghe nói, sợ ồa lên. Nhưng chợt Lý đã cả cười mà bảo :

— Ấy là câu bốn, song nếu quả thì cũng điều hay. Sắc ấy tài kia, một đã gần nhau, rất không thể không nên tác hợp.

Nói đoạn, mời Hàn sang đối ẩm. Rồi đó, rượu giữa vơi say, bỗng vỗ bàn nói lớn :

— Danh-sĩ đời nay là họ Hàn, danh sắc đời nay là họ Liễu. Vậy đem Liễu Hàn mà ngẫu phối, há chẳng là thuận mệnh trời chăng?

Hàn giật mình, ngồi mà thẳng thốt. Lý liền gọi Liễu, bảo lại chuốc rượu cho Hàn. Hàn rất phân vân, vái mà từ chối. Lý bèn cười bảo :

— Đại trượng-phu đã gặp, có thể lấy cái chết đưa cho. Nay chút hồng nhan, đã gì làm hậu?

Hàn vẫn như mơ, nhìn mà cười gượng. Lý lại nói :

— Tiên-sinh thanh bạch, khó mà chán khởi bằng người. Nhân Liễu sẵn lắm tư trang, tất cũng không đến nỗi sớm hôm túng thiếu.

Nói xong, khảng khái mà đứng dậy ra về. Hàn lưỡng cố theo ra, nhưng nắm áo cũng không ngoảnh lại. Liễu thấy thế, gọi Hàn mà nhủ :

— Lý tướng-quân vốn bụng hào-tinh. Nay đang tiệc giũ áo mà đi, tướng tiên-sinh cũng chẳng nên quá lạ.

Hàn ngẫm nghĩ, chợt nhìn Liễu mà rằng :

— Người đi chẳng lạ thì ầu, song xét cũng còn phải lạ cho người ở?

Liễu không đáp, mỉm cười mà sang dọn hết đồ đạc ở nhà bên. Đó rồi, cư xử với Hàn thật như với Lý.

Cách mấy năm, Hàn học tài mà thi phạm, trượt cả hai khoa. Nhân lấy tình quen, tìm sang Thanh-châu mà mong sự tiến cử của một viên tiết độ. Sau đó được làm tổng sự, muốn cho người đón Liễu, nhưng còn ngại đường xa xôi. Nào hay tiếp lại nhiều nhương, mãi ba năm, mới có dịp gửi thư về một bức. Thư viết, lại cũng thơ kèm ;

*Liễu chương dài liễu chương dài
Nay vẫn ngày nào vẻ tốt tươi
Tha thướt biết còn như thuở trước
Hay là vin bể khác tay rồi*

Nguyên - văn :

*Chương dài liễu chương dài liễu
Tích nhật thanh thanh kim tại phủ
Túng sử trường điều tự cự thủy
Dã ưng phan chiết tha nhân thủ*

Ít lâu, tin phúc lại, vẹn có bốn câu thơ của Liễu. Rằng :

*Cành dương liễu tiết đang xanh
Những hạn bao năm tặng biệt tình
Một lá gió đưa thu đã báo
Người về đâu chắc lại vin cành*

Nguyên - văn :

*Dương liễu chi phan phi tiết
Khả hạn niên niên tặng ly biệt
Nhất diệp tủy phong hốt báo thu
Túng sử quân lai khởi kham chiết*

Lại cách hơn năm nữa, Hàn được đổi về kinh. Nhưng về thì mới hay Liễu đã bị phiên tướng họ Sa cưỡng theo làm thiếp. Nhân biết Sa là tay thế lực, đành thôi vượt bụng riêng than. Mà nhớ câu « dương liễu » khi xưa, càng thêm những lòng đau như cắt.

Bữa nọ, được mời đi dự tiệc, dọc đường gặp một đoàn xe đậm dịch, bỗng thoáng thấy Liễu vén bức rèm che. Nhân động mối thương tâm, ngồi vào cuộc vui lại mình riêng ủ dột. Cử tọa thấy vậy, liền xin biết nguyên do. Hàn đang khi buồn, thực đem kể hết. Cử tọa nghe dứt, bỗng có một người tên Hứa-Tuấn vùng dậy mà rằng :

— Tôi theo quan ngu hầu, làm viên tỳ tướng. Nhưng chức nhỏ mà dù việc lớn, xưa nay từng vẫn chưa lùi.

Nói đoạn bảo Hàn viết thư đề mình đi gọi Liễu. Hàn sợ, nhưng sau nghe lời cử tọa cùng thử thảo đôi hàng. Hứa bèn mượn ngựa, đoạn cưỡi một, kèm một mà phóng đến dinh Sa, Sa bấy giờ vắng mặt, Hứa thừa cơ lừa bọn gia nhân mà bảo :

— Tướng công ngã ngựa, mệnh đến mười nguy. Nay có thư này truyền triệu Liễu phu nhân đến kịp !

— Sau đó Liễu ra, Hứa liền trao thư mà giục nói :

— Đây là thủ bút đề làm tin sai sứ. Vậy nếu không phụ lòng mong mặt, hãy xin cấp tốc đi ngay.

Liễu xem thư, hiểu âm mưu, bèn mà lên ngựa. Hứa tức thì dẫn về chỗ tiệc, đoạn trở Liễu mà rằng :

— Cái thư của viên ngoại họ Hàn, cũng may mà không nhọc mệnh !

Bấy giờ cử tọa ngồi trông, giật mình mà khen tay tài đảm. Đó rồi muốn khỏi và sau cho Hứa, cả bọn liền đến giải việc với Hầu-Công. Hầu-Công nghe vuốt râu, cười bảo :

— Đó là cái việc của ta hồi trẻ. Ngày nay làm được, lại là cái việc của họ Hứa hay chăng !

Nói xong, thảo biểu vào triều. Vua xem biểu, truyền Sa phải trả Liễu cho Hàn, nhưng được ban đền cho hai trăm tấm lụa.

☆ Bối mình không tranh cho nên thiên hạ không ai tranh nổi

LÃO-TỬ

☆ Thân ở trong muôn loài, tâm ở trên muôn loài.

BẠCH-SA

☆ Việc của thiên hạ, nên đem cái tâm của thiên hạ mà khu xử, không nên khu xử bằng cái khôn vặt và cái trí hèn.

TẢ-TÔN-ĐƯỜNG

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

KHÔI LƯ'A KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-doàn, tức Quyển-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hoàng-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dùi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dình về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lạy ông bà Tăng-Văn Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tò-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyển họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tựu-chức.

Mỗi giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bàn-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hữu và nhân Bàn-A đã đính hôn với Man-Ni, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lại Kinh, làm lễ cưới « Xung Hi », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man-Ni, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bàn-A và Man-Ni thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoa bệnh.

SỞ dĩ, chúng tôi đã tường thuật một cách rất tỉ mỉ sự quan hệ giữa Bàn-A và Man-Ni tại Sơn-Đông, là vì đến mùa xuân năm sau, khi Quế-cô trở về Bắc-Kinh, thì Bàn-A lâm trọng bệnh và bên Tăng-phủ phải phái gia nhân về quê đón Man-Ni lên để cử hành hôn lễ.

Tuy Bàn-A không được là một thanh-niên thập phần tráng kiện, nhưng, kể vào hạng học trò mà lại là con nhà quan, thì tương đối cậu

vẫn là khỏe mạnh, chứ không đến nổi ẻo-lả hay luôn luôn đau ốm. Cũng chỉ vì cậu đương vào cái tuổi phát dục, mà cậu lại quá chăm học, ít khi đi ra ngoài, và thiếu vận-dộng nên nguyên khí của cậu cứ dần dần suy hao mãi đi. Bao giờ cũng vậy, các cậu học trò, cậu nào dụng công chăm chỉ học tập cũng đều gầy yếu và xanh lợt.

Cứ tháng hai năm đó, Bàn-A bị chứng nóng lạnh cách-nhật. Được tin ấy Man-Ni tự nhận thấy rằng cái

hi vọng đến kỳ tảo mộ được gặp cậu cơ hồ đã thành bào ảnh vậy.

Từ khi Bàn-A đi Bắc-Kinh, tới nay, đã tròn hai đông ; và cũng từ ngày đó, tâm tình của Man-Ni đã đổi khác hẳn.

Trong hai tháng trời, không ngày nào mà hai gã thanh xuân ấy, lại không gần nhau, chuyện trò với nhau, mặt nhìn tỏ mặt, lòng rung với lòng ; cho nên, sự xa cách đã đem lại cho nàng một cái hương vị quá ư cô liêu đơn độc ! Nàng trở thành yên lặng, ít nói năng ; cả sự sống của nàng hình như bị cuốn gọn và gói ghém cả vào nội tâm. Cái việc thăm yêu, trộm nhớ giữa hai người đã gây trong tâm tư của nàng một ấn tượng, mà trong đó, có dung hòa cả tình ái lẫn ưu uất. Cái ấn tượng này làm cho nàng liên tưởng rằng sự luyến ái với cái bộ quần áo đại tang của nàng chỉ là một.

Nàng tự tay cắt, may, lấy hẳn mấy bộ quần áo bằng vải trắng muốt mà nàng giặt giũ cẩn thận, để giữ cho nó lúc nào cũng nõn nà, chỉnh khiết. Nàng không khỏi không yêu những bộ tang phục đó một cách nồng nàn, tha thiết. Thế rồi nàng lại thích nghe tụng kinh, niệm Phật, và nàng rất ưa đứng xem không chán mắt những đám ma đi qua cửa nhà nàng. Có lẽ trong tâm hồn của nàng cái ý niệm của yêu đương tức là tang tóc !

Đối với tất cả các người, ai cũng cho rằng nàng sầu thảm ulla, là do

cái tang của ông thân của nàng, nhưng thân mẫu nàng đã thấu rõ tâm trạng của nàng hơn ai hết, bởi vì, mỗi khi nhận được một phong thư của Mộc-Lan gửi về, mà trong đó có tin tức của Bàn-A, hoặc bắt cứ thư từ gì ở Bắc-Kinh lại, cũng vậy nữa, nàng bỗng vui vẻ, hoạt bát hẳn lên hàng mấy ngày để rồi sau lại đầu hoàn đầy, nàng lại trở lại yên lặng và một mình thờ thần, chẳng nói năng chuyện trò với ai cả. Không những thế mà thôi, mỗi khi mở thư của Mộc-Lan ra để đọc hai gò má nàng ửng hồng và đôi môi nhỏ nhắn của nàng rung rung mấp máy, đúng với cái dung thái riêng biệt của nàng thường ngày. Lý-di-mã nói kháy rằng Man-Ni vì tương tư thất tình mà trở nên âm thầm, lặng lẽ như vậy, nhưng Lão-thái-thái nhất quyết không chịu nhận rằng để cho hai trẻ thân cận nhau một cách mật thiết như mới rồi, là một việc tối ư khinh suất.

Còn cái câu chuyện cho Man-Ni lên Bắc-Kinh thì không thể nào thực hiện được, vì ít lâu nay, Lão-thái-thái đã quên cùng thân mẫu nàng khi khuya lúc sớm chuyện trò ; cụ nhất định không chịu rời thân mẫu nàng ra một lúc nào ; bởi vậy Man-Ny chỉ còn có một cách là đợi đến sang năm, nàng mười chín và mãn tang thân phụ nàng thì nàng mới được lên Bắc-Kinh để thành hôn.

Ấy cũng vì thế mà trong ngày thanh minh, nàng đi tảo mộ, trước linh phần của thân phụ, nàng đã

khóc lóc một cách thê thảm thống thiết. Cũng chỉ vì khóc nhiều và quá thương tâm, nên cô bị cảm, nằm phục vị ở giường mất mấy ngày ; cho mãi tới hôm có tin ở Bắc-Kinh về cho hay rằng bệnh tình của Bàn-A đã thuyên giảm và cậu đã bình phục như cũ, thì nàng mới thực khỏi hẳn.

Bàn-A uống có mấy thang thuốc thì hết sốt ngay, nhưng tuy vậy, cậu chưa được thực khỏe ; cậu vẫn còn thấy mệt mỏi trong người và cứ ngủ gà, ngủ vịt suốt ngày. Cứ như vậy mà kéo dài tới hàng tháng. Cậu phải uống thuốc tề và tĩnh dưỡng luôn trong sáu tuần lễ, mới lại đi nhà trường được.

Thế rồi, đến tháng tư, đột nhiên cậu lại phải lại, mà bệnh càng ngày càng nặng lên. Cậu kêu nhức đầu và đau ở cổ. Tăng tiên sinh và Tăng phu nhân thì cho rằng, cậu lại cảm mạo như lần trước, nên lại cho cậu uống theo cái đơn trong đó, dùng sai hồ làm thang và trước đây đã rất linh hiệu nhưng, qua bảy tám bữa, bệnh tình của cậu không khỏi sắc một li nào, nên ông bà vội vàng cho đi mời một vị ngự y đến để chẩn mạch cho cậu. Nguyên do, vì sự giới thiệu của bèn Diêu-gia, mà Tăng-gia mới biết mà đón được vị danh y đó. Ông này bắt mạch xong không bảo sao hết, mà chỉ kê đơn cho uống một chén thuốc trong đó có quế chi, cam thảo và hạnh nhân cốt ý để làm cho cậu ta ra được nhiều mồ hôi.

Hồi đó, Mộc-Lan đã mười bốn tuổi rồi, và đã đọc qua mấy quyển sách thuốc. Ông thân của cô có óc tàn kỳ nên hết sức cổ lệ cô, mỗi khi tiện dịp cô lại cố học hỏi vị ngự y đại phu về thuốc thang và sự trị bệnh. Bởi vậy, khi cô sang chơi bên tăng phủ, cô xem cái đơn thuốc, cô hiểu ngay, chứng bệnh đó là thương hàn về thời kỳ mới phát. Về nhà, cô đem việc đó thưa lại để song thân cô hay.

Cái bệnh thương hàn là một chứng khá nghiêm trọng mà các lang y rất dỗi đam tâm. Đối với y học của Trung-quốc, chứng thương hàn đã làm hao tổn biết bao nhiêu bút mực, cùng là lời bàn cãi. Nó rất phức tạp, rất khó hiểu, rất khó chữa. Đã có vô số là sách ọc nói về thương hàn và có không biết « cơ man » nào là phương thuốc. Mỗi thầy thuốc nói một phách, ông nào cũng cho rằng cách trị liệu của mình linh hiệu nhất ; rút cục lại, thuốc uống thì thật nhiều mà bệnh nhân thì cứ chết. Đó là vì bệnh thương hàn, theo đông y, bao hàm một số rất nhiều những trạng thái và biến chứng. Nhiệt độ cứ trở đi trở lại, khi thăng, lúc giáng, căn nguyên của nó là ở ruột, nên người ta đã mệnh danh nó là « trường thất phù tư ». Đối với y học Trung-hoa thì bệnh ấy bắt đầu xâm nhập vào tam dương của thể hệ, rồi từ đó, lại truyền vào tam âm thể hệ. Tam dương tức là ruột non, ruột già, thực đạo, bàng quang, và u môn,

nghĩa là hầu hết cơ quan của bộ máy tiêu hóa mà tác dụng là sự dinh dưỡng thân thể vậy. Cũng có khi nói « lục dương thể hệ » tức là nói tới tất cả bàng quang, túi mật và cái dạ dày ; còn phổi, tim với cái màng bọc quả tim, tụy, thận và gan là « âm tạng thể hệ » nó giám chế cả sự hô hấp, sự tuần hoàn của huyết dịch, sự bài tiết các chất thừa, chất xấu bỏ đi. Nói tới âm và dương tức là tới sự liên quan của các tạng, phủ, cái nọ giúp sức cái kia, cái kia nhờ cái nọ một cách mật thiết, chứ không bao giờ xung khắc nhau. Sự dinh dưỡng duy trì và làm ra thể nhiệt và thể lực ; mà sự tuần hoàn và sự phân tiết thì đem các dịch thể chi đi để bồi dưỡng cùng là nhuận hoạt các cơ cấu trong thân người. Người ta lại còn cho rằng thận, can và tụy có cái công dụng chủ yếu là làm cho tất cả nội cơ được điều hòa và luôn luôn quân hoạch.

Trong thời kỳ thứ nhất, khi mới phát ra ở dương biểu, nghĩa là ở ruột, thì chỉ cần luôn luôn săn sóc tới người ốm. Lúc ấy, Bàn-A, môi và cổ họng khô, ráo, nhưng không thấy khát nước, muốn uống ; mắt thì hoa lên, tai thì ù, mà bụng thì lúc nào cũng trường đầy những hơi.

Quan ngự y đại phu bảo với Tăng gia rằng bệnh chứng của

cậu cả khá nặng đấy. Tăng phu nhân trong bụng thì cho rằng các bệnh của cậu là bệnh tâm lý của thanh niên. Đó chỉ tại Lão-thái-thái đã cho cái đôi thanh niên nam, nữ, quá gần gũi nhau nên nó mới phát sinh ra cái nóng nổi này.

Thế rồi, qua nửa tháng trời. Nhiệt độ cứ không rút. Cậu cứ sốt liên miên. Mạch, trước vẫn « phù », nghĩa là nổi ở trên, rất dễ xem ; nay, bỗng « trầm » hẳn xuống mong manh yếu hẳn đi nên bà sợ quá. Bà nghĩ ngay tới việc phải đón Man-Ny ra vì trong thâm tâm bà, bà vẫn tin rằng bệnh của Bàn-A là do sự thất tình, tương tư mà ra ; như vậy, chỉ một cách giản dị nhất, là đem cái người mà bệnh nhân đem ngày tưởng nhớ tới trước mặt, cho họ gần nhau, là bao nhiêu bệnh nào sẽ tiêu tan đi hết ngay tức khắc. Còn một lý do nữa, đó là cái tục « Xung-lữ » ; người ta tin rằng nó rất hiệu nghiệm ; trong khi bệnh nhân đương ốm, người ta cứ việc cử hành hôn sự. Tuy thân mẫu cậu cũng chưa nhất định làm lễ xung hỉ ngay thử thời, nhưng dầu sao, cũng cứ đón Man-Ny lên Bắc-Kinh, để khi động dụng thì khỏi phải chờ đợi lâu la. Vị ngự y cũng tự nhận rằng, đối với cái bệnh thương hàn, các phương thuốc cho tới nay, rất đổi là mơ hồ ; vậy, thôi thì còn nước, còn tát, có cách gì khả dĩ

giúp cho bệnh nhân có đủ sức để đương đầu với bệnh thế, cũng nên dùng. Vì thế, ông liền tán thành đề nghị của Tăng-phu-nhân. Vả lại, xung hỷ cũng bất ngoại cái phương trị liệu mà các lang y đông tây đều đồng trình mà mệnh danh là « hỗn hợp tâm lý trị liệu », nghĩa là, lấy tâm lý phù bật cho y lý vậy.

Tăng-phu-nhân có đem việc trên đây nói cho Bàn-A biết. Cậu nghe thấy bảo Man-Ny sẽ lên trông nom cho cậu thì cậu rất ưng ý.

Ông Tăng-văn-Phát liền đánh ngay một bức điện tin về Sơn-Đông. Trong hồi này, ông ở dưới quyền của Viên-thế-Khải, lúc ấy, là một nhân vật có thế lực và quyền hành nhất triều. Họ Viên vừa là tổng đốc tỉnh Trục-Lệ, vừa là đốc biện của ty thiết lộ, ty khoáng chất, ty bưu điện ; ngoài ra ông ta đảm phụ cả việc huấn luyện một đội tân quân dùng toàn súng ống âu tây. Cũng là nhờ ở sự tiến dẫn của một ông bạn, ông Ngưu-Tư-Đạo, một người vừa là đồng hương, vừa là đồng liêu, mà Tăng-tiên-sinh được Viên-Thế-Khải trọng dụng. Nhân đây, Viên-Thế-Khải phái ông sung nhậm chức phó tổng giám Điện-báo-cục. Lại cũng nhân thế mà ông đã có thể đánh một bức điện văn thực dài, trong đó, nói rõ ràng đầu đuôi sự thể, để mời hai mẹ con Man-Ny lại Kinh.

Đối với Man-Ny, bức điện tin đó là cả một tiếng sét đánh ở giữa lúc trời quang mây tạnh, cho nên nàng chỉ có việc sắp sửa đồ đạc, đi mau được ngày nào hay ngày đó. Tăng-lão-thái-thái liền thương chước ngay với thân-mẫu nàng. Cụ ghé vào tai bà mà bảo : « Việc này nhất định là song thân của Bàn-A muốn cử hành lễ tục « Xung-hỷ » đây, cho nên mới cố nài mời cho được con cùng lai Kinh với con bé cháu. » Tuy nhiên, thân mẫu nàng cũng không nói cho nàng biết vì chưa tiện. Đáng lẽ ra, đi thuyền thì được nhàn nhã hơn, nhưng, sau khi suy tính, Man-Ny thừa với mẫu thân nên đi xe và ngồi kiệu, thì chỉ mất có một tuần lễ đã tới Kinh, mà đi đường thủy thì nhất định mất nhiều ngày giờ hơn.

Về phần Lão-thái-thái, khi được tin, cụ rất hồi lo sợ. Bàn-A là cháu đích tôn của cụ, và là trưởng họ. Trong cái chế độ của gia tộc, Bàn-A có một địa vị trọng yếu. Như vậy, cụ cũng quyết định lên Kinh-sur, nhưng cụ muốn đi thuyền cho được an thích ; vả cụ lại còn muốn mang cả Lý-di-má đi theo nữa. Cụ sẽ đi sau ít ngày. Cụ không quên cất cử một người đầy tớ trai và một người vú già đi theo hầu hai mẹ con Man-Ny. Để riêng phục thị Man-Ny, cụ cho cả con a hoàn nhỏ là Tiểu-Lạc đi theo.

(Còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter

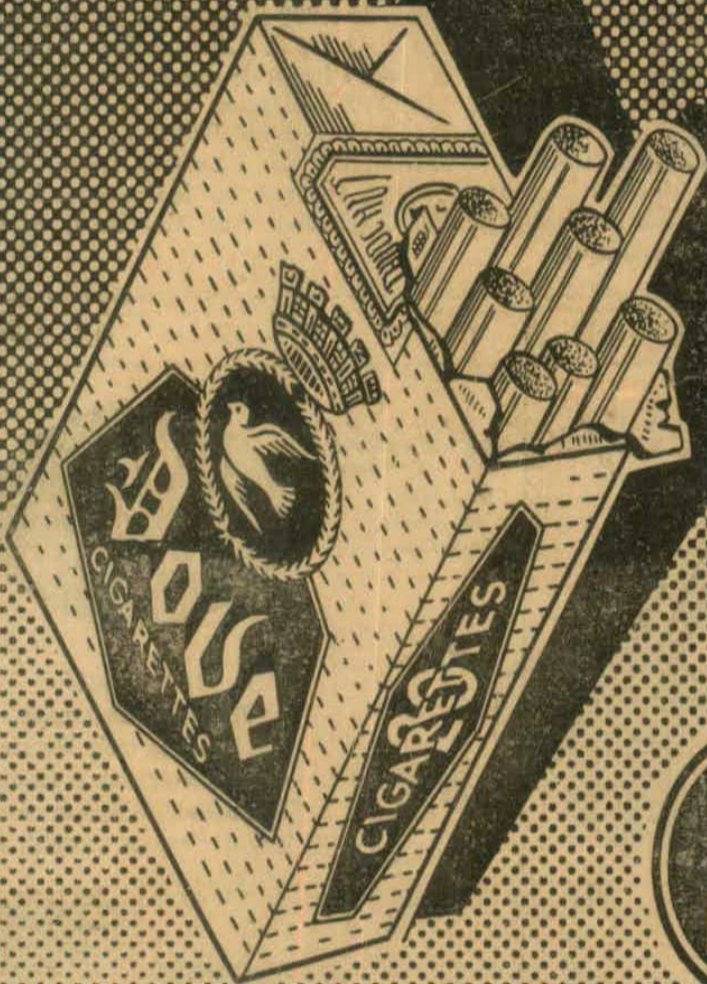


DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »

Dove



158

Thuốc thơm hảo hạng

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



B – Đốt cháy liền
U – Khởi mát ngay giờ
T – Không khói, không bụi
A – Dùng nấu nướng các thứ
G – Không làm nhứt đầu hay cay mắt
A – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z – Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
 hoặc 2 thước củi
 hoặc 135 kí-lô-vát điện

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne & Lotions

de

PREMIÈRE QUALITÉ

Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoá ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại: 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công Ty
135, Pasteur — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaup Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

91020010

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOUANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUONG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET SAMNEUA	Tous les Lundis, Vendredis Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

TÔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH KHOA XUAN MAU TUAT BACH KHOA

BACH KHOA XUAN MAU TUAT BACH KHOA XUAN MAU TUAT

GIÁ 12 000